15 THÁNG 10 NĂM 1971

BACH KHOA

năm mười lăm

VIỆT PHƯƠNG *cuộc bầu cử 3-10 và việc chấm dứt cuộc chiến Đông Dương* * TỪ TRÌ *tình đoàn-kết quốc tế và nền thương mại thế giới trước cuộc khủng hoảng đồng Mỹ-kim* * TRẦN THÁI ĐỈNH *những điều kiện để phát huy văn hóa* * VÕ QUANG YẾN *xung quanh viên thuốc ngừa thai : ngăn cản trứng rụng* * TRẦN TIỄN HY *việc dùng châm thuật để thay thế thuốc mê ở Trung-Cộng* * GEORGES E. GAUTHIER *nét, hình và tiết điệu trong giai khúc của Phạm-Duy* * LINH BẢO *một chuyến Đông Du* * TRẦN HOÀI THƯ *người thầy trẻ* * NGUYỄN MỘNG GIÁC *dư sinh 2* * LUÂN HOÁN *khói cơm chiều* * TRẦN-THỊ TUỆ-MAI *ra về giữa tiệc* * TRẦN HUIỀN ÂN *rẽ sóng đăng quang* * HỒ NGHY TRIỀU *thi hài số 95* * **SINH HOẠT** *thời sự thế giới* * *thời sự khoa học* * *thời sự văn nghệ*

355

TẠP CHÍ BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Sáng lập: HUỲNH VĂN LANG
HOÀNG MINH TUYNH
Thư ký Tòa soạn: TÔN THẤT HÀM

Chủ nhiệm Chủ bút: LÊ NGỘ CHÂU
Quản lý: NGHIÊM NGỌC HUÂN
NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ BÁO

MỖI SỐ	**50đ.**
SÁU THÁNG	**550đ.**
MỘT NĂM	**1050đ.**

Cao nguyên và Miền Trung, thêm cước phí máy bay 50 đ. một năm.

Ngoại quốc đường thủy: thêm cước phí 120 đ. một năm.

Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, hoặc Tạp chí Bách-Khoa Thời-Đại trương mục 54.262 Tổng ngân khố Việt-Nam.

Bưu chi phiếu xin chuyển cho Tạp chí Bách Khoa Thời Đại 160 Phan đình Phùng Saigon, Trương mục 27-46, Trung Khu Saigon

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

trên bán nguyệt san BÁCH-KHOA

1	trang giấy mầu	: *mỗi kỳ*	:	**4000đ**
1/2	trang giấy mầu	: *mỗi kỳ*	:	**2000đ**
		oOo		
1	trang trong	: *mỗi kỳ*	:	**3000đ**
1/2	trang trong	: *mỗi kỳ*	:	**1500đ**
1/4	trang trong	: *mỗi kỳ*	:	**800đ**

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty Quản-lý Tạp-chí Bách Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

BÁCH KHOA

Số 355 ngày 15-10-1971

VIỆT PHƯƠNG *cuộc bầu cử 3/10 và việc chấm dứt cuộc chiến Đông Dương* 05

TỪ TRÌ *tình đoàn kết quốc tế và nền thương mại thế giới trước cuộc khủng hoảng đồng Mỹ-kim* 12

TRẦN THÁI ĐỈNH *những điều kiện để phát huy văn hóa* 17

VÕ QUANG YẾN *xung quanh viên thuốc ngừa thai : ngăn cản trứng rụng* 23

TRẦN TIỄN HY *việc dùng châm thuật để thay thế thuốc mê ở Trung-Cộng* 27

GEORGES E GAUTHIER *Phạm Duy — một nghệ thuật khúc điệu :* 33

LINH BẢO *một chuyến Đông Du* (du ký) 39

TRẦN HOÀI THƯ *người thầy trẻ* (truyện) 47

NGUYỄN MỘNG GIÁC *dư sinh 2* (truyện) 55

LUÂN HOÁN *khói cơm chiều* (thơ) 64

TRẦN-THỊ TUỆ-MAI *ra về giữa tiệc* (thơ) 65

TRẦN HUIỀN ÂN *rẽ sóng đăng quang* (thơ) 66

HỒ NGHY TRIỀU *thi hài số 95* (truyện) 71

SINH HOẠT

TỪ TRÌ *thời sự thế giới* 77

TỬ DIỆP *thời sự khoa học* 79

TRÀNG THIÊN — THU THỦY *thời sự văn nghệ* 83

Chủ nhiệm : LÊ NGỘ CHÂU

Chủ bút :

Tòa soạn : 160, Phan Đình Phùng Saigon

Điện thoại : 25.539

H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG

21, Nguyễn Thiện Thuật — Saigon

GIÁ : **50đ** Công sở : **100đ**

Cao-Nguyên và Miền Trung thêm cước phí máy bay

Sách báo mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quí vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

Cao-nguyên miền Thượng *Việt nam chí-lược của Cửu Long Giang và Toan-Ánh, do tác giả gửi tặng. Sách in ronéo rất đẹp, dày 437 trang, khổ 20 × 26, sưu khảo rất công phu gồm 3 phần chính : I Nguồn gốc, địa lý, lược sử, nếp sống đồng bào Thượng và miền Thượng, II : Các sắc dân chính III : Các tỉnh Cao nguyên. Có kèm theo bản đồ Cao nguyên và Lược đồ các nhóm ngữ tộc cùng rất nhiều hình ảnh của các nhiếp ảnh gia : Nguyễn Cao Đàm, Nguyễn Đức Thịnh, Trần văn Châu, Jean Lhuissier.*

— *Sách thiếu nhi của* **Mây Hồng** *gồm 6 cuốn :* **Mái trường thân yêu** *của Nguyễn khắc Lộc* **Dì Vân** *của Cô Ngọc Ngà,* **Bí mật dưới thành phố cổ** *của Kim Thu,* **Hiếu bụi đời** *của Viễn Quỳnh,* **Thi sĩ tí hon** *của Trùng Dương,* **Suối thương yêu** *của Hoàng Đăng Cấp. Mỗi cuốn dày trên dưới 160 trang, ngoài phần truyện còn phần Vui Học rất lợi cho các em thiếu nhi. Bản đặc biệt. Giá 70đ.*

— **Trao quà ngày Tết** *sách nhi đồng Tuổi Thơ của Minh-Quân do nhà sách Khai Trí xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 32 trang rất hợp với tuổi thơ. Giá 20đ.*

— **Ngọc báu ngai vàng** *Sách thiếu nhi Tuổi-hoa của Nam Quân Nguyễn-Hoài Chúc do Tuổi Hoa xuất bản và gửi tặng. Sách dày 183 trang, trình bày đẹp. Giá 70đ.*

— **Một mình một ngựa** *của Nguyên Sa do Nguyệt san Nhân Văn xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 160 trang gồm những bài báo của tác giả đăng trên các Nhật báo Sống (1967) và Độc Lập (1970) tất cả là 17 lá thư gửi tặng một người văn nghệ trẻ và thư gửi Kiều Phong. Giá 95đ.*

— **Phật giáo nguyên thủy** *của Thích Quang Lê Thanh Quế do Nhóm Yêu Sống xuất bản và tác gửi tặng. Sách dày 64 trang, khổ 20 × 27, in ronéo, nằm trong bộ sách : «Phật giáo đi về đâu» gồm 3 chương : Đời sống Đức Phật, Những khó khăn trong việc nghiên cứu Phật giáo, Từ Đức Phật đến kinh điển Phật giáo. Nơi phát hành : Thư viện Đắc lộ, 161 Yên đổ Sàigòn.*

— **Toán học** *Lớp 12 B của Giáo sư Lâm Lý Hùng, do Trí Đăng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 320 trang, gồm 8 bài Giáo khoa và Bài tập có lời giải, soạn theo chương trình mới của Bộ Giáo-dục. Giá 340đ.*

— **Việt sử văn vần** *quyển I (dùng cho lớp Hai và Ba) của Lê Quý Long, do soạn giả ấn hành và gửi tặng. Sách dày 110 trang, gồm 80 bài thơ về truyện xưa tích cũ và các nhân vật lịch sử. Giá 120đ.*

— **Phát-triển xã-hội,** *tập san của Hội Khoa-học Xã-hội Việt-nam, số 1, do Ô Ô. Lê xuân Khoa, Tạ văn Tài, và Bà Phạm Thị Tự làm Chủ nhiệm, Chủ bút, và Giám đốc trị sự. Tòa soạn : 33 đường Vĩnh Viễn, Chợlớn Mỗi số dày 206 trang, khổ 16 × 24 gồm những bài tiểu luận và biên khảo của : Vương văn Bắc, Từ Trì, Trần Lương Ngọc, Nguyễn Quang Quỳnh, Tạ văn Tài, Hoàng Xuân Hào, Võ Trường Sơn v.v... Giá 180đ*

● VIỆT-PHƯƠNG

Cuộc bầu cử 3-10
và việc chấm dứt cuộc chiến Đông-Dương

Mấy ngày tiền tuyển cử, không khí Saigòn thật là sôi nổi. Cảnh sát dã chiến, học sinh, sinh viên, thương phế binh, chơi nhau xả láng. Lựu đạn cay mù mịt. Các đoàn thể chính-trị, tôn-giáo, các chinh khách, dân biểu, nghị sĩ, hội họp, quyết nghị chống bầu cử Phó Tổng-thống Kỳ úp mở đe dọa. Phong trào xuống đường lan rộng khắp nơi. Nhưng nói chung không ở nơi nào, chính phủ mất quyền kiểm soát. Với bộ máy đàn áp tinh vi và hùng hậu, Tổng thống Thiệu vẫn làm chủ được tình thế ở khắp nơi. Mọi cuộc biểu tình xuống đường đều bị «dàn chào» và dẹp tan một cách nhanh chóng. Phe chống đối, thiếu sự phối hợp hành động, thiếu sự lãnh đạo cương quyết và thống nhất và nhất là thiếu sự tham gia đông đảo của quần chúng, đã tỏ ra bất lực trong việc ngăn chặn Tổng thống Thiệu tiến hành cuộc bầu cử 3/10 như đã dự định. Sinh viên, học sinh và thương phế binh đã làm nhiệm vụ ngòi pháo nhiều khi rất dũng cảm, táo bạo. Nhưng rút cuộc pháo vẫn không nổ. Lý do là vì giới lãnh đạo không quyết tâm, ai cũng muốn làm lãnh tụ mà không ai muốn làm con chốt hy sinh, quần chúng thì bị đời sống hàng ngày thu hut thiếu tin tưởng và quá chán ngán vì những xáo động xảy ra cả chục năm nay chẳng đem lại cho họ ích lợi chi cả mà tình thế thêm rối ren, vật giá leo thang, cực khổ đã nhiều lại cực khổ thêm nữa. Các đoàn thể thì rời rạc như cơm nguội, mạnh ai người ấy hành động, chẳng có kế hoạch chung gì hết. Có lẽ vì biết rõ như vậy mà Tổng-thống Thiệu không ngán phe chống đối. Ông có một lực lượng cảnh sát hùng hậu, ông cố nắm vững quân đội và ông lại được người Mỹ ra mặt ủng hộ, ông quyết chơi xả láng, mặc cho báo chí hò hét phản đối, phản đối vừa thì được, phản đối quá thì tịch thu, và mười lần như vậy là nhà báo sắt bắt sang bang rồi. Còn đối với biểu tình xuống đường, ông ra lệnh cho cảnh sát thẳng tay dẹp.

Phe đối lập chỉ còn cách hô hào tẩy chay cuộc bầu cử, Quốc-dân Đại-hội họp vào giờ chót, hứa hẹn nổ lớn, Phó Tổng-thống Kỳ bố trí như sắp ra trận. Các sinh viên, học sinh, thương phế binh biểu tình hậu thuẫn. Mặc dầu có phi tiễn, lựu đạn cay, tình hình cũng lại êm suôi. Ngày 3 tháng 10 tới. Dân chúng đi bầu thưa thớt lẻ tẻ, ở thủ-đô Saigon, bầu không khí yên tĩnh lạ thường, nhưng cuộc bầu cử vẫn cứ tiến hành trên toàn quốc không có một lực lượng gì ngăn cản nổi, mặc dầu ở miền Trung phong trào chống đối lên rất cao. Những con số tám mươi mấy, chín mươi mấy phần trăm lại được các đài Truyền thanh Truyền hình ra rả tuyên đọc.

Thế là Tổng-thống Thiệu lại đắc thắng trong một nhiệm kỳ 4 năm nữa, tuy cuộc đắc thắng độc diễn chẳng có gì là vẻ vang dù với bao nhiêu phần trăm người đi bầu đi nữa. Nhưng năm thứ nhất

trong nhiệm kỳ 4 năm của ông lại trùng hợp với cuộc bầu cử Tổng-thống Hoa-kỳ, Tổng-thống Nixon nhất định ra tranh cử một nhiệm kỳ nữa và sẽ tìm đủ mọi cách để thắng cử. Bùa phép của ông lại rất cao. Đối thủ của ông (phe Dân-chủ) muốn hạ ông, phải đưa ra những nước bài độc hiểm, như việc ổn định tình-hình kinh-tế và chấm dứt cuộc chiến Đông-Dương. Ai cũng biết trong mấy tháng vừa qua, để phục vụ cho nhu-cầu tuyển-cử (tuy còn xa) ông Nixon đã đưa ra nhiều đòn bất ngờ khiến cho đối thủ của ông phải choáng váng, không biết đường nào mà đi, giữa đám hỏa mù mà ông vừa tung. Hai sự kiện nổi bật là việc cử ông cố vấn Kissinger qua Bắc-kinh để sửa soạn cho một cuộc gặp gỡ Mao-Nixon, và việc phá giá đồng Mỹ-kim khiến cho không một ai có thể lường trước được. Có thể nói đó là hai trái bom khinh-khí mà ông cho nổ, làm xôn xao dư-luận thế giới.

Một đòn thứ ba ông có thể tung ra nay mai trong chuyến đi Bắc-kinh của ông : Đó là việc giải-quyết cuộc chiến Đông - Dương. Cuộc chiến Đông-Dương có tiến tới một giải pháp dứt khoát trước mùa hạ năm tới nghĩa là trước ngày đảng Cộng-hòa chánh thức cử người ra ứng cử Tổng - thống thì ông Nixon mới có hy vọng đắc cử vào tháng 11-1972.

Từ nay cho đến ngày đó, dĩ nhiên là ông không dại gì thay đổi nguyên-trạng, có lợi cho đối phương. Đối phương đòi loại bỏ Tổng-thống Thiệu thì ông phải giữ cho được Tổng-thống Thiệu. Ván bài chưa đến lúc mở, thì mỗi bên đều phải giữ kín cái «tẩy» của mình. Đó là nguyên do chánh vì sao Hoa-kỳ ủng hộ Tổng thống Thiệu thêm một nhiệm-kỳ nữa, mặc dầu làn sóng phản đối nổi lên khắp nơi ở miền Nam Việt-nam. Ông không cần lưu tâm đến sự phản đối đó. Cái mà ông cần chú trọng là ván bài mà ông đang đánh với đối phương là phe Cộng-sản, gồm có cả Bắc-kinh lẫn Mạc-tư-khoa. Tổng-thống Thiệu chỉ là một con bài mà trong giai đoạn này ông Nixon cần phải giữ. Vì vậy mà ông đã ra lệnh cho thuộc hạ phải dùng thế-lực và đô-la để cũng cố vị - trí của Tổng - thống Thiệu và khuất phục phe chống đối.

Và ông Nixon đã thắng trong keo thứ nhất vì T.T Thiệu đắc cử tức là chính-sách Việt-nam-hóa của ông vẫn được tiếp tục, người Mỹ có thể tính toán công việc theo như dự trù. Ông có thể yên tâm trả giá với đối phương mà không e ngại chính quyền V N C H thọc gậy bánh xe trong một thời hạn nào đó.

Nhưng các thời hạn đó, như ở trên đã nói, không thể kéo dài được đến quá mùa hạ sang năm. Cuộc du hành sang Bắc-kinh của ông Nixon vào đầu năm tới những cuộc tiếp xúc mật với Bắc-Việt thúc hối ông phải tiến tới một giải pháp cho vấn đề Đông-Dương để dân Mỹ có thể nhìn thấy những kết quả đầu tiên trước khi bỏ phiếu chọn lựa nhân vật lãnh-đạo tương lai.

Ông Nixon tuy dám đi những nước cờ táo bạo nhưng lại là một người rất thận trọng và tính toán rất kỹ lưỡng. Chắc chắn là ông phải hành động theo quyền

lợi của nước ông trước tiên hay nói cho đúng, quyền lợi của giới tư-bản đã đưa ông lên nắm chính quyền—quyền lợi đó cũng là quyền lợi của ông, vì giới tư bản này có tiếp tục ủng hộ ông thì ông mới hy vọng ngồi vững ở ghế Tổng-thống. Vấn đề là giới tư-bản Mỹ ngày nay có còn muốn tiếp tục cuộc chiến Đông-Dương—hao người tốn của và bị nhân dân cùng Quốc hội Mỹ phản đối nữa không ? Một cuộc thỏa hiệp với Bắc-kinh về toàn bộ các vấn đề Á-Châu và Đông-Nam-Á, có đem lại cho họ một ích lợi gì hơn không để từ bỏ vai trò cảnh-sát Á-Châu của họ ngày nay ? Sự thỏa hiệp với Cộng-sản có đem lại sự vững ổn cho miền Đông-Nam-Á không, hay là những xáo trộn vẫn tiếp tục xảy ra và thay vì phải đối phó với Việt-nam là một chiến trường đã quen thuộc, Hoa-kỳ lại phải đối phó ở những chiến trường khác nhiều khi xa lạ bỡ ngỡ. Đã đến lúc Hoa-kỳ từ bỏ chiến-lược ngăn chặn Cộng-sản (strategy of containment) và mở một kỷ-nguyên chung sống hòa-bình với Cộng-sản Á-Châu chưa ? Tổng-thống Nixon đã có nhiều hành động tiến theo hướng đó. Nhưng tất cả còn phụ thuộc vào thái độ của Bắc-kinh Nếu thái độ Bắc-kinh tỏ ra cứng rắn, thì cuộc chiến Đông-Dương khó có thể chấm dứt trong năm tới, Tổng-thống Nixon sẽ khó hy vọng tái đắc cử và Tổng-thống Thiệu lại có dịp củng cố thêm quyền hành của ông. Nếu Bắc-kinh muốn tiến tới thỏa-hiệp, Hoa-kỳ cũng còn phải chú trọng đến thái độ của Bắc-Việt và của MTGPMN.

Bắc-Việt đã tỏ vẻ bất mãn khi Trung Cộng mời Nixon qua viếng Bắc-kinh vì vô hình chung việc đó giúp cho Tổng-thống Nixon gỡ được nước cờ bí và trì hoãn việc đáp ứng 7 điểm của Nguyễn-thị-Bình tại Hòa đàm Ba-lê. Không bằng lòng Bắc-kinh, Hà-nội quay sang Mạc-tư-khoa và một phái đoàn Sô-viết do Chủ tịch Podgorny cầm đầu đã tới Bắc-Việt. Lo ngại Bắc Việt ngả theo Nga, Chu-ân-Lai đã phải nhiều lần xác định lập trường buộc Hoa-kỳ phải giải quyết cuộc chiến Đông-Dương trước đã rồi mới nói chuyện về các vấn đề khác. Cuối tháng 9, mười ngày trước khi phái đoàn Nga sô tới Bắc Việt một phái đoàn Trung Cộng do Phó Thủ-tướng Lý-tiên-Niệm cầm đầu đã đến Hà-nội mục đích để minh xác thái độ với Hà-nội trước khi có cuộc thăm viếng của Podgorny.

Thái độ của Bắc-kinh và Mạc tư Khoa đối với Hànội khiến cho Hoa-kỳ muốn giải quyết cuộc chiến Đông-Dương khó có thể chỉ dàn xếp với 2 nước Cộng-sản đàn anh Nga-Hoa mà không đếm xỉa gì đến Cộng-sản V.N.

Vì thế cho nên những cuộc tiếp xúc mật với Hànội sẽ có thể tiến hành song song với cuộc tiếp xúc với Bắc kinh và với cả Mạc-tư-khoa nữa.

Sự thỏa-hiệp sẽ đến chừng nào Tổng thống Nixon thấy không còn thể trì hoãn được nữa và phải chơi ván bài quyết định. Lúc đó ta mới thấy có những sự thay đổi ngoạn mục không những tại cuộc hòa-đàm Ba-lê mà cả tại chiến trường Việt-nam Tổng-thống Thiệu có sẽ ngồi hết nhiệm kỳ 4 năm của ông không hay sẽ ra đi khi hòa-bình lập lại như ông đã từng tuyên bố hoặc khi cần để cho con đường hòa-bình rộng mở? Dù sao cuộc bầu cử Tổng-thống ngày 3/10 vừa qua cũng đánh dấu một giai-đoạn mới gay go quyết liệt hơn và có lẽ cũng là giai-đoạn chót, giai-đoạn hạ màn cuộc chiến Đông-Dương.

VIỆT PHƯƠNG

Đoàn-kết quốc-tế và thương-mại thế-giới trước cuộc khủng-hoảng đồng Mỹ-kim

● TỪ TRÌ

Cuộc khủng hoảng đồng Mỹ-kim đã thêm một lần nữa chứng minh sự mong manh của tình đoàn kết quốc-tế nói chung và của nền thương-mại thế-giới nói riêng. Thật vậy, từ khi đệ nhất Thế chiến chấm dứt tới nay, trừ Hoa kỳ, không quốc-gia nào còn có đủ khả-năng để đổi tiền của họ ra vàng nữa, nền đồng Mỹ-kim dần dần được coi như một loại tiền chung cho cả thế-giới. Trong tháng 8 vừa qua đồng Mỹ-kim đã bước vào một cuộc khủng-hoảng trầm trọng khiến cho cả hệ-thống tiền-tệ của thế-giới tư-bản tự-do bị giao-động.

Vì nền kinh-tế Hoa-Kỳ quá lớn-lao nên mọi biến chuyển trên đất Mỹ đều có ảnh-hưởng mạnh mẽ trên toàn thể thế giới. Vì vậy mà các biện-pháp bảo vệ đồng Mỹ-kim của chính-phủ Hoa-Thịnh-Đốn đã làm thiệt hại nặng cho các quốc-gia kỹ-nghệ-hóa Âu-châu và Nhật. Nhưng ngược lại nếu để mặc cho đồng Mỹ-kim sụt giá trên thị-trường quốc-tế thì nền tài-chánh quốc-tế cũng vẫn bị xáo trộn lớn. Như vậy bảo vệ đồng mỹ-kim hay không bảo-vệ, người ta đều không có lối thoát khi mà loại tiền này gặp khủng-hoảng.

Một hiện tượng như vậy được xảy ra chỉ vì tiền-tệ trên thế giới không được xây dựng trên những căn bản hợp-lý. Và khi gặp khủng-hoảng, các nhà lãnh-đạo trên thế giới đều chỉ tìm cách giải quyết bằng những biện pháp phù hợp với quyền lợi quốc-gia của họ, mà không hề nghĩ tới quyền lợi của các nước khác. Kế hoạch ổn định tiền tệ của Tổng-thống Nixon cũng được soạn thảo trong tinh thần này nên không thoát khỏi những mâu thuẫn trong thái độ của Mỹ và mâu thuẫn trong thái độ của các quốc gia khác trên thế-giới. Những mâu-thuẫn này đã làm cho tình đoàn kết quốc-tế bị thương tổn rất nhiều trong những tháng vừa qua.

I. - Những mâu-thuẫn trong kế hoạch ổn định tiền tệ của Hoa kỳ

Từ khi Đệ nhất Thế chiến chấm dứt, ngoại trừ Hoa-kỳ các quốc gia trên thế-giới đều phải đối phó với các cuộc khủng-hoảng tiền tệ. Các quốc-gia Âu-châu hầu như kiệt quệ khi ra khỏi cuộc chiến. Vì quân-phí quá cao, họ đã phải nợ quá nhiều. Khi chiến tranh chấm dứt họ lại phải lo tái thiết đất nước. Lần lượt Đức, Anh, Pháp bị làm vào cảnh lạm phát và tiền tệ tại các nước này càng ngày càng trở nên bất ổn. Dần dần họ đã phải đi tới việc tách rời tiền tệ khỏi vàng. Khi tiền tệ Âu-châu không còn được bảo đảm bằng vàng nữa thì sự thanh toán các món nợ quốc-tế trở nên mỗi ngày một khó khăn hơn.

Đồng Mỹ-kim dần dần được dùng làm phương-tiện chi phó quốc-tế. Cho

tới năm 1971 tiền này ổn định không những nhờ nền kinh-tế lành mạnh và hoạt động của Hoa-kỳ mà còn nhờ khả năng hoán chuyển của đồng Mỹ-kim ra vàng. Các quốc-gia trên thế giới luôn luôn xử dụng số dự-trữ Mỹ kim của mình để trao đổi, mua bán và giao dịch với nhau. Vì Hoa-kỳ hoạt động kinh-tế hay quân-sự khắp trên trên thế-giới nên đồng Mỹ-kim lại càng được các quốc-gia coi là phương-tiện chi phó quốc-tế.

Nhưng sử-dụng tiền-tệ của một quốc gia để làm tiền-tệ quốc-tế có nhiều nguy-hiểm. Thật vậy, nếu quốc gia này gặp khó khăn kinh tế thì các quốc gia khác sẽ bị lôi cuốn theo. Do đó hệ thống tiền tệ thế giới trở nên hết sức mỏng manh và hoàn toàn tùy thuộc vào nền kinh tế Hoa-kỳ. Trước đây tại Âu-châu người ta đã nói rằng: «Hoa-kỳ chỉ mới bị cảm, thì Âu-châu đã bị sưng phổi.»!

Để ổn-định tiền tệ thế-giới, Hoa-kỳ đã cố gắng thiết-lập một hệ thống hợp-tác quốc-tế. Hiệp-ước Bre ton - Woods được ký kết năm 1946 giữa các quốc-gia đã lập ra một Quĩ Tiền tệ Quốc-tế để bảo đảm cho sự vững chắc của các tiền-tệ quốc - gia. Theo hiệp - ước Bretton-Wods thì mỗi quốc gia hội viên đóng góp một phần nào Quĩ Tiền - tệ Quốc-tế lớn nhỏ tùy theo sản-lượng quốc-gia của mình. Khi quốc gia nào gặp khó khăn về tài chánh, Quĩ Tiền-tệ có thể cấp ngân khoản để trợ giúp tạm thời. Cũng theo hiệp ước Bretton-Woods thì không một quốc gia nào có quyền phá giá tiền-tệ của mình quá 10% mà không được phép của Quĩ Tiền tệ. Ngoài ra dù phá giá dưới tỷ lệ 10% các chính-phủ cũng phải tham khảo ý - kiến Quĩ Tiền-tệ trước.

Để bổ túc sự hợp-tác trong lãnh-vực tiền-tệ, Hoa kỳ còn cố gắng vận động để phát-huy tinh thần hợp tác trong lãnh vực thương mại. Tổ chức quốc-tế Thương-mại G A T T General Agreement on Tariff and Trade) do Mỹ đề xướng đã được một số lớn các quốc-gia trên thế giới gia-nhập. Theo thỏa-ước G. A. T. T thì các quốc-gia kết-ước phải áp dụng chính sách tự-do mậu-dịch, hạ hàng rào quan thuế để cho hàng hóa từ nước nọ sang nước kia được lưu thông và trao đổi dễ dàng.

Thỏa ước GATT và hiệp ước Bretton - Woods được ra đời vào lúc Đệ-nhị Thế chiến vừa chấm dứt. Lúc đó Hoa-kỳ là một quốc-gia duy-nhất trên thế-giới có cán cân chi-phó thặng dư. Các nước khác vừa bị chiến tranh tàn phá, vừa phải đối phó với công cuộc tái thiết tốn kém nên không thể theo hẳn chủ trương của Hoa-Kỳ được.

Tuy họ đã gia nhập Quĩ Tiền-tệ Quốc tế cũng như tổ chức GATT để được viện trợ Mỹ, nhưng các nước tiền tiến Âu châu như Anh, Pháp, Ý.v v. vẫn không ngần ngại hạn-chế nhập-cảng, tăng quan-thuế và phá giá tiền tệ, nếu gặp khó-khăn. Và trong quá-khứ Hoa-kỳ đã luôn luôn đóng vai trò của Công-tố-viện tố cáo Âu-châu thiếu tinh thần hợp-tác quốc-tế.

Một phần tư thế kỷ đã trôi qua Hoa kỳ không còn ưu thế như trước nữa. Cán cân chi phó của Hoa-kỳ trong nhiều

năm vừa qua đã luôn luôn bị thiếu hụt. Hoa kỳ chi Mỹ kim ra ngoại quốc hơn là thu về. Nhưng cho đến năm 1970 sự thiếu hụt này không có gì là trầm trọng. Vì sự thiếu hụt này bắt nguồn từ những chi phí của quân đội Mỹ đồn trú ở nước ngoài, từ những chương trình viện trợ mà Hoa-kỳ cung cấp ồ ạt cho các nước bạn và từ các số tiền mà Hoa-kỳ đầu tư ở các quốc gia khác. Trong 20 năm, từ năm 1950 tới năm 1970, cán cân chi phó Hoa-kỳ đã thiếu hụt tới 40 tỷ Mỹ-kim. Riêng trong 6 tháng đầu năm 1971, sự thiếu hụt này đã lên tới 10 tỷ Mỹ-kim. Nhưng trầm hơn cả là sự thiếu hụt của cán cân thương mại. Lần đầu tiên từ năm 1893 tới nay, Hoa-kỳ đã nhập cảng nhiều hơn là xuất cảng.

Lương bổng tại Hoa-kỳ cùng một lúc cũng gia-tăng mau lẹ khiến giá sản-phẩm của Hoa-kỳ cao hơn sản-phẩm ngoại-quốc và càng ngày càng kém khả năng cạnh tranh với hàng ngoại-quốc.

Cuộc khủng hoảng tiền tệ không phải chỉ do sự thiếu hụt của cán cân chi-phó tạo nên mà còn bắt nguồn từ những cơ cấu kinh-tế không hợp-lý. Thật vậy, trước kia Hoa kỳ chiếm được ưu thế trong nền thương mại quốc-tế chỉ vì kỹ thuật sản xuất Mỹ tân tiến hơn các nước Au - châu và Nhật, nên năng suất cao, giá hàng Mỹ rẻ. Từ khi các quốc gia Tây - âu hợp nhất lại trong tổ chức thị - trường chung, họ đã hợp-lý-hóa guồng máy sản-xuất nên hàng của Âu-châu đã trở nên rẻ hơn và có thể cạnh tranh được với hàng Mỹ. Nhật lại còn tiến bộ mau lẹ hơn nữa. Vì vậy mà vào những năm gần đây trong khi hàng Mỹ lên giá, thì hàng Âu-châu và hàng Nhật hạ giá nên không những đã cạnh tranh được với hàng Mỹ trên thị trường quốc-tế mà còn cả trên chính thị-trường Mỹ nữa. Sự kiện này là nguyên nhân chính của cuộc khủng hoảng đồng Mỹ-kim hiện tại.

Để giải quyết trình-trạng này, Tổng Thống Nixon ngày 15-8-1971 đã đột ngột công bố một kế hoạch ổn định tiền-tệ hết sức táo bạo. Trước hết ông cho «thả nổi» đồng Mỹ-kim. Như vậy có nghĩa là tuy không phá giá nhưng chính phủ Hoa-kỳ để cho giá trị đồng Mỹ-kim tự do thay đổi tùy theo số cầu trên thế giới. Vì các quốc-gia trên thế-giới hiện ít cần Mỹ-kim nên giá trị của tiền này đương nhiên sụt giá theo định-luật của thị-trường.

Điểm thứ hai của kế-hoạch ổn định là tách rời đồng Mỹ-kim khỏi căn bản vàng. Từ nay các nước trên thế giới không còn có quyền đem số dự trữ Mỹ-kim của họ đòi Hoa-kỳ đổi ra vàng nữa.

Điểm thứ ba là đặt ra một thuế phụ thu mới 10% để đánh vào các loại hàng nhập-cảng của Hoa-kỳ.

Kế-hoạch ổn-định của ông Nixon còn gồm nhiều điểm khác như cấm gia-tăng lương-bổng trong 90 ngày, giới hạn đầu-tư, giảm viện trợ, giảm công phí ... Nhưng chỉ có điểm đầu là liên-hệ trực tiếp với nền thương mại quốc-tế.

Phá giá đồng Mỹ-kim có nghĩa là hạ giá hàng Mỹ trên thị-trường quốc-tế và cũng còn có nghĩa là giảm bớt gánh nặng số nợ của Hoa-kỳ đối với ngoại - quốc.

Ngưng lấy vàng bảo - đảm Mỹ - kim khiến cho các quốc - gia chủ nợ của Hoa kỳ bị thiệt thòi. Vì những sự dự trữ bằng Mỹ-kim của họ nay cũng bị giảm giá song song với sự phá giá trá hình của đồng Mỹ-kim. Tăng huế nhập cảng lên 10% tức là nâng cao hàng rào quan thuế và làm trở ngại cho nền thương mại quốc tế. Tất cả các biện pháp này đều hoàn toàn đi ngược lại với những chủ-trương của Hoa-kỳ từ trước tới nay.

Khi phá giá đồng Mỹ kim, Hoa kỳ đã vi phạm luật lệ của Quĩ Tiền-tệ Quốc-tế do chính họ lập ra. Tăng hàng rào quan-thuế cũng đi ngược lại với tổ chức G.A.T.T. mà Hoa-kỳ luôn luôn lớn tiếng bảo vệ. Đó là những mâu thuẫn trầm trọng trong kế-hoạch ổn-định của Hoa-kỳ. Những mâu thuẫn nầy chứng minh rằng nếu quyền lợi quốc gia đòi hỏi, chính-phủ Hoa-kỳ không ngần ngại hy-sinh sự hợp tác quốc-tế cũng như tình đoàn kết quốc tế. Vì vậy mà phản ứng của các quốc-gia khác đã hết sức mạnh mẽ. Họ đã lớn tiếng tố cáo Hoa-kỳ là phá hoại nền thương-mại quốc-tế và lôi cuốn họ vào một cuộc khủng-hoảng tiền-tệ tổng quát. Nhưng phản ứng của thế-giới cũng không kém mâu thuẫn. Người ta không muốn Hoa-kỳ dùng các biện-pháp quyết liệt của kế hoạch 15-8 nhưng không một nước nào muốn giúp Hoa-kỳ cứu vớt đồng Mỹ-kim, tuy sự khủng hoảng của tiền này sẽ lôi cuốn chính họ vào vòng khủng-hoảng dài hạn.

Những mâu thuẫn trong thái độ của các quốc-gia tiền tiến

Nhật là nạn nhân đầu tiên của các biện pháp Nixon. Thật vậy, 30% số lượng xuất - cảng của Nhật được bán trên thị-trường Hoa-kỳ. Với khoản thuế phụ thu 10%, hàng Nhật trên đất Mỹ sẽ cao giá hơn trước nên không còn cạnh tranh được với hàng Mỹ trên thị trường Mỹ nữa. Nhật phải mua sản phẩm canh nông của Mỹ và trông vào các sản- phẩm kỹ nghệ bán cho Mỹ để kiếm ngoại-tệ. Khoản thuế phụ-thu 10% sẽ làm cho Nhật bớt rất nhiều lợi-tức về xuất-cảng sang Mỹ.

Ngoài ra Nhật còn có một số dự-trữ ngoại-tệ trị-giá 12,5 tỷ Mỹ-kim. Với sự phá giá của tiền Mỹ trị giá của số dự

CHÚC MỪNG

Được hồng thiếp báo tin lễ Vu-qui vào ngày 27-9-71 của :

— TRƯƠNG NGỌC NỮ

— PHẠM-LÂN

Kính mừng,

Thành thật chúc tân-lang và tân giai-nhân trăm năm hạnh phúc.

Nguyễn-Thiệu Châu

trữ này phải giảm đi. Trong những tuần lễ đầu Nhật đã cố gắng tung tiền Yen ra mua Mỹ-kim để cho tiền này giữ nguyên giá cũ tức là 1 MK bằng 360 Yen, nhưng tiếp tục làm như vậy sẽ mang lại cho Nhật những tổn kém khoảng 300 triệu Mỹ-kim. Và cuối cùng Nhật đã phải « thả nổi » đồng Yen để cho tiền này tự do lên giá theo luật thị-trường.

Tại Âu-châu và Gia-nã-đại, người ta hết sức xúc động trước các quyết định của Hoa-kỳ. Báo chí Âu-châu đã đả kích hai ông Nixon và Connally hết sức nặng nề. Người ta cho rằng ông Nixon dưới bộ mặt của con người lịch-sự (gentleman) đã có hành động của một anh « cao bồi » Mỹ, «găng tơ » Chicago, người ta cho rằng thay vì sửa đổi cơ-cấu sản-xuất để tăng gia năng-xuất hầu hạ giá sản-xuất, Tổng-thống Nixon lại hạ giá đồng Mỹ-kim làm một biện pháp dễ dãi để bắt các nước bạn gánh chịu những khó khăn của mình. Nói tóm lại Gia-nã-đại, Tây Âu và Nhật quả quyết rằng ông Nixon đã « xuất cảng nạn thất nghiệp » sang nước họ.

Nhưng ngoài Nhật ra, không một quốc-gia nào chịu lên giá tiền của mình để giải-quyết vấn-đề tiền-tệ chung của thế giới. Nếu không yểm trợ Hoa-kỳ thì cuộc khủng-hoảng đồng Mỹ-kim sẽ lan tràn tới các nước khác. Thật vậy, nếu Hoa-kỳ nợ các nước khác khoảng 20 tỷ Mỹ-kim thì đối với họ, món nợ này chỉ bằng 3% của khối tiền-tệ Mỹ mà thôi. Nhưng với Pháp chẳng hạn, 20 tỷ Mỹ-kim lại tương đương với 50% khối tiền-tệ của Pháp. Những khó khăn của đồng Mỹ kim sớm muộn gì cũng làm xáo trộn tiền-tệ thế-giới.

Ngoài ra các quốc-gia Âu-châu và Nhật còn quên rằng sở dĩ cán cân chi-phó của Hoa-kỳ bị thiếu hụt cũng chỉ bởi vì Hoa-kỳ đã viện trợ cho chính họ để giúp họ tái-thiết sau khi chiến tranh chấm dứt Quân đội Hoa-kỳ đồn trú ở Âu-châu và Nhật cũng là một nguyên nhân của cuộc khủng-hoảng hiện-thời. Nếu Hoa-kỳ rút hết quân đội; ngưng viện-trợ thì chính các quốc-gia tiền-tiến khác lại càng phản đối mạnh hơn nữa vì lúc đó họ sẽ phải gánh chịu các nhiệm-vụ bảo-vệ an-ninh, phát-triển khu-vực Đệ-tam thế-giới.

Trong tình trạng hiện-thời của thế-giới người ta thấy rằng nước nào cũng chỉ chú trọng tới quyền lợi ngắn hạn của riêng mình mà không hề nghĩ tới tình đoàn-kết quốc-tế. Hệ-thống trao đổi thương-mại hiện thời và thanh toán bằng tiền quốc gia nọ đổi lấy tiền quốc-gia kia là một hệ-thống không hợp lý. Vấn-đề thanh toán nợ quốc-tế chỉ có thể được giải-quyết nếu người ta thành lập một loại tiền-tệ quốc-tế không lệ thuộc vào các biến chuyển của tiền-tệ quốc gia. Nhưng một hệ-thống tiền-tệ như vậy chỉ có thể thành công nếu có sự đóng góp đúng mức của toàn thể các quốc-gia trên thế-giới. Và sự đóng góp này thực hiện được hay không lại tùy thuộc ở tinh thần hợp-tác quốc-tế của các quốc-gia trên thế-giới.

oOo

Cuộc khủng hoảng tiền-tệ Mỹ đã một lần nữa chứng minh sự thiếu tinh-thần hợp-tác quốc-tế của các quốc gia. Không một lúc nào người ta nghĩ tới giải quyết vấn-đề tiền-tệ trong khuôn-khổ quốc tế rộng lớn mà chỉ dùng những biện pháp lẻ tẻ đáp ứng với quyền lợi quốc gia nhất thời. Giảm nhập-cảng, hạ giá tiền quốc gia không phải là những biện-pháp hữu hiệu. Các quốc-gia cần phải có một cái nhìn xa và rộng hơn vậy nữa.

TỪ TRÌ

TRẦN - THÁI - ĐỈNH

1

Những điều kiện để phát huy văn hóa

Mạn đàm về văn hóa, chúng tôi không dám lấy giọng thuyết trình, làm như mình biết nhiều và độc giả không biết gì mấy. Chúng tôi xin được đàm thoại, để cùng nhau tìm ra một lối thoát cho sự bế tắc văn hóa của dân tộc.

Giữa hai câu nói «Dân tộc ta là dân tộc kiêu hãnh với bốn ngàn năm văn hiến» của mấy nhà chính trị mị dân và của mấy ông «triết Đông phương», và câu «Dân ta khổ nhục, hơn một ngàn năm đô hộ giặc Tàu, lại một trăm năm đô hộ giặc Tây... và ngót hai mươi năm đô hộ giặc Mỹ» của giới sinh viên và thanh niên, ai cũng thấy (ai đây là ai còn xứng là người Việt nam) câu sau vừa đích thực vừa thấm thía, câu trước vừa ru ngủ vừa trớ trêu.

Văn hóa là gì ? Phải chăng nó là một chiếc bùa hộ mệnh ? Và khi nói 4 ngàn năm văn hiến, thì các ngài tính từ thời nào ? Xin các ngài đưa ra những thành tích, và trong các thành tích đó những gì *còn giá trị* giúp cho dân ta có chỗ đứng trong cuộc vật lộn của thế giới hôm nay. Nếu nói đến những nền văn hóa sán lạn nhất cổ kính nhất nhân loại, chắc phải kể đến nền văn hóa Hy lạp, nền văn hóa Ai Cập, và nhất là nền văn hóa Sumer. Như vậy, xét về sâu sắc và huy hoàng, văn hóa Việt Nam ta đâu sánh được bằng văn hóa Hy lạp ? và xét về cổ kính, thì văn hóa của ta thua xa văn hóa Trung Hoa, văn hoa Ấn độ, văn hóa Hy lạp, văn hóa Ai cập và nhất là văn hóa Sumer. Như vậy, xin đừng có dựa vào một thứ *hãnh diện hão của thời xưa để nhắm mắt không nhìn về thực tại bi đát*. Đừng bắt chước con đà điểu. Vì không thích ứng được với những biến chuyển của thời đại, văn hóa Sumer đã hoàn toàn bị chôn vùi, nền văn hóa Ai cập của những kim tự tháp cùng với những bí ẩn khoa học trong đó cũng đã bị bánh xe thời gian đè nát, và nền văn hóa huy hoàng nhất lịch sử nhân loại, nền văn hóa Hy lạp, cũng đã vì không thích ứng kịp với những biến chuyển của thời gian mà bị gạt ra bên lề đường của tiến bộ, trở thành một thứ viện bảo tàng.

Luật đào thải là luật sắt của lịch sử, của tiến bộ.

Không tiến là lùi. Tiền nhân đã nói rất đúng. Thời gian không bao giờ đứng lại. Lịch sử cũng không cho phép ta đứng lại, không cho phép ta bám vào quá khứ để sống. Quá khứ chết rồi, bám vào quá khứ là chết. Tất nhiên có người sẽ nói «Phi cổ bất thành kim». Và tất nhiên không thiếu những bậc

thày dạy, những bậc phụ huynh, lấy «truyền thống» và lấy «lời thánh hiền» ra để thuyết phục con em. Nếu con em đây là những trẻ em cỡ 13 hay 14 tuổi trở xuống, thì may ra (tôi nói may ra thôi) lời các ngài còn có chút giá trị thuyết phục, chứ nếu con em là những thanh thiếu niên 18, 19 tuổi thì e rằng lập luận truyền thống của chúng ta chưa chắc có giá trị gì không. Nếu chủ trương *truyền thống*, sao chúng ta không chủ trương luôn chế độ quân chủ với những ông vua như Khải Định và Bảo Đại đi ? Sao chúng ta không chủ trương tam tòng tứ đức đi ? Nếu vâng theo *Thánh Hiền*, sao chúng ta không chủ trương «vô hậu vi đại» để lấy cớ cho các ông chồng được quyền có vợ bé đi ? (theo thánh hiền thì đó là hợp lý và hợp đạo mà !). Và ta biết *Thánh Kinh* (Cựu Ước) dạy khi người anh chết mà chưa có con, thì người em trai phải ăn nằm với chị dâu mình để giúp cho anh có kẻ thừa kế và khỏi bị tuyệt tự (Deutéronome, 25.5). Ngày nay có ai đủ gan theo Thánh Kinh mà thực hành như vậy không ?

Như vậy, không dựa vào truyền thống thì dựa vào cái gì để dạy con em ? Dựa vào *lý trí*. Truyền thống là sản phẩm tâm trí con người qua dòng lịch sử. Nhưng nói lịch sử là nói *đào thải*, vànói đào thải là nói rằng trong mớ văn hóa truyền thống có cái hay cái dở. Chính *lý trí* thẩm định cái gì còn giá trị, cái gì đã hết xài được.

Tóm lại, văn hóa truyền thống, văn hóa cổ truyền, hay nói rõ ra là văn hóa Việt Nam có giá trị không (có còn giá trị không), không phải vì nó là Việt Nam, cho bằng xem nó *có giá trị đích thực không*. Con cái chúng ta có lỗi, ta không được vì mối tình mù quáng mà bênh, cho rằng chúng không có lỗi. Cha ông chúng ta có những sai lầm, chúng ta phải nhận đó là sai lầm, không được vì mối tình mù quáng mà cho rằng các ngài phải.

oOo

Nói xa chẳng qua nói thật.

Tại sao bàn về những điều kiện của sự phát huy nền văn hóa, chúng tôi đã nói con kà con kê như trên ? Thưa cũng chỉ vì đó là điều kiện tiên quyết của công việc làm văn hóa. Văn hóa không có quê hương. Văn hóa là di sản của chung loài người. Tất nhiên do sự đóng góp lịch sử, do hoàn cảnh phát sinh, văn hóa có mang sắc thái địa phương lúc hồi đầu, nhưng sau đó nó được đổ vào kho tàng chung của giống người. Ở trung học, khi chúng ta học những định lý toán học của Euclide, Pythagore, v. v. những định luật vật lý học của Archimède, Torricelli, Volta, Faraday Maxwell, Becquerel, Curie, Hertz, Einstein, Bohr v. v., đâu chúng ta có mặc cảm là học của Tây ? Chính chúng ta khi ở trung học và các em trung học ngày nay cũng thế, đều coi đó là « của nhà », của chung nhân loại. Những phát minh khoa học đó, những kiến thức văn hóa đó đã tác động mạnh mẽ vào cuộc sống vật

chất và tinh thần con người. Về vật chất con người có điện để thắp đèn, để chạy máy, rồi nhân đó có máy nổ, xe hơi, máy bay. Về tinh thần, văn hóa mang lại cho con người quyền thống trị vũ trụ, coi sấm sét mưa nắng không còn là « ơn trời » hoặc « cơn lôi đình của Ngọc Hoàng » nữa, nhưng chỉ là những hiện tượng khí tượng. Hơn nữa nhờ những tiện nghi do khoa học mang lại, con người có rất nhiều phương tiện truyền thông tư tưởng : in sách vở dễ dàng, dùng truyền thanh và truyền hình không những để đưa tin mà còn để dạy học nữa, rồi dạy nghề, dạy cách sống làm sao để khỏi va chạm nhau, làm khổ nhau (không những đụng xe, mà còn đụng bằng những chiếc máy thâu thanh và Ti vi mở quá to làm khổ cho những nhà kế cận, nhất là giờ trưa và giờ khuya khi mọi người cần được yên tịnh ngủ, nghỉ).

Trên đây là điều kiện tiên quyết để có thể xây dựng một nền văn hóa đích thực. Điều kiện tiên quyết này, xin tạm gọi là *phá chấp*. Bao lâu chúng ta còn tự hào về « bốn ngàn năm văn hiến » của ta, bao lâu ta còn nghe một vài tay « phù thủy văn học » rêu rao rằng : Văn minh Tây phương đổi bại, đang đi vào bế tắc, chỉ có văn minh Đông phương là quân bình. Hơn nữa, họ còn nói văn minh Đông phương sẽ mang lại linh dược chữa bệnh cho văn hóa Tây phương. Nếu không quá cố chấp và mù quáng, người ta phải công nhận rằng Đông phương chậm tiến, và Đông phương đang chạy theo khoa học Tây phương, nhưng chưa đuổi kịp (có lẽ chỉ trừ Nhật bản). *Nếu* xã hội chúng ta chưa gặp những xáo trộn do văn minh (mà văn minh là thể hiện của văn hóa) gây nên, thì không phải do những thần lực linh thiêng của văn hóa cổ truyền, nhưng chỉ vì xã hội ta chưa đạt tới mức sinh hoạt kỹ nghệ và xa hoa của Tây phương. Tôi nhấn mạnh vào chữ *nếu* : vì nhìn vào thực tế cái gì chứ cái ăn chơi phóng đãng ta đi kịp Tây phương lắm : hồi 1955-1960, bên Tây hiện sinh thì Saigon cũng hiện sinh ; rồi vài năm nay, Mỹ cao bồi Téc sạc, Híp-pi, thì ta cũng Hi-pi không kém, ấy là chưa kể nạn tự do luyến ái, nạn bạch phiến . . .

Xin cúi đầu hỏi Hội Khổng học, Hội bảo vệ luân lý, và những hội gì hội gì xem các ngài đã làm được những gì cho nền văn hóa ? Xin hỏi nhỏ : Các ngài có chiếm được sự tin tưởng của giới trẻ đang lên không ? Giới trẻ có thực sự tin rằng chính các ngài tin tưởng vào các nguyên lý cổ truyền đó không ? Hay là giới trẻ có vẻ nghi ngờ rằng những danh từ như «truyền thống», «dân tộc» v.v.. chỉ là chiêu bài chính trị ngoài xã hội, và là những lợi khí đàn áp trong gia đình ? Giới trẻ ngày nay sớm khôn lắm, và họ hiểu thấm thía câu nói của một nhà tư tưởng : «Khi *lý trí* vắng mặt, thì cái gì cũng có thể xảy ra, như trong đêm tối». Khi không nhân danh lý trí mà lại nhân danh tình cốt nhục, tình bạn bè, nhân danh lề thói xã hội, nhân danh tôn giáo của mỗi đoàn thể, thì những cái xảy ra khó mà đầy đủ tính chất văn hiến.

oOo

Sau mấy lời nói đầu liên can đến văn hóa và truyền thống, bây giờ xin đi thẳng vào những điều kiện mà tôi thử nghĩ là cần thiết để xây dựng và phát huy văn hóa :

— Những điều kiện kinh tế xã hội,

— Những điều kiện tinh thần : óc hiếu học,

— Tự do tư tưởng và phát biểu tư tưởng.

— Gây bầu không khí văn hóa : đề cao văn hóa.

1. — Những điều kiện kinh tế xã hội.

Người xưa có câu «*Primum vivere, deinde philosophari*», và ta thường nôm na dịch là : «Dĩ thực vi tiên, nhiên hậu triết lý», hoặc « Có thực mới vực được đạo». Bản năng sinh tồn là bản năng mạnh nhất nơi con người : khi thiếu ăn, đói ăn con người không có khả năng nghĩ đến, hoặc thích thú một cái gì nữa, dầu văn hay, nhạc khoái, gái đẹp v.v., tất cả không đáng giá một bát cơm, chứ đừng nói một bát cháo đậu hay một tô phở. Không bệnh nào đau đớn bằng bệnh đói. Không bệnh nào chết chắc chắn bằng bệnh đói. Khi đói, người ta không còn tư cách gì hết. Mấy linh mục người Pháp, giáo sư của tôi ở Hà-nội, chúng tôi hết lòng kính phục vì nền học vấn uyên bác và đức tính cao quý của các ngài : khi bị Việt Minh bắt đem lên Tuyên Quang, giam ba năm, họ xử với các ngài tử tế vì điều tra không thấy các ngài có óc thực dân như một số linh mục Thừa Sai đã bị họ giết trong hồi đó, hoặc ở ngay Hà nội, hoặc ở Nam-định, Thanh-hóa, Vinh v.v. Sau gần 4 năm bị giam giữ và điều tra, các ngài được cụ Hồ viết thư xin lỗi và truyền cho công an Việt Minh đưa các ngài một cách an toàn về Hà-nội (năm 1950, khi đó Pháp đã chiếm lại Hà nội). Kể lại kinh nghiệm mấy năm «tù lỏng» (được giam riêng ở một nhà trong rừng, và có nhà thầu nấu cơm cho ăn), vì mỗi người chỉ có một khẩu phần vừa đủ sống, không mấy khi được ăn no, cho nên những ngày Tết khi Ủy ban tỉnh đi ủy lạo mà phát cho 6 linh mục một chiếc bánh chưng, hoặc một cân mứt, thì các ngài ủy cho một vị khéo chân khéo tay, chia sao cho các phần tuyệt đối bằng nhau : nếu hơi có vẻ không bằng nhau một tí thôi, tức thì mặt nặng mặt nhẹ, mất hết cả vui.

Tôi đưa ra một kinh nghiệm sống để chứng minh : khi đói ăn, con người rất có thể chỉ nghĩ đến ăn như một con vật, chẳng còn văn hóa gì nữa. «Có thực mới vực được đạo», ăn có no thì rồi mới có văn hóa.

Cho nên, dân miền Nam chúng ta, nhờ tài «kinh bang tế thế» của ngài Tổng trưởng Kinh tế Phạm-kim-Ngọc dưới quyền «lãnh đạo anh minh» của ngài Tổng thống Nguyễn-văn-Thiệu, mức sống càng ngày càng eo hẹp, giá sinh hoạt lên vùn vụt mà đồng tiền lương thì cố định (trừ những kẻ đi làm cho Mỹ, cũng như hồi xưa sướng

nhất là công chức làm cho Tây), cho nên quãng một năm nay *số sách xuất bản sút đi tới phân nửa*, nhất là những sách có giá trị khoa học và biên khảo. Loại tiểu thuyết còn bán ra được lai rai, vì tiểu thuyết là một thứ thuốc ngủ làm quên đi cái thực trạng bi đát của sinh hoạt kinh tế và chính trị hiện nay. Ngân quỹ gia đình nguyên lo cơm hai bữa, tiền học cho con, rồi tiền thuốc thang tí ti mỗi khi cảm cúm, ũng chưa đủ, thì lấy đâu ra tiền để người cha có thể mua một cuốn sách để học hỏi thêm, mấy người con lớn mua thêm cuốn sách để học thêm ???

Tiếng nói của dân mình thực là đầy triết học: cái gì ta cũng kép chữ ăn, nào là *ăn làm, ăn ngủ, ăn học, ăn chơi* v.v. Không ăn thì đâu có sức làm việc ? Không ăn, bụng đói như cào, sức mấy mà ngủ được? Không đủ ăn thì làm sao có tiềnđi học, có tiền mua sách đọc?

Tôi nhớ hồi năm 1958-1960, nền kinh tế khá ổn định, giá sinh hoạt chưa mắc chứng leo thang như những năm sau này, nhất là ông Diệm còn tỏ ra là người quý mến sự học, chưa *đánh thuế văn học, đánh thuế sách* mua ởngoại quốc, cho nên giới trí thức mua sách đọc khá nhiều. Nhưng rồi đói ăn vụng, túng làm liều, năm 1961 gì đó ông ra lệnh *đánh thuế sách* cũng một cách như đánh thuế xe hơi và phân hóa học : từ đó sinh viên, giáo sư và những người hiếu học mua sách, kể cả sách giáo khoa và nghiên cứu, đều phải chịu sắc thuế 5/7, y như bọn phú thương nhập cảng xe Honda hoặc nhập cảng các xa xỉ phẩm. Về cuối triều Ngô, đã có lúc vì giới trí thức kêu ca, cho rằng không nước nào trên thế giới đánh thuế sách học và dụng cụ văn hóa, đàng khác chỉ tăng thuế các xa xỉ phẩm lên một chút là thừa bù lại chỗ đánh vào sách vở nên có tin chính phủ muốn bãi bỏ thuế sách. Nhưng rồi Cách mạng lện ngôi. Và văn hóa càng ng y càng xuống dốc .. Xin nói rõ để bạn đọc biết : Thuế 5/7 không phải đánh vào những nhà buôn sách, mà đánh vào từng cuốn sách chính sinh viên hay giáo sư chúng tôi trực tiếp mua ở các nhà sách ngoại quốc.

Tóm lại, kinh tế là điều kiện phát huy văn hóa : có đủ ăn đủ mặc và dư chút tiền nhỏ, người ta mới có thể mua sách đọc, có người đọc thì nhà xuất bản mới dám in sá h, các nhà làm văn hóa mới có hứng để sáng tác và biên khảo. Tình trạng hiện nay thực là bế tắc.

(còn tiếp 1 kỳ)

TRẦN THÁI ĐỈNH

Tin mừng

Được tin :

Bé LÂM QUẾ-LINH

sẽ gặp *Cậu* HỒNG-VĂN

vào ngày 12-10-1971 (tức 24-8 Tân-Hợi) tại Chợ-lớn

Thành thật mừng cho một con sáo qua sông

Lê-Chánh — Hoàng-Lộc

Đón đọc:

Nguyệt san **VĂN MỚI**

Tạp chí quy tụ những cây bút trẻ tiến bộ

Số 1: Sứ mệnh nhà văn Việt-Nam

Phát hành ngày 15-10-1971

Ban biên tập: Bảo Cư — Đinh Cường — Hoàng thạch Thiết — Huỳnh hữu Ủy — Lê hồng Đức — Lê văn Phước — Nguyễn mộng-Giác — Nguyễn như Nguyên — Nguyễn nguyên Phương — Nhương-Sao — Phạm thế Mỹ — Phan mỹ Dung — Phan long Côn — Phùng-Quyên — Quán Như — Thế Vũ — Nguyễn trọng Văn — Sâm Thương.

Tòa soạn: 666 Phan thanh Giản *Hộp thơ 2623 Saigon*

Vitaplex

CALCIUM +6 SINH-TỐ

C_D_PP_B2_B6_B12

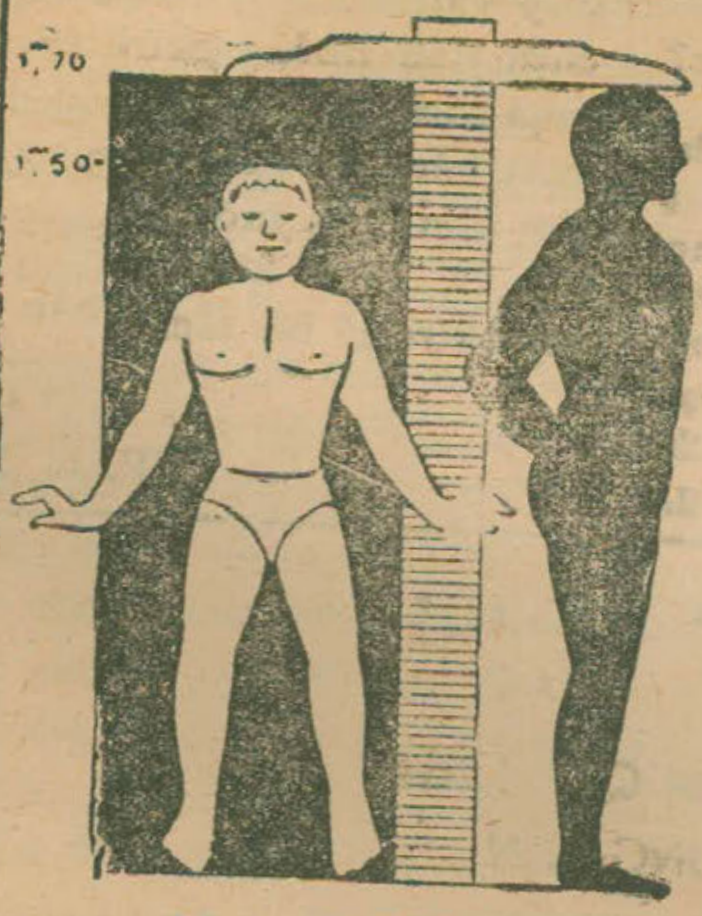

- CON NÍT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ.
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG.
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHỔI.
- MỆT MỎI.

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON _ VỪA BỔ.

S 78 KNó: MBYT/QCPD

● VÕ-QUANG-YẾN

XUNG QUANH VIÊN THUỐC NGỪA THAI :

Ngăn cản trứng rụng

Vào cuối thế kỷ thứ 20 nầy, dù muốn dù không, vì luân lý hay đạo giáo, vì cá nhân hay tâm lý, câu chuyện hạn chế sinh sản lại được đặt ra, cần thiết và gấp rút. Tuy là « vấn đề muôn thuở của nhân loại » các phương pháp chưa bao giờ được khảo cứu sâu xa như ngày nay. Không nói đến những phương pháp hoàn toàn cơ học ngăn cản không cho tinh trùng lại gặp tiểu noãn (thuốc túi xức, cao-su, màng chắn, ống xoắn), hoặc dựa lên lý thuyết để tránh giao cấu những ngày trứng rụng (Ogino, nhiệt độ), hoặc mổ xẻ để cắt cột ống dẫn trứng hay ống dẫn tinh trùng, người ta còn đi xa hơn : dùng hóa chất làm hỗn loạn nền sinh lý học của con người.

Vâng, bất chấp thiên nhiên, tạo hóa, các nhà khoa học muốn tránh thụ thai mà vẫn để cho con người tiếp hưởng khoái cảm, lạc thú. Có nhiều nguyên tắc trong những phương pháp hoặc đã được đưa ra dùng hoặc đang còn nằm trong vòng khảo cứu.

Bên đàn ông, người ta vẫn để tinh trùng được chế tạo, nhưng lại kiếm cách làm cho chúng mất hoạt động ; thí nghiệm trên thú vật đã đem lại kết quả mỹ mãn rồi. Người ta cũng có thể cho phát sinh trong cơ thể đàn bà những phản chất chống lại tinh trùng như ở những người đàn bà hiếm hoi người ta thường nhận thấy tinh trùng bị phản chất làm kết dính lại với nhau.

Bên phía đàn bà, người ta có thể ngăn cản hoặc không cho tiểu noãn đóng tổ vào tử cung, hoặc không cho tiểu noãn rời noãn sào tức là không có cuộc rụng trứng. Những thuốc viên ra đời, đánh một dấu lớn trong lịch sử loài người, nhất là cho cuộc giải phóng phụ nữ, và cũng đã làm hao hơi tốn mực không biết bao mà kể!

Trong phạm vi bài nầy chúng tôi chỉ xin bàn đến một mặt khoa học : ngăn cản trứng rụng.

Ngăn cản sinh lý

Trong cơ thể một người đàn bà có con, cuộc rụng trứng đã từng bị ngăn cản mà không hề có chút dính líu với thuốc viên : đấy là một cơ chế sinh lý học hoàn toàn thiên nhiên rất cần yếu trong một cuộc sinh sản.

Xin nhắc lại khi tiểu noãn rời khỏi noãn sào thì trong bao noãn bị vỡ một tuyến nội tiết được tạo ra, gọi là vật thể vàng. Vật thể vàng này, đồng thời với nhiệm vụ sửa soạn tử cung, cóp nhặt tích trữ vật liệu để chờ đợi chiếc trứng lại đóng tổ vào, còn có phận sự ngăn cản không cho một tiểu noãn nào khác được phát ra. Muốn làm tròn phận sự nầy, vật thể vàng có một chút quyền hành lên các trung tâm thần kinh điều khiển cuộc

làm trứng chín và rụng. Nó chỉ tiết ra một kích tố gọi là progestérone và kích tố thi hành nhiệm vụ. Trong suốt thời gian cuối của chu kỳ kinh nguyệt cũng như trong trường hợp thụ thai, chiếc trứng lại đóng tổ vào tử cung luôn trong chín tháng thì chất progestérone được tiếp tục điều hòa tiết ra và không một tiểu noãn nào khác rời khỏi noãn sào. Nhận xét đã cho thấy mỗi khi chất proges érone được tiết ra thì nhiệt độ cơ thể người đàn bà tăng lên và hiện tượng nầy đã được dùng làm căn bản cho một phương pháp ngừa thai mà bác sĩ Geller đã phổ biến trước đây hơn mười năm.

Nếu trứng không thụ thì theo mệnh lệnh của não thùy vật thể vàng tàn héo, chất progestérone hết còn được tiết ra, lớp màng dày trên tử cung không được kích tố nuôi dưỡng nữa như cành lá hết nhựa cũng úa rữa và rời tách tử cung ra ngoài, đem theo hết mọi vật chất cần thiết đã tích trữ, gây ra một cuộc băng huyết, tức là là kinh nguyệt của người đàn bà.

Nhưng ở đây ta chỉ xét đến cuộc trứng rụng. Công tác của các nhà khảo cứu là bắt chước thiên nhiên, dùng kích tố tương tự như chất progestérone để đừng cho trứng chín và rời noãn sào.

Ngăn cản hóa học

Hóa chất được dùng làm thuốc viên là một chất stéroide gần giống chất progestérone. Tên khoa học của nó là 17 × éthynyl-19 nortestostérone.

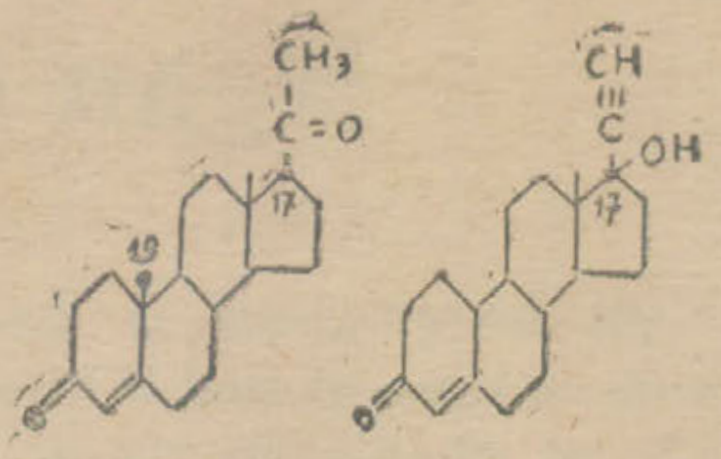

progestérone — *kích tố thiên nhiên*

éthynylnortestostérone — *hóa chất nhân tạo*

So sánh hai công thức, ta thấy cả hai cũng có một rường cột chỉ có khác là hóa chất thiên nhiên có hơn một chiếc carbone 19 và chức cétone ở đỉnh 17 đã được đổi thành một chức rượu. Sở dĩ phải thay đổi vài chi tiết trong cấu tạo là vì một đằng thuốc cần phải được tiêm thịt, một đằng hóa chất nhân tạo trở nên mãnh liệt hơn nhiều. Người ta còn chế biến thêm chút ít và một chất như éthinedol acétate mạnh gấp một ngàn lần chất progestérone.

Từ đầu chu kỳ kinh nguyệt, chẳng hạn bắt đầu từ ngày thứ năm, nếu uống thuốc viên thì tức khắc tiểu noãn bị phá rầy, không thành tựu và chắc chắn là không một chiếc trứng nào được phát ra nếu thuốc được tiếp tục uống. Không có trứng rụng tức nhiên không có thụ thai. Phương pháp xem ra rất nhiều thực hiệu và nếu hiện nay hằng triệu đàn bà, nhất là ở Mỹ châu, đã dùng tức là kết quả đã rất là mỹ mãn.

Nhưng khi thuốc viên đột nhập cơ thể thì đồng thời ngăn cản trứng rụng, nó còn gây ra ba trạng thái dừng đứng khác: thứ nhất là ngăn cản tổ

chức bọc noãn sào vận dụng vì tiểu noãn không lớn lên được; thứ nhì là ngăn cản mọi cuộc bài tiết của noãn sào và luôn giữ noãn sào ở giai đoạn đầu tiên chu kỳ kinh nguyệt; thứ ba là ngăn cản cuộc phát triển màng dày ở tử cung và nó cứ nằm mãi ở trạng thái ngay trước kinh nguyệt.

Cuộc ngăn cản bộ ba này, nguyên do tại một cuộc ngăn cản trứng rụng tức là cho noãn sào yên nghỉ, lại trở nên một phương pháp trị liệu trong nữ khoa ngoài hẳn phương pháp ngừa thai là điểm khởi đầu của cuộc khảo cứu.

Ngăn cản bài tiết

Trong số các ứng dụng về trị liệu đã có thành tích, nên kể một phương pháp chữa rất hay những chứng do hỗn loạn noãn sào gây ra. Người ta biết bao noãn là nơi chế tạo những oestrogène tức là những kích tố «phụ nữ». Ở nhiều người đàn bà, chất oestrogène được chế tạo ra quá nhiều, kết cấu là màng tử cung phát triển quá lớn. Những người nầy thường kêu vang đau bụng. Thầy thuốc khám xét hay thấy noãn sào phồng lớn, lại cứng, đầy bướu, chạm vào dù nhẹ cũng đau. Có khi bệnh chứng chỉ được khám phá vì bác sĩ đã tìm kiếm về mặt kích tố sau những vụ sổ thai liên tiếp hay vì không sinh đẻ được.

Ở nhiều người đàn bà khác thì lại những chất androgene tức là kích tố «nam nhi» được chế tạo ra. Thật ra, thường xuyên noãn sào đàn bà cũng tổng hợp kích tố nam nhi nhưng rất ít, khoảng 1 đến 2mg mỗi ngày đêm. Ở người bị bệnh thì số lượng nầy tăng lên rất nhiều, gây nên hỗn loạn kinh nguyệt bên cạnh những tính chất nam nhi được phát ra như lông mọc, tóc rụng, . . .

Trong những trường hợp nầy, lẽ tất nhiên hóa chất dùng để ngăn cản trứng rụng có thể đem dùng vì nó cũng ngăn cản luôn cuộc bài tiết của noãn sào. Đến nay phương pháp thủ thuật thường hay được dùng nhưng đem so sánh với việc dùng hóa chất thì kết quả rất tương đương.

Tuy nhiên, có nhiều trường hợp màng tử cung phồng lớn nhưng không phải vì kích tố được tiết ra quá nhiều, thường ở những người đàn bà kinh nguyệt đã tắt, nghĩa là nguồn oestrogene đã cạn. Đấy chỉ là những phản ứng sinh sôi nhẹ nhưng có thể trở thành nguy kịch khi gặp thời cơ thuận tiện. Theo bác sĩ Gusberg, trạng thái nầy có thể đưa thẳng lại ung thư.

Ngăn cản ung thư

Lúc đầu người ta đã hằng sợ thuốc viên có thể gây ra ung thư thì ngày nay thuốc viên lại được dùng để chữa bệnh tử cung. Cách đây vài năm, bác sĩ Steiner chữa 33 bệnh tử cung phồng lớn với thuốc viên đã nhận thấy bệnh thoái bộ một cách nhanh chóng và rõ ràng.

Trong số 33 bệnh nhân nầy có 8 trường hợp bệnh trầm trọng, nghĩa là gần cấu tạo ung thư hơn. Quan sát kỹ, người ta thấy màng tử cung đã cho tế bào phân chia nầy nở hỗn

độn như ở các ung thư, vậy mà cho uống thuốc viên vào là bệnh lại lành ngay.

Được những kết quả nầy khích lệ, những nhà khảo cứu nghĩ ngay đến dùng thuốc viên để chữa những ung thư đã phát khởi rõ ràng: Và người ta đã thành công chữa lành được 80% đến 90% các bệnh ung thư tử cung, mặc dầu ung thư tử cung được xếp loại vào hạng nặng nhất. Đến nay phương pháp thủ thuật thường cũng được dùng trước, và người ta chỉ nhờ đến thuốc viên nếu chứng bệnh trở lại và mổ xẻ không còn làm gì được nữa. Có nhiều trường hợp bệnh tật trầm trọng, người ta cũng dừng đứng được ung thư, có khi làm tiệt hẳn sũng phù và như chữa gần lành được hoàn toàn.

Nói tóm lại, đến nay thuốc viên chữa lành ung thư mà không thấy gây ra tai hại. Rất có thể về những mặt khác và sau nhiều thời gian nhận xét, người ta lại tìm ra được chứng bệnh, bất tiện, ngẫu biến... mà thuốc viên có thể đem đến, nhưng trong lãnh vực khoa học mọi khẳng định cần phải có bằng cớ, chứng minh.

Trong lúc chờ đợi, mặc dầu hiệu nghiệm rõ ràng, ở nhiều nước có khi cũng mang danh là tân tiến, thuốc viên chưa được tự do bán dùng. Vì đây là một chuyện cá nhân và gia đình, vì sao nhiều chính phủ lại không để cho mỗi công dân lãnh trách nhiệm điều khiển cuộc tự do của mình?

VÕ QUANG YẾN

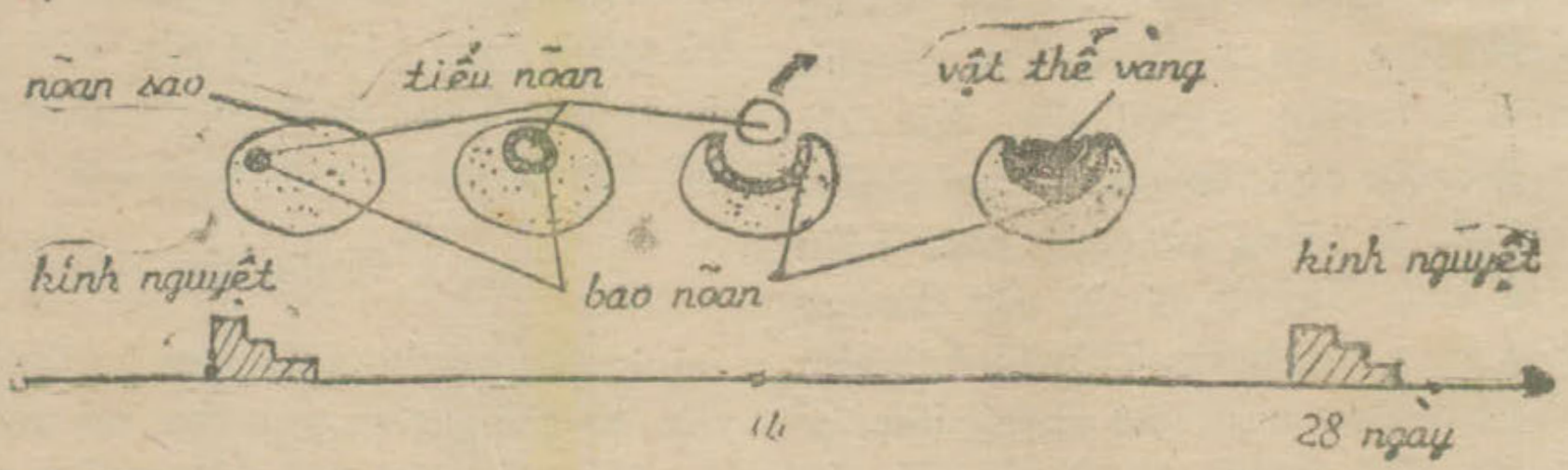

Vật thể vàng là một tuyến nội tiết phát sinh trong bao noãn bị vỡ, có nhiệm vụ cho jết ra kích tố điều động tử cung đón nhận chiếc trứng đã thụ, đồng thời ngăn cản không cho phát ra một tiểu noãn nào khác trong giai đoạn cuối chu kỳ kinh nguyệt hay suốt thời gian thụ thai.

BÁCH KHOA ĐÓNG TẬP

— Đã có thêm tập, 6 tháng đầu năm 1971 từ số 337 đến 348.

— Các bạn đã hỏi mua hoặc đặt tiền có thể đến Tòa soạn để lấy những bộ Bách-Khoa mới đóng xong từ 1957 đến 1970 gồm 42 tập, kỳ này thiếu những số : 1, 9, 12, 28, 64. 70, 81, 88, 95.

Việc dùng châm thuật để thay thế thuốc mê ở Trung-Cộng

● TRẦN-TIẾN-HY

Gần đây, báo Đuốc Nhà-Nam số ra ngày 9-6-71 và tạp-chí Bách Khoa số ra ngày 15-6-71 đều có đăng cái tin trích từ tạp-chí Newsweek, theo đó thì hai bác sĩ Hoa-kỳ Galston và Signer nhân cuộc viếng thăm Trung Cộng vừa rồi, đã có dịp chứng kiến tận mắt việc sử dụng tài tình khoa châm-cứu để thay thế cho vai trò của thuốc mê trong các cuộc giải phẫu.

Trước cái tin có vẻ mới lạ ấy, không những riêng đồng bào ta mà có lẽ cả thế giới đều kinh ngạc, bởi vì từ trước tới giờ người ta chỉ biết châm cứu trị được kinh phong, chữa được đau lưng nhức đầu v.v... và nếu có tài giỏi hơn nữa thì bắt quá trị được lan vỹ viêm (appendicite) (1) chớ không mấy ai ngờ rằng châm-cứu lại có thể làm cho bệnh nhân, mặc dầu tỉnh táo, vẫn chịu đựng được sự cưa xẻ lồng ngực để cho bác sĩ làm giải phẫu ngay trong quả tim mình mà chẳng cảm thấy đau đớn. Việc này, vẫn theo tạp-chí Newsweek, đã xảy ra tại một bệnh viện ở Vũ-Hán, trước sự chứng-kiến của một nhà ngoại-giao Gia-nã-đại.

Thế rồi, một số đồng-nghiệp của tôi hoặc đến tận nơi, hoặc viết thư về hỏi chẳng hay bên Trung-Cộng họ đã dùng những huyệt gì mà hay vậy ? Thì ra một số đồng-nghiệp của tôi đã lầm khi họ tưởng rằng chỉ cần biết được những huyệt mà người ta đã dùng tức bất cứ ai cũng có thể, với một vài cây kim, gây được cái mà ở Trung-Cộng người ta thường quen gọi là cục bộ ma-túy (anesthésie locale).

Sự thật thì việc chọn huyệt để phối dụng đành rằng cũng quan-hệ lắm, nhưng ngoài ra còn có những chi-tiết mà vị châm-y không thể coi thường, đại khái như chọn cho bệnh nhân một tư-thế thích nghi cũng như khi châm, vị châm-y phải tùy theo từng trường-hợp mà quyết định độ sâu và chiều hướng của cây kim phải chích thẳng đứng, chích xiên hay chích ngang (trực chích, tà chích hoặc hoành chích).

Tuy vậy tất cả những điều kể trên chỉ là phụ thuộc và *có thể trở thành con số không nếu cây kim không được vận dụng theo một thủ pháp thích nghi bởi một châm-y có nhiều kinh nghiệm.*

Nói đến thủ pháp, phần đông các châm-y đều không thể không liên tưởng đến «triền nhiễn, tước trác v.v...» là những thủ-pháp mà các châm-y Nhật-bản đã phổ biến và đã được đại đa số châm-y Trung-hoa trong khoảng 30 năm về trước, bất chấp lời kêu gọi phục cổ của Phương Thận Am (2), cúi

(1) *Acupuncture in treatment of acute appendicite trongChinese Medical Journal tháng 2 năm 1960 và Acupuncture ou chirurgie trong Constellation tháng 2 năm 1961*

(2) *Nhà châm y họ Phương mà Soulié de Morant hết mực tôn kính và từng coi là bực thầy, là một vị y-sư có học-vấn và tài năng siêu quần bạt tụy. Ông đã từng nói trong «Kim châm bi truyền» (1936) rằng: Tây-y dũ tân dũ hữu phát minh, Trung y dũ cựu dũ hữu bửu quý.»*

đều đón nhận, cho những gì người Nhật bản đã phát minh hay là để xướng đều đúng, đều hay cả.

Thế nhưng, hết đêm tức phải đến ngày, người Trung-hoa ở hậu bán thế-kỷ này, sau khi đã học được cái «hay» của văn-minh Tây-phương lợi dụng được cái «giỏi» của người Nhật-bản, họ mới yên tâm để thực sự trở về với văn hóa cổ-truyền thì, lần nầy khác hẳn với những lần trước, họ không còn thấy văn minh của họ là hủ lậu, là đáng dẹp bỏ mà trái lại, vừa cao siêu, vừa phong phú, và nếu biết khai thác thì không biết bao nhiêu là bất ngờ, không biết bao nhiêu là hứa hẹn sẽ đến với dân-tộc Trung-hoa nói riêng và toàn thể nhân-loại nói chung.

Riêng trên lãnh vực y-học nhờ khai thác học thuyết kinh-lạc (1) việc chữa trị lan-vỹ-viêm (appendicite) bằng châm-cứu tại các bệnh viện ở Thượng-hải (2) đã được coi là việc quá thông thường và ngay đến việc dùng châm-thuật để thay thế cho thuốc mê cũng không phải là mới lạ nữa.

Thật vậy, mùa thu năm 1958, tại Đệ-nhất nhân dân y-viện Thượng-hải, một nhóm y-sĩ phụ trách khu tai, mũi, họng bỗng có sáng kiến là nếu trên phương diện lâm-sàng, châm cứu có tác dụng làm cho hết đau, hết nhức thì nay khai thác cho đúng mức, ắt không có lý gì lại không lợi dụng được tác-dụng ấy để ứng dụng váo việc giải-phẫu. Thế rồi họ quyết dùng châm-cứu để thay thế cho Novocaine trong những vụ mổ cắt biên-đào-thể (amygdale).

Khởi sự từ ngày 30 tháng 8 năm 1958 và chấm dứt vào ngày 27 tháng 10 cùng năm ấy, họ đã mổ cắt biên-đào-thể cho cả thảy 74 bệnh nhân mà nhờ sự hợp-tác của mấy vị châm-y, không có một trường hợp nào họ phải dùng đến thuốc mê hay thuốc tê gì cả.

Họ đã căn cứ vào học-thuyết kinh-lạc để chọn huyệt *Hợp cốc* ở nơi bàn tay và huyệt *Nội đình* ở nơi bàn chân. Huyệt Hợp cốc thuộc đường kinh Thủ-dương minh, nó có một nhánh đi từ Khuyết-bồn (mé xương quai xanh) lên cổ, tới má để rồi lại chạy thẳng vào hàm răng dưới. Còn huyệt Nội-đình thuộc đường kinh Túc - dương - minh, đường kinh nầy lại cũng có một nhánh đi từ huyệt Đại nghinh nơi má (kế xương hàm xai) đến huyệt Nhân-nghinh nơi cổ rồi lại vào yết-hầu. Như vậy là hai đường kinh nầy đều có những nhánh chạy vòng quanh vùng cổ trong đó có yết-hầu.

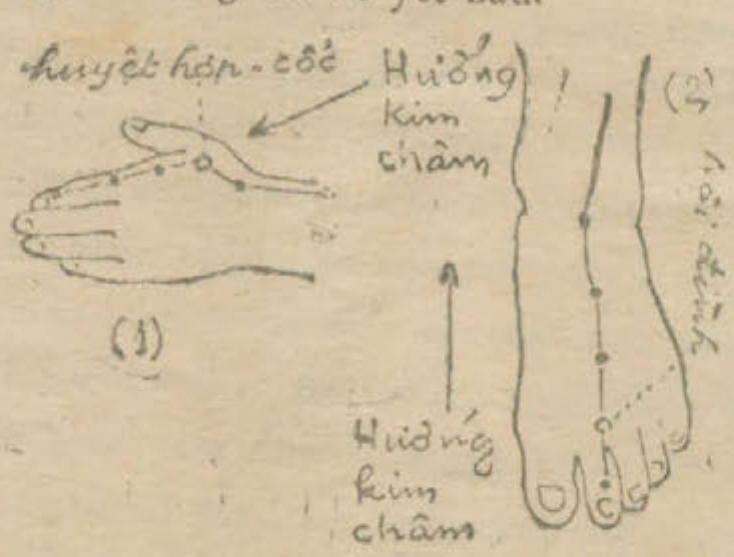

Người ta phối hợp Hợp-cốc (nguyên huyệt) với Nội-đình (vinh-huyệt) là nhằm mục đích tạo ra một ảnh-hưởng lớn mạnh tại vùng cổ. Và khi đã chọn huyệt rồi, châm-y còn phải lo cho có một cái ghế có lưng dựa hơi ngả ra đằng sau và có cả hai tay vượn để bệnh nhân khi ngồi ngả ra nơi ghế có chỗ để gác tay

(1) *Kinh-lạc học-thuyết giản-biên của Bắc-kinh Trung-y học-viện (1960)*

(2) *Acupuncture et appendicite, Bulletin de la société d'Acupuncture n° 53 (1964).*

với tư-thế hai cánh tay hơi co vào phía ngực, hai bàn tay úp sấp xuống tay vượn, còn hai chân thì thòng xuống, bàn chân úp sát mặt đất.

Tư-thế đã quyết định xong, bấy giờ châm-y mới dùng rượu mạnh 90 độ để lau chùi huyệt-vị cũng như những cây kim sắp được dùng đến, và trong khi bác-sĩ giải-phẫu đang chuẩn bị việc mổ cắt thời châm-y bắt đầu châm, cây kim được chích theo chiều xiên 45 độ Hợp-cốc trước với độ sâu từ 6 phân đến 1 tấc, rồi mới tới Nội-đình với độ sâu từ 5 đến 8 phân.

Nhưng chích đây không phải chích theo lối người nầy điểm huyệt để cho người kia chích, và chích xong là không cần biết đến cây kim nữa, bởi lẽ việc nhổ kim, họ cho là ai cũng làm được. Còn như cây kim được giữ lại lâu hay mau, thì cũng là tùy hứng.

Như vậy thì người ta đã chích theo lối gì? chích với những thủ pháp «chấn chiên, ốc lậu v.v...» theo kiểu Nhật-bản chăng? hay là chích theo lối cổ-điển với những thủ-pháp như Thiệu-sơn-hỏa, Thấu-thiên-lương (1) chăng?

Xin đáp: «Chích với những thủ-pháp Nhật-bản đành rằng hợp-lý và đứng đắn thực đấy, song chỉ điều chỉnh được những sai-biến trên hệ-thống kinh-lạc và điều hòa âm-dương trong những trường-hợp không quá nặng, quá khó, cũng như không thể gây được tác dụng ma-túy cần thiết để làm cho bệnh nhân khi bị mổ xẻ khỏi cảm thấy đau, và thủ-pháp mà các châm-y phụ trách khu tai, mũi, họng tại Đệ-nhất nhân dân y-viện Thượng-hải đã dùng để đạt mục-đích trên khi bệnh nhân được mổ cắt biên-đào-thể, đó là một thủ-pháp tổng-hợp được gọi là «Tý-ngọ đảo cậu».

Như trên đã nói, trong khi bác sĩ giải phẫu đang chuẩn bị việc mổ cắt biên-đào-thể thì vị châm-y làm thủ-pháp với những cây kim mà họ vừa mới chích vào hai huyệt nói trên, họ làm thủ-pháp đợt đầu xong là nghỉ tay trong 10 phút, cây kim vẫn được để yên tại chỗ (lưu châm). Kế đó họ lại làm thủ-pháp đợt nhì và lần này làm thủ-pháp được 15 phút xong, bác sĩ giải-phẫu mới ra tay. Việc mổ cắt biên-đào-thể chỉ mất từ 10 đến 40 phút, trong thời gian nầy, châm-y luôn luôn theo dõi để nếu bệnh nhân hơi có dấu hiệu đau đớn là kế tục làm ngay thủ-pháp...

Trở lên đó là cuộc thí nghiệm đầu tiên đã được thực hiện tại Thượng-hải với kết quả khá tốt đẹp (2). Tôi nói khá tốt đẹp bởi vì vào lúc đó, họ đang còn có một ít khuyết điểm.

Nhưng đến nay, đã 12 năm qua, họ không ngớt trau dồi, không ngớt cải thiện kỹ thuật của họ, do đó mà sự thành công rạng rỡ của họ trong lúc nầy không làm tôi ngạc nhiên chút nào.

Và trong lúc tôi đang cặm cụi viết bài

---

(1) *Bác sĩ Husson rất giỏi Đông-y có viết một bài nói về hai thủ-pháp nầy ở trong Bulletin de la société d'acupuncture số 40 năm 1964. Bài nầy có nhan đề «Sur deux manoeuvres en acupuncture».*

(2) *Châm thích ứng dụng vu lâm sàng cục bộ ma-túy, đích sơ bộ quan sát (Thượng hải Trung y-dược tạp-chí số 1 năm 1959).*

nầy thì có ông bạn ngồi một bên ghé tai hỏi: Thủ pháp «Tý ngọ đảo cậu» tại sao lại được gọi là *tổng-hợp* và theo thủ-pháp ấy thì cây kim phải vận-dụng như thế nào? Ngoài ra, anh có thể giải thích cho tôi hiểu vì sao sự chuyển vận cây kim hoặc qua bên kia, hoặc về bên nầy lại có thể sản sinh ra những tác dụng bổ tả khác nhau?

Và để chiều lòng ông bạn, tôi đã phải giải thích: Sở dĩ «Tý ngọ đảo cậu» được gọi là *tổng hợp thủ pháp* là vì thủ pháp ấy bao gồm ba thủ pháp bổ tả cơ bản: đề tháp, niệm chuyển, cửu lục, hay nói một cách khác, cả ba thủ pháp bổ tả cơ-bản vừa nói đó, nếu phối-hợp lại với nhau vào một lúc, tức thành cái thủ-pháp được gọi là «Tý ngọ đảo cậu» đó vậy (1).

Còn như cách vận dụng thì phải là một châm-y có một căn-bản học vấn kha khá thì may ra mới hiểu, mới nhớ được, vì nó phức tạp lắm. Đây tôi chỉ tạm cử một trong 3 thủ pháp bổ tả cơ-bản vừa nói trên là «niệm chuyển» để anh có chút khái-niệm thôi. Theo thủ pháp nầy thì muốn bổ, cái huyệt được chọn lựa, nếu nằm ở trên đường kinh của Thủ-tam-âm, Túc-tam-dương hay là Đốc-mạch tức cây kim khi chích «đắc khí» rồi, phải được xoay theo chiều cây kim đồng hồ, và muốn tả thì cây kim phải được xoay ngược lại, còn như huyệt đã chọn lựa lại nằm trên đường kinh của Thủ-tam dương, Túc-tam-âm hay là Nhâm-mạch tức cây kim phải được xoay về phía đối nghịch với kim đồng hồ nếu là muốn bổ, và ngược lại nếu là muốn tả.

Bác sĩ A Méry một châm-y người Pháp mặc dầu chưa hiểu thủ-pháp là gì đã từng nói: «Muốn châm cho người ta hết đau, hết nhức đành rằng phải căn cứ vào mạch, chứng để chọn huyệt cho thích nghi. Thế nhưng, điều quan-hệ hơn hết là phải xoay cây kim với hai ngón tay cái và trỏ, chẳng hạn như xoay qua bên phải theo chiều hướng cây kim đồng hồ mà sự đau nhức giảm thời tức là xoay qua phía đối nghịch nếu không đau hơn ắt cũng chỉ cầm chừng chứ không thể bớt thêm được... Chúng tôi đã nghĩ rằng đó hẳn là do sự biến đổi của điện-trường (modification du champ électrique vậy)».

Qua những điều đã được trình bày trên đây, những ai trước kia đã lầm tưởng tác dụng của châm cứu chỉ tùy thuộc vào tính-năng của du huyệt (point d'acupuncture) có lẽ đã tỉnh ngộ, đồng thời cũng ý-thức được sự cần thiết cũng như tầm quan trọng của những thủ-pháp thường được vận dụng trong châm-khoa.

Còn như ở Hoa lục sở dĩ người ta đã đạt đến những thành-quả huy hoàng như các báo đã loan thì đó là nhờ ở tinh thần chiết trung biết đón nhận những cái hay cái tốt của ngoại nhân với tất cả sự sáng suốt, không để cho chúng mê hoặc, đồng thời cũng không quên triệt để khai thác những cái hay cái đẹp sẵn có trong gia tài văn hóa nghìn xưa mà tiền nhân họ đã để lại, để rồi dùng cái nầy phối hợp với cái kia ngõ hầu đạt đến tận thiện, tận mỹ.

TRẦN TIỄN HY

---

(1) *Châm cứu thích cứu pháp của Thượng hải Trung-y học-viện (1964).*

(2) *Sur le mode d'action des aiguilles d'acupuncture, Bulletin de la société d'acupuncture số 30-1958.*

NÊN TÌM ĐỌC

— *Sách cổ chữ Nho phiên dịch và chú giải trong* Bộ ĐẠI NAM THỐNG NHẤT CHÍ, *có nguyên bản đối chiếu*

— *Những bài nghiên cứu về Văn-học, Lịch-sử, Địa lý và các vấn đề văn-hóa trong* VĂN-HÓA TẬP-SAN *xuất bản mỗi tam cá nguyệt.*

— *Sách cổ chữ Nho, chữ Nôm phiên dịch Việt-ngữ và chú-giải, có kèm nguyên bản, in Offset rõ ràng trên giấy trắng tốt, chữ đẹp, khổ 16 x 24, bìa in 3 màu.*

— *Danh tác Anh, Pháp phiên dịch Việt-ngữ in trên giấy trắng tốt, chữ lớn, khổ 13 x 19, bìa 3 màu in Offset.*

— Do Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-trách Văn-hóa ấn hành. Sách bán tại những hiệu sách lớn ở Thủ-Đô, các Tỉnh và tại Nha Văn-Hóa, số 8 Nguyễn-trung-Trực Sàigon.

ĐẠI-Á NGÂN-HÀNG

Trụ sở chính : 61-65, Hàm-Nghi Saigon

Đ. T. 98.460 — 98.700

Chi nhánh Chợlớn : *47-49 Tổng Đốc Phương*
ĐT 51.047

Chi nhánh Cầu Ông Lãnh : *21, Bác sĩ Yersin*
ĐT 99.386

Chi nhánh Gia-Long : *121-123, Gia-Long*
ĐT 96.827

Chi nhánh Biên Hòa : *10, Nguyễn Hữu-Cảnh*
ĐT 36

Chi nhánh Ban mê thuột : *16, Amatrang-Long*
ĐT 148

— Thực-hiện tất cả mọi nghiệp-vụ ngân-hàng :

Nhận tiền ký-Thác, chuyển-ngân, Trương-mục tiết-kiệm, Nghiệp-vụ tín-dụng, Hối-Đoái, Xuất-nhập-cảng v.v...

— Phục-vụ thân-chủ trong tôn chỉ :

LỊCH-THIỆP — NHANH CHÓNG
CHÍNH XÁC — KÍN ĐÁO

GEORGES E. GAUTHIER

12 / THU THỦY *dịch*

một người Gia nã đại và nghệ thuật của Phạm Duy

Phạm-Duy
một nghệ thuật khúc điệu

« Chúng ta hãy trèo lên ngọn đỉnh tháp, lên tận chỗ tột cùng, gần trời. Ở đó đôi khi khá lạnh và ta khá cô đơn ; nhưng ở đó người ta trông thấy sao sáng hơn và người ta không còn nghe thấy tiếng gà kêu nữa. »

FLAUBERT

Nét, hình và nhịp điệu...

Có những khúc điệu của Phạm-Duy khiến tôi nghĩ đến cái chữ ký của nghệ sĩ. Hãy ngừng lại một lát để xét về cái chữ ký quen thuộc của tác giả các bản *Trường ca* .. Chữ *D*, chữ *U*, và chữ *Y* họp thành ba nét mạnh mẽ gần liền nhau, chữ *D* như phóng các chữ *U* và *Y* tung lên một cách chắc chắn và quả quyết. Ba nét chữ ấy tiến thẳng *lên cao* một cách có ý nghĩa. Một lần gạch đậm và trơ trụi, không có một hoa hoè thêm thắt nào cả, đặt bên dưới chữ ký nọ càng làm cho nó thêm vẻ quả quyết và xác định... Trong chữ ký gồm những nét vươn lên cao ấy phải nhận thấy cái tính chất *lý tưởng* và *cái nghị lực*. Nhưng nét chữ hướng lên cao ấy cũng biểu lộ cái khiếu

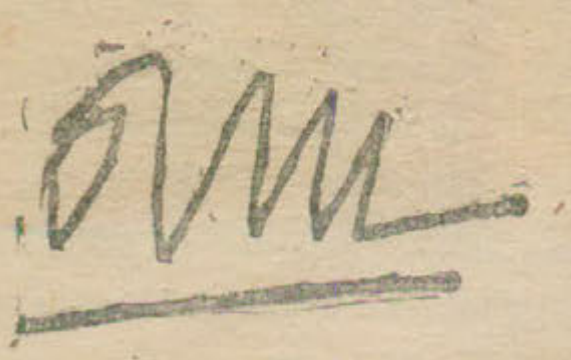

hướng lên cao nơi Phạm-Duy năng khiếu bẩm sinh và có lẽ thường xuyên nhất trong suốt cuộc đời của ông. Dù sao, chính khúc điệu của Phạm-Duy mới phản ảnh cái năng khiếu vươn cao và vượt tiến của ông rõ ràng hơn cả. Hãy nghiên cứu kỹ các khúc điệu *Quê nghèo*, *Về miền Trung*, *Tình hoài hương*, *Tình ca*, *Viễn du*, *Ngày trở về*, *Quán bên đường*, *Một người mang tên Quốc*, *Nhân danh*, *Đi vào quê hương*, *Khi tôi về*, *Dạ hành*, nhiều bài tình ca từ sau 1956, các bài *Đạo ca* số 3, số 5, số 6, số 7 và một số bài khác chẳng hạn : ở đây, thường khi nét nhạc bắt đầu từ một điểm khá thâm trầm ở giọng thấp, rồi hoặc vào giữa bài hoặc vào cuối bài lại tiến lên một nốt cao, một cao đỉnh âm thanh gay go và căng thẳng. Con đường tiến của nét nhạc ấy thực là đặc biệt của Phạm-Duy, của con người có lý tưởng nghệ thuật

cao cả, hướng về sự vượt tiến bản thân, con đường tiến của nét nhạc ấy tiêu biểu cho con người đã muốn đi đến tận cùng giới hạn khả năng mình và chỉ đặt ra những chướng ngại trên đường là cốt để rồi vượt lên những chướng ngại ấy. Dĩ nhiên không phải khúc điệu nào của Phạm-Duy cũng hướng lên và không phải tất cả đều phải đạt tới cực điểm bằng một nốt nhạc cao nào đó, tuy nhiên những điều này được gặp khá nhiều trong tác phẩm của ông đủ cho người ta có thể xem như là điều *cốt yếu* trong bản chất nghệ sĩ của tác giả những bài *Trường ca*.

Cũng đại khái vì những lẽ tương tự, khúc điệu của Phạm Duy thường khi là một thứ khúc điệu cần có nhiều *khoảng rộng*. Thật quá nhiều cái số các khúc điệu của Phạm Duy có âm vực từ một bát trình rưỡi đến hai bát trình! Cũng như thể con chim đại bàng cần cả khoảng trời xanh để tung cánh, khúc điệu của Phạm Duy cũng cần đến cả khoảng không gian âm thanh để phóng tỏa sức mạnh và phát huy chân tướng mình. Đó là một khúc điệu thường khi cũng *thái quá* như người. Đó là một khúc điệu không e ngại những phối hợp các nốt nhạc táo bạo, những khoảng cách khó khăn hay ít dùng, những ngũ trình, bát trình lên hay xuống, những lục trình, thất trình trưởng hay thứ, tất cả đều được dùng đến, bất chấp khó khăn. «Đường đi khó ư? Không, chính cái khó mới là đường đi. . .» Phạm Duy dường như muốn nói thế khi soạn ra những khúc điệu nọ. Cái nhạc khí hoàn hảo nhất, dễ vận dụng nhất là giọng hát của con người, nhà nghệ sĩ của chúng ta đã xử dụng nó với tài diệu tài tột cùng, với sự táo bạo đôi khi choáng ngợp. Nhưng diệu tài nọ không phải giả tạo hay vô cớ, không phải chỉ là hào nhoáng. Nó tự nhiên đối với Phạm Duy, nó là cái đà sống, là cái sinh khí của cả con người mà ông không muốn cũng không thể kìm hãm lại được. Khúc điệu của Phạm-Duy chống lại mọi hình thức diễn tả nào không phải là cái hình thức mà chính ông đã chọn cho nó Qua những khó khăn và cái điệu tài của nó, khúc điệu Phạm Duy là *sự xác định vĩ đại và tự do của một nghệ sĩ chỉ muốn chế ngự được các bí mật của nghệ thuật mình để càng nói được rõ hơn và hát được hay hơn vô vàn xúc động của cõi lòng mình và của tâm hồn mình.*

Tầm quan trọng của *nhịp* trong khúc điệu Phạm Duy là một đề tài nghiên cứu thú vị, bởi vì nhà nghệ sĩ của chúng ta dùng khá nhiều nhịp khác nhau, cũng như thường khi khá tế nhị và phức tạp. Nhịp nhạc của Phạm Duy trong những năm 40 thường thường rõ ràng và vững chắc, nhất là trong các bài *Hành khúc* và *Dân ca*, nhưng đây đó—đặc biệt trong *Cô gái mơ*, *Tình kỹ nữ*, *Khởi hành*, *Bên cầu biên giới*, *Dân ca Dặn dò*, *Dân ca Sông Lô*, *Tiếng đàn tôi*, *Đêm xuân* và *Gánh lúa*—có những nhịp tế nhị điểm vào khúc điệu. Với *Nụ tầm xuân*, *Tình hoài hương*, *Tình ca*, *Tình nghèo*, *Lửa hồng* và một số bài khác, nhịp nhạc Phạm Duy vào nửa

CCCLV

đầu của những năm 50 dần dần trở nên riêng biệt và tế nhị. Và vào cuối những năm 50 — Đặc biệt trong bài *Một đàn chim nhỏ*, một trong những đoạn ngọt ngào nhất của nghệ sĩ trong tác phẩm lạ lùng và đẹp đẽ tên là *Một bàn tay*, trong bài *Tôi đi từ ải Nam quan*, *Ai đi trên dặm đường trường* và *Giã ơn cái cối cái chày* — chúng ta gặp thấy những thành công đẹp đẽ hơn cả cho đến giai đoạn này về phương diện chính xác, phối trí và phức tạp của nhịp điệu. Nhưng đối với Phạm Duy là kẻ ít khi chịu nghỉ ngơi sau mỗi thắng lợi, lúc nào ông cũng tìm cách tiến xa hơn. Vì vậy, khi *Trường ca Mẹ Việt-nam* ra đời vào 1964, thì những bài *Sông vùi chôn mẹ*, *Những dòng sông chia rẽ*, và nhất là các bài *Mẹ xinh đẹp* và *Thênh thang thuyền về*, càng hiển cho chúng ta những bằng chứng đẹp hơn và hoàn hảo hơn về khí lực và tài diệu xảo của nhà nghệ sĩ về mặt nhịp điệu.

Vào cuối những năm 60, các bài như *Mùa xuân yêu em*, *Tôi ước mơ*, *Nhân danh*, *Bi hài kịch*, *Sức mấy mà buồn*, *Nghèo mà không hèn*, *Bà mẹ phù sa*, *Người yêu của cán bộ*, *Tôi đang mơ giấc mộng dài*, *Trả lại tôi tuổi trẻ*, *Ngày sẽ tới* và *Gái lội qua khe* cho chúng ta thấy rằng Phạm Duy có tài *sáng tạo dễ dàng ra những nhịp mới hay sử dụng các nhịp cũ bằng một cách mới lạ*.

Đồng thời, cũng vào giai đoạn này có hai biến cố quan trọng — việc chấm dứt một mối tình lớn và tình hình leo thang của cuộc chiến tranh sầu thảm này — làm cho trái tim của nghệ sĩ trĩu nặng và do một loại hiện tượng thẩm thấu không thể tránh khỏi ở Phạm Duy, các biến cố nọ ảnh hưởng đến nhịp điệu và khúc điệu của nhiều ca khúc. Bắt đầu từ 1965 với những bài *Tâm ca*: *Để lại cho em* và *Ru người hấp hối*, rồi, sau đó với những bài như *Đi vào quê hương*, *Kỷ vật cho em*, *Một ngày một đời* và *Dạ hành* khúc điệu của Phạm Duy như mỗi lúc một rã rời, tan vụn ra thành những nhịp ngắn hay những câu ngắn và hổn hển, cho đến bài *Thầm gọi tên nhau* sáng tác vào giữa năm 1971, một khúc điệu tang thương và bạc nhược, chỉ còn là cái bóng của chính nó, một khúc điệu thực ra chỉ là hình ảnh của nước Việt-Nam tang thương và bạc nhược, một nước Việt Nam chỉ còn là cái bóng của chính mình. Ôi, nghe những ca khúc như thế làm sao lòng chẳng thấy se sắt? Những gì đã xảy đến cho con người ấy, mới ngày nào từng phát ra những giọng kiêu bạnh và phấn khởi như *Gươm tráng sĩ*, *Thanh niên ca*, *Tình ca*? Không, Phạm Duy *chưa chết* — Với tôi thì ông không bao giờ chết cả! — Nhưng có lẽ ông là nạn nhân bị tổn thương bi thảm nhất của chiến cuộc này, bị tổn thương trong tâm hồn bị tổn thương trong nghệ thuật, «Dù chúng tôi thích chiến tranh hay chống chiến tranh, cách mạng hay đế quốc, tham nhũng hay không, cuộc chiến tranh này rồi sẽ giết tất cả chúng tôi!» (Thư Phạm Duy viết cho tác giả, tháng 6-1971). Cảm tưởng đầy ý nghĩa..

Mặt khác, tôi đã nói (*Bách Khoa* số 342) về nhịp điệu của các bài tình ca Phạm Duy trong những năm 1969-70, cái nhịp thường khi cho chúng ta nghe những khúc điệu rắn rỏi, nặng

nề hay gián đoạn, những khúc điệu thực ra khá giống các khúc điệu mà tôi vừa đề cập ở đoạn trên đây. Nhưng khi chú ý đến những nhịp gián đoạn, hồn hển của Phạm Duy vào những năm sau này, tôi không muốn bảo rằng những nhịp như thế không hề xuất hiện ở nhạc Phạm Duy từ những năm 40 hay 50. Những nhịp ấy *đã* từng xuất hiện từ trước, nhưng tôi xin nhấn mạnh rằng chúng chỉ mới xuất hiện một cách ngẫu nhiên và thực ra là hãn hữu thôi, còn vào khoảng cuối những năm 60 và đầu những năm 70 thì thứ nhịp gián đoạn và hồn hển ấy đã trở nên không những là thường xuyên mà vì lặp đi lặp lại mãi chẳng bao lâu chúng có tính cách một *ám ảnh*.

— Đến đây, tôi có ý muốn đối chiếu trường hợp của Phạm Duy và trường hợp của Robert Schumann, nhạc sĩ Âu-châu rất tiếng tăm vào thế-kỷ trước. Suốt đời Schumann phải chống lại bệnh điên và rốt cuộc ông qua đời trong một dưỡng-trí-viện. Trong nhiều bản đàn dương cầm của Schumann người ta phải chú ý đến những câu ngắn, gấp gáp, đến sự lặp đi lặp lại như một ám ảnh những nhịp ngắn, gián đoạn, trúc trắc giống nhau, những nhịp thực ra khá tương tự những nhịp mà tôi vừa nói đến ở Phạm Duy. Dĩ nhiên Phạm Duy không điên, nhưng chiến tranh nó là một sự điên rồ, và tôi không ngạc nhiên khi cuộc chiến tranh này cùng với một niềm đau khổ sâu xa về tình ái, cả hai đã đưa một con người giàu xúc cảm như thế đến một tình trạng *chấn động tâm lý*, một chấn động tất nhiên sẽ xuất lộ và tự khử qua tác phẩm nghệ thuật. Vì quả thực trong trường hợp của Schumann cũng như trong trường hợp của Phạm Duy, đây là vấn đề căn bệnh tự khu trừ. Cái ngắn gấp và hồn hển trong câu nhạc, cái đa số những nhịp gay go, nặng nhọc hay gãy vỡ, thực ra chỉ là chứng cứ của một cuộc chống chọi lắm lúc đầy phẫn nộ, của nghệ sĩ đối với định mệnh mình, vào những giai đoạn nào đó trong đời mình — Tôi cũng ghi nhận rằng một trong những đặc điểm của thứ nhịp ấy là ở một số ca khúc, đã đưa Phạm Duy đến một lối khúc điệu có phần hơi yếu, là cũng đã đưa ông đến một lối khúc điệu có phần giống nhau từ bài nọ sang bài kia, đó là điều khá bất thường đối với ông. Nhưng tất cả những tác phẩm ấy thì không yếu kém. Do đó, chẳng hạn trong những bài *Đạo ca 1 và Đạo ca 5* và trong bài *Tình khúc trên chiến trường tơi tả*, cái thứ nhịp khó nhọc ấy dù sao cũng đã đem lại một kết quả rất độc đáo và ngộ nghĩnh.

Như tôi đã có lần nói đến, Phạm Duy có thể ngã, có thể bị áp đảo, nhưng ông cố gượng dậy. Một vài ca khúc năm 1970 đã báo hiệu cuộc *bắt đầu* vươn dậy của nghệ thuật ông, một số ca khúc càng nhiều hơn của thượng bán niên 1971 cho thấy sự *tiếp tục* của cố gắng vươn lên ấy. Tất nhiên, đây đó, chẳng hạn trong bài *Đạo ca* thứ 4 và thứ 9, trong những bài *Yêu tinh tình nữ* và *Thầm gọi tên*

nhau, có nhịp nặng nề và khó nhọc, có những câu ngắn gấp và hổn hển cho thấy tác giả vẫn còn bị chấn động vì những niềm khổ đau nào đó. Nhưng trong *Trả lại em yêu*, *Người lính trẻ*, *Ngày xưa Hoàng thị*, *Ngày tháng hạ*, trong các bài *Đạo ca* thứ 2 và thứ 6, và trong cả bài *Vùng trời mang tên ta* nữa — một bài hành khúc đẹp để thấm nhuần một *mi h triết* bình thản, và một trong sáng kiều mẫu — người ta thấy rằng những nhịp nặng nhọc nọ đã bắt đầu biến đi, và những khúc điệu tế nhị và cảm động ấy đã toát ra một hơi thở mới mẻ và dũng mãnh, ồ chưa phải là một hơi thở lớn đâu, đây chỉ là một hơi thở khoan hòa và nhẹ nhàng như của một kẻ lâm nạn từ từ tỉnh dậy ... Thực ra, tôi tin rằng chỗ nhiệm mầu của nhiều bài *Đạo ca* và của nhiều ca khúc mà tôi vừa kể trên đây, là trong đó Phạm Duy đã tìm lại được một phần nào cái *nồng nàn* trong cảm hứng, một phần nào *tình cảm cởi mở* vốn gần mất dạng trong nhiều tác phẩm những năm sau này. Nói cho đúng một vài bài trong số các ca khúc này không những chỉ cho thấy một con người đang tiếp tục vươn dậy mà--đặc biệt trong các bài *Đạo ca* thứ 3 và thứ 7— cho thấy một con người *đã* hoàn toàn đứng lên và đầy sức sáng tạo.

Một ngày kia, có những vết thương sẽ thành sẹo trong con tim người nghệ sĩ. Một ngày kia, nhịp thở của người sẽ trở lại bình thường và đều đặn.

Một ngày kia, Phạm Duy sẽ tìm lại được sự an lành trong tâm hồn và trong nghệ thuật ông. Một ngày kia ông sẽ vươn dậy *thực sự*. Một ngày kia nếu . . .

(*còn tiếp*)

GEORGES-ÉTIENNE GAUTHIER

Montréal Gia-nã-đại 8-71.

(THU THỦY *dịch*)

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTILÈNE D'EXTRÉME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 21.266 – 21.273

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE – AMMONIAQUE—CYCLOPROPANE — PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique

Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPICATION EST À LA DISPOSITION DE LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

BNP

A votre service

tous les services de la

BANQUE

NATIONALE

DE PARIS

● LINH-BẢO

1 / *Du-ký*

Một chuyến Đông du

Anh Ngộ Châu,

Đã lâu lắm tôi mới lại có một chuyến đi về miền Tây lâu đến hai tuần. Ông bạn mời tôi tháp tùng đi dự Đại-hội thường niên của Hội-nghị N.I.B.S (American Institute of Biological Sciences) năm nay họp tại trường Đại học Vermont ở Berlington thuộc Tiểu-bang Vermont.

Tôi bước lên máy bay với hình ảnh các cô nữ chiêu đãi Hàng-không ngày xưa trong trí : Các cô đẹp như tiên, trang điểm lộng lẫy như minh tinh màn bạc, các cô đi giầy cao gót, đội ca-lô và mặc đồng phục giống như quân phục. Các cô yểu điệu lượn đi lượn lại giữa dám hành khách vài lần, cười duyên với những nhân vật sang trọng, rồi một ngày kia lên xe hoa theo một triệu-phú nào đó.

Bây giờ các cô chiêu-đãi của Hãng United Air Line trình bày những nét khác hẳn. Trước hết các cô mặc áo đủ mầu. Cái kiểu áo đầm mini thường rất phổ thông mọi người đều mặc ấy, nhưng có một sọc dài khác mầu thẳng xuống trước ngực, và một bìa viền quanh cổ khá to. Mới đầu tôi không nhận ra vì ai cũng có thể may áo như thế. Mãi sau trông thấy các cô làm việc tôi mới biết đường viền quanh cổ và cái sọc dài ấy là đồng phục. Các cô trang điểm rất ít nhiều cô không có một tí son phấn nào cả. Tóc các cô không xịt keo chải bồng công phu mà chỉ kẹp lại hay cột túm đằng sau bằng giây băng Các cô đi giầy thấp, đẩy bàn rượu đi từng hàng ghế để bán cho khách hàng. Hồi xưa hay đi Hãng Air France, tôi thường đem về nhà những lọ rượu nhỏ xinh xinh của họ biếu cho hành khách, hay phần rượu trong bữa cơm không uống nên đem về nhà làm quà cho bạn Ở đây cũng những ve rượu bé tí rót vừa một phần ấy họ bán một đô-la.

Tôi không biết là Hãng Hàng không đã đổi tôn chỉ, không mướn hoa khôi biểu diễn nhan sắc nữa mà mướn người làm việc phục vụ hành khách. Ban đầu tôi hơi khó chịu vì thấy các« Cô tiên» của tôi bị hạ giá thành cô bán rượu. Nhưng sau nửa ngày thấy các cô làm việc túi bụi, vừa bán rượu vừa dọn bàn ăn cho gần một trăm hành khách, tôi đổi ý nghĩ rằng có lẽ như thế này hơn. Tôi thấy các cô không còn là những Cô tiên xa vời nữa. Các cô gần người hơn và cũng thân thiện với hành khách hơn.

Khi máy bay đến Burlington chúng tôi xuống sân đợi lãnh hành lý thì không có. Đổi máy bay hai lần không biết chúng đã lẫn lộn vào đâu ; và không phải chỉ hành lý của chúng tôi bị lạc mà nhiều người khác cũng theo chúng tôi ra về tay không.

Nhìn quanh tìm mãi không thấy xe của ban tổ chức đón, ông bạn và vài

người nữa rủ nhau đi chung một xe tắc xi về trường. Thấy xe không có đồng hồ để giá tiền, chúng tôi hỏi:

— Bao nhiêu tiền đến trường Đại học Vermont?

Người tài xế ngắm chúngtôi, rồi trả lời:

— 1,25 một người. Người thứ hai 1,50.

Bốn người lên xe. Đến trường mỗi người tự móc túi trả 1,50.

Về sau hỏi những người khác tôi mới biết chúng tôi là những « con nai vàng ngơ ngác» ngây thơ và ngốc nghếch. Giá tắc xi một người đầu 1,25 người thứ hai thêm 25 xu cộng lại là 1,50. Và cứ thế, thêm một người chỉ thêm 25 xu thôi. Chuyến xe ấy bốn người đi đáng lẽ chỉ phải trả 2 đô la, thì chúng tôi trả 6 đô la. Người tài xế đã dơ tay nhận tiền một cách thản nhiên và không cho chúng tôi biết chúng tôi đã hiểu lầm. Đúng là đi một bước đàng học một sàng khôn. Tôi phải chép lại ra đây để góp kinh nghiệm với các anh. Ấy thế mà trên xe ông tài xế còn lên giọng giảng luân lý, nào là ông ấy thành thực lắm, bao giờ cũng báo cáo đúng số hành khách với công ty. Bây giờ tôi mới biết số hành khách là một chuyện mà số tiền là một chuyện khác.

Đến trường chúng tôi vào trụ sở của phiên họp. Đấy là một tòa nhà đánh bóng mùa đông nên rất rộng. Bên ngoài gần cửa có rất nhiều bàn giấy để mọi người đăng ký dự hội, biên tên, lấy phòng, mua vé ăn, lãnh chương trình v.v... Một góc phòng có các bà bán vé tổ chức những chuyến xe du ngoạn cho các sinh vật gia đem gia đình đi theo. Trong lúc chồng các bà đang họp, bà theo đoàn du lịch đi viếng các nơi.

Bên trong gian phòng, có độ 100 quầy hàng triển lãm các dụng cụ khoa học, nghiên cứu, và rất nhiều sách về khoa học đủ các loại.

Nhìn quanh thấy các nhà sinh vật học khắp nước Mỹ đổ dồn đến đang xúm xít chuyện trò từng đám, ông bạn nói nhỏ:

—Kìa trong đám « mad scientists » kia có cả Dr. D. D., giáo sư của tôi ngày xưa. Lại đây tôi giới thiệu.

Tôi nói với ông D. D.:

—Trông ông trẻ quá, thế mà ông lại là cụ giáo của bạn tôi.

Ông D. D. cười sung sướng:

— Đúng rồi. Tôi trẻ hơn ông ấy thực đấy mà!

Tôi tưởng là nói đùa lại hóa ra thực. Chỉ biết, Ông D.D. có vẻ thích lắm vì ông là thầy cụ mà lại trẻ hơn thầy con.

Chúng tôi lãnh được giấy đến ở Túc xá của Đại học, 5 ngày chỉ phải đóng 45 Mỹ kim mỗi phòng, nếu ở khách sạn trong thành phố thì đắt hơn nhiều. Họ cho chúng tôi biết Túc xá của chúng tôi tên là Patterson Hall. Một cô hướng dẫn lái xe đưa chúng tôi đến Túc xá. Chỉ có một điều là cô hướng dẫn lại không biết đường nên đi lạc mãi. Đi hết tòa nhà này đến tòa nhà khác, lại còn đi ngược đường một chiều bị mắng tưng bừng. Lượn đi lượn lại mãi mới tìm được một sân đậu xe. Chúng tôi xem lại bản đồ, đi bừa vào thì hóa ra đúng là tòa nhà Patterson Hall.

Vào Túc xá lãnh chìa khóa xong lên

phòng lại chợt nhớ ra không có hành lý, tôi lại thấy giận hãng Hàng không. Đêm khuya rồi, quá giờ ăn nên phòng ăn đóng cửa từ lâu. Hành lý không có để thay áo, trong phòng cũng không có Tivi, vô tuyến điện hay sách báo gì để giết thì giờ cả. Chúng tôi mỗi người được lãnh một bao rất dầy trong có bản đồ của trường, của thành phố, Tiểu bang; bản đồ các tòa nhà sẽ nhóm họp, chương trình hoạt động, mỗi ngày và mỗi giờ của Đại Hội v.v. . . Chung tôi phải dở ra đọc hết tờ này đến tờ khác trong khi chờ đợi hành lý đến.

Ông bạn cho biết kỳ nhóm năm nay là khóa thứ 20 của các nhà Sinh vật học toàn nước Mỹ. Tất cả co độ 80 ngàn người đang làm việc nghiên cứu về tất cả mọi ngành, nhưng thường thường chỉ có độ vài ngàn người đi nhóm thôi. Sáng mai là buổi họp đầu tiên, nên họP chung. Xong rồi sẽ chia ra từng ngành họp riêng. Tất cả đều có chương trình rõ ràng, ngày nào, giờ nào, tòa nhà nào, Giáo sư nào thuyết trình về vấn đề gì. Ngoài giờ mình phải thuyết trình, ai có thì giờ rảnh muốn dự buổi họp nào thì cứ đến nghe. Sau mỗi buổi thuyết trình có giờ cho các thuyết trình viên trả lời các câu hỏi, và nếu nguồn hứng còn dồi dào mà không có đủ thì giờ họ sẽ tụm năm tụm ba nói chuyện thêm ở các hành lang về vấn đề đang bàn cãi dang dở.

Tôi hỏi ông bạn :

— Mục đích của Đại hội nhóm để làm gì ?

— Vì tất cả đều làm việc nghiên cứu phải họp nhau để trình bày, học hỏi nhau những điều mình đã tìm thấy. Có những điều thắc mắc đem ra bàn cãi để giúp nhau tìm hiểu và làm sáng tỏ vấn đề.

— Bao lâu các anh lại nhóm một lần ?

— Mỗi năm một lần, ở một vùng khác nhau để cho những người quanh vùng đến dự dễ dàng.

Đang nói chuyện bỗng nghe có tiếng lao xao dưới sân. Nhìn qua cửa sổ từ từng thứ ba tôi thấy hai người đàn ông đang đi quanh quẩn, bàn cãi gì với nhau, trông giống như nhân viên ban hướng dẫn, tôi hỏi ?

— Có phải hành lý đến không ?

— Vâng, chúng tôi đang tìm Tòa nhà Patterson Hall.

— Đây rồi, nhưng các ông phải vòng xe ra ngoài sân đậu xe, xong mới đi bộ vào cửa trước được.

Chia hành lý xong, trước khi đi ngủ ông bạn hỏi :

— «Đi một bước đàng, học một sàng khôn». Hôm nay cô đã đi hàng nghìn dặm, cô học được những gì ?

— Nhiều lắm. Bài học thứ nhất là : Khi đến một nơi lạ, trước khi trả tiền tắc xi phải hỏi cách tính tiền địa phương.

—Bài thứ hai : Khi đi xa phải có một cái va li nhỏ xách tay để khăn mặt, bàn chải răng, phấn son, quần áo ngủ, khăn tắm v. v... những đồ cần dùng tối thiểu để phòng khi mất hành lý có thể sống tạm vài ngày.

Bài thứ ba : Phải mang theo một ít lương thực. Ví dụ như hôm nay dậy từ 5 giờ sửa soạn đi không ăn sáng. Mãi đến 2 giờ trưa mới được ăn trưa trên máy bay. Bay thêm 4 giờ nữa mới 6 giờ thì phải đổi đồng hồ ra giờ địa phương là 9 giờ. Về đến đây phòng ăn đóng cửa thế là mất bữa cơm tối. Tôi đói gần chết rồi đây !

Bài thứ tư : Khi tổ chức một Đại hội có người từ bốn phương đến phải cho nhân viên đón ở sân bay.

Bài thứ năm : Nhân viên của ban liên lạc hay hướng dẫn phải biết đường.

Ông bạn gật gù hỏi :

— Còn gì nữa không ?

— Mới từ sáng đến giờ đã học đến 5 bài rồi. Anh còn đòi gì nữa !

oOo

Sau đây là những ghi chép nhỏ của chuyến Đông du này :

Ngày 18 tháng 8, 1969.

Ông bạn hẹn gặp Giáo sư D. D. ở một hiệu ăn lúc 7 giờ để ăn sáng trước khi đi nhóm. Tôi được biết là trời ở đây đang nóng gần gớm nên chỉ mặc bộ áo mỏng không cổ. Vào hiệu ăn cứ run lên từng cơn như sốt rét, vì hiệu mở máy lạnh quá lạnh.

Bài học thứ 6 : Khi đến một nơi nào vào mùa nắng, phải nhớ đem theo áo rét, phòng khi vào một nhà có máy lạnh khỏi bị cảm.

Đúng chín giờ chúng tôi đến Giáo đường dự buổi họp chung đầu tiên của Đại-hội. Các nhà «mad scientists» đến dự khá đông nên người ta phải chọn Giáo đường mới đủ chỗ ngồi. Thấy có nhiều Bà phước và các Linh mục Công-giáo, mục sư Tin-lành cũng đến dự hội, tôi hơi ngạc nhiên. Ông bạn cho biết họ là Giáo sư các trường Đại học các nơi khác cũng đến thuyết trình, hay nghiên cứu thêm.

Sau phần khai mạc diễn giả thứ nhất lên nói về «Vai trò của khoa học trong xã hội hiện đại». Tôi thấy ông hay nhìn lên trần nhà, nhìn xuống giấy, lại nhìn lên trần cứ thế suốt buổi thuyết trình. Khi ông nói xong đầu và cổ, mắt tôi mỏi mệt lạ lùng vì cứ phải ngước lên gục xuống nhìn theo ông. Ông thứ hai lên nói cứ liếm môi mãi, sau một câu là ông liếm môi trông cũng kỳ quá.

Bài học thứ 7 : Khi nói chuyện trước công chúng nên chú ý tránh những cử chỉ và thói quen bất thường.

Sau ba, bốn bài thuyết trình là thì giờ cho các ông bắt tay nhau, túm lấy nhau hỏi han liên miên. Người nào cũng rút sổ tay ra biên chép, những địa chỉ mới, những giờ hẹn hò.

Giờ cơm trưa phân từng loại nghiên cứu cùng nhóm ăn chung với nhau. Chúng tôi họp với nhóm «Ecologist» nhưng không biết là phải mua vé trước nên phải đợi mãi mới tìm được người phụ trách thu tiền để trả tiền vé của chúng tôi.

Cơm xong một ông thuyết trình ngay tại phòng ăn về việc bảo vệ những vùng phong cảnh đẹp hay có tánh cách đặc biệt. Ông trình bày cách tổ chức, cách tìm những vùng cần được bảo vệ, cách làm

việc, kết quả của việc làm v.v... Ông còn chiếu các phim ảnh mầu những vùng đã được chọn để bảo vệ Những vùng này sẽ vĩnh viễn là chỗ cho tất cả mọi người xem phong cảnh và không ai có thể xâm phạm, xây nhà cửa hay làm gì để phá hoại cảnh ấy được.

Buổi chiều ngày đầu ông bạn không có chương trình hoạt động, chúng tôi trở lại gian phòng triển lãm xem trình bày. Gần trăm gian hàng tôi chỉ xem thoáng một cái là xong vì không hiểu về những «khí giới» khoa học ấy nên không mê. Ông bạn thì cứ lân la hết hàng này đến hàng khác chuyện trò hỏi han tất cả mọi thứ một cách thú vị lắm.

Bài học thứ 8: Khi phải đi bộ nhiều, đứng lâu hay phải la cà ở các gian hàng không nên đi giầy cao gót. Đau chân chết được !

Thứ ba, 19-8-1969

Trời mưa suốt đêm nên buổi sáng không khí mát dịu hẳn đi. Chương trình hôm nay sẽ hội họp suốt ngày và lần này tôi đi giày thấp, mặc áo mỏng lại cầm thêm áo len hộ thân nên yên trí lắm. Khi ông bạn có giờ thuyết trình về giống «ground squirrel», tôi thu vào máy ghi âm và xách máy ảnh chụp lung tung. Sau khi nghe thuyết trình của những người khác suốt ngày xong, chiều về phòng mở máy ghi âm ra xem thấy cuộn băng không quay tí nào. Thì ra có một cái[1] nút bấm nhầm.

Bài học thứ 9 : Lúc quay máy ghi-âm phải soát cẩn thận tất cả các nút bấm.

Tối đến chúng tôi đã mua vé ăn cơm chung với cả nhóm. Ông bạn yêu cầu tôi mặc áo dài Việt-nam vì có mấy bà Ấn-độ cũng mặc quốc phục. Có lẽ tiệm này to nhất của thành phố, vì cứ nhìn cái phòng ăn rộng mênh mông chứa được một lúc hàng trăm người, nhìn giá tiền ở bản thực đơn, nhìn các cô chiêu đãi trông cô nào cũng như vừa ở Mỹ-viện ra, trước khi đi dọn bàn, ta biết ngay là tiệm thứ dữ. Trong lúc mọi người uống rượu khai vị tán dóc, tôi ngồi nhìn vớ vẩn chung quanh. Tiệm này trang hoàng nửa tân nửa cổ. Tân nghĩa là thảm dày, máy lạnh, cổ nghĩa là dùng những nông cụ cổ sơ làm đề tài trang hoàng. Trên tường treo toàn cày bừa, lưỡi hái v.v... Trên trần nhà bánh xe bò treo lỏng dỏng ngổn ngang khắp nơi ; bánh lớn, bánh nhỡ, bánh nhỏ, toàn cũ kỹ mốc meo. Đồ cổ mà lại ! Nhìn đồ vật chán tôi lại nhìn người, chung quanh người ngồi đông đặc, mùi thuốc lá, mùi nước hoa và hơi người đến ngạt thở ; tiếng âm nhạc, tiếng nói, tiếng cười, tiếng ly cốc va chạm không còn phân biệt được tiếng gì với tiếng gì nữa. Cô nữ chiêu đãi chạy tới chạy lui, chào khách, biên tên rượu, tiếp hàng trăm người mà không nhầm rượu, không nhầm bàn, không nhầm khách, không tính tiền nhầm mà cũng không phát điên, thế mới đáng phục.

Lúc đi vào phòng ăn tôi bỗng nghe tiếng đàn ông nói sau lưng :

— Bà mạnh zỏi không ? Áo zài. Chời ơi !

Tôi quay lại dở một tràng tiếng Việt-nam ra trả lời. Ông ta hoảng hốt chận ngay :

— Thôi xin bà! Mấy năm trước tôi có sang nghiên cứu vài tháng nên chỉ biết có thế thôi.

Vào ngồi cùng bàn, ông bạn mới kể chuyện những ngày ông ở Việt - nam, nhắc đến những người bạn tốt ông đã gặp, những công việc cần phải làm ... Bà vợ kể ông học được món hỏa-thực ở Việt-nam, bây giờ mỗi lần có khách ăn cơm, ông bà dọn món này được khen là ngon nhất trên đời.

Ông còn cho biết ông học được một câu tiếng Việt nữa nhưng không dám cắt nghĩa cho vợ hiểu. Câu ấy là « Tôi yêu cô suốt đời ».

Ông ngồi bên tay phải tôi đã ở Phi-Châu 4 năm để nghiên cứu vừa mới về. Ông phàn nàn ở Phi-Châu đêm nào cũng nghe tiếng sư-tử gầm quen rồi, ở đây yên lặng quá, ông nhớ sư-tử nên ngủ không được.

Mọi người vừa ăn vừa nói, mỗi người một chuyện mà đáng tiếc là nghe loáng thoáng chuyện nào cũng hay cả chỉ không có được trăm lỗ tai hướng đủ mọi phía để nghe cho kỳ hết.

Tôi về ngủ nằm mơ thấy đầu bị cắt thủng một lỗ đằng sau gáy, óc bị lấy ra mất. Ông bạn có vẻ hí hửng ra mặt bảo: «Đây tôi chết được lọ thuốc này, cô đổ vào đầu thay cho bộ óc. Mỗi lọ công hiệu được 30 giờ.» Tôi giận quá thét lên: «Thế từ nay mỗi 30 giờ tôi phải đổ một lọ thuốc vào óc để sống à? Tội phải lệ thuộc vào cái lọ thuốc ấy, mất hết cả tự do thì đời tôi còn gì nữa! »

Vì tôi thét to quá nên giật mình thức dậy, hóa ra chỉ là một giấc mơ! May quá! Mừng còn hơn trúng số độc đắc. Sáng kể lại giấc mơ với ông bạn, tôi đoán rằng vì tôi hay xem phim mấy ông «mad scientists», bây giờ lại sống lẫn với đám người ấy, lại vừa trông thấy những khí cụ, lọ to, lọ nhỏ, các chất nước đủ mầu trong phòng triển lãm nên đâm nhập tâm tối nằm mơ!

Thứ tư, 20-8-1969

Sáng dậy đi ăn điểm tâm ở phòng ăn của trường. Nào là xúc xích, thịt heo muối, khoai tây, sữa, cà phê, đồ ăn hộp, nước hoa quả, bánh rán... Tất cả bày la liệt, trả tiền vào cửa xong tha hồ ăn. Tôi chỉ uống một ly nước quả và lấy hai dĩa hoa quả. Mỗi dĩa nhỏ tí mức vừa hai thìa. Sau bao nhiêu ngày ăn vớ vẩn tôi thấy bắt đầu nhớ cơm, nhớ mì, phở, xôi... nhớ tất cả. Tôi nghĩ giá lúc này mà có một tô phở thì thú vị biết bao!

Sáng hôm nay ông bạn lại có một thuyết trình nữa. Tôi nhớ soát máy ghi âm cẩn thận không để quên như lần trước. Ông bạn còn cấm không cho chạy quanh chụp ảnh, vì làm ông ta cảm động đâm hoảng quên mất đề tài.

Ông bạn «trả nợ đời» xong, chúng tôi tha hồ đi khắp các phòng nghe những người khác trình bày. Phòng nào cũng đông đặc người nghe.

Một ông nói về sức lớn của cây. Chúng tôi lạc vào phòng ông lúc ông đang chiếu những phim ảnh so sánh hai loại cây thí nghiệm của ông. Loại cây ban đêm được ấm lớn nhanh gấp đôi loại cây ban đêm bị lạnh. Thảo nào! Tôi nghĩ thầm chuyến nầy về sẽ đem tất cả những cây con ươm bằng hột giống của

tôi vào nhà cho ấm để nó chóng lớn.

Cơm trưa lại ăn chung với một nhóm các nhà sinh vật học, lần này chúng tôi có sẵn vé mua trước nên không phải chạy quanh nữa. Vé rất đắt, tôi tưởng được ăn cẩn thận không ngờ lúc dọn bàn lên thấy mỗi người được một cái xăng-uých to tướng. Mỗi cái có ba lát bánh mì, kẹp giữa một lát thịt gà mỏng gió thổi bay được, một ít rau xà lách và một lát cà chua. Tôi thấy ngán quá, lấy bánh để riêng chỉ ăn những món kẹp ở giữa. Nhìn sang thấy ông bạn cũng làm như thế. Nhìn quanh những người khác thấy ai cũng ăn gọn gàng sạch sẽ, chả còn gì trong dĩa, còn mình thì trước mặt một dĩa bánh mì đầy, tôi đâm ngượng phải lấy khăn tay che lại.

Ăn xong một ông nghiên cứu về giống khỉ Baboon chiếu phim ngay tại phòng ăn. Phim chụp tất cả sinh hoạt của chúng kèm với những bản thống kê của sự nghiên cứu. Xem xong tôi đâm ra cũng biết nhận xét đôi chút, con nào là chúa, đầu đàn, con nào là ông, con nào là bà, chúng làm như thế nào là dọa nạt, khiêu chiến, tán tỉnh v.v...

Xem phim xong, hết phần vấn đáp, mọi người lại tiếp tục hội họp ở các phòng họp Mỗi giáo sư thuyết trình về một giống vật họ đang nghiên cứu. Lúc tối đến, một bà đang nói về một giống chuột. Bà chiếu phim ảnh hình «nam tính» của con chuột cắt đôi ra. Bà cầm gậy chỉ lên màn ảnh cắt nghĩa từng dây thần kinh, từng thớ thịt, từng đặc tính để trình bầy những cuộc thí nghiệm của bà. Tôi nói nhỏ với ông bạn:

— Sao bà ấy không để cho một ông khác thuyết trình hay nghiên cứu về vấn đề này? Một bà lên giảng với những hình ảnh như thế coi kỳ quá!

Ông bạn cười bảo:

— Với những người làm việc nghiên cứu thì đâu có gì là ngượng. Cần quái gì những cái vặt ấy.

Thế là trong khi bà Giáo sư đưa hết những ảnh này đến ảnh khác về những sinh-thực-khí của con chuột, hàng trăm người đàn ông trọn tròn mất ngẩn người ngồi nghe.

Thứ năm, 21 tháng 8-1969.

Sáng nay trước khi đi họp định ghé qua phòng triển lãm chụp ảnh, đến nơi mới biết là ngày cuối cùng nên phòng triển lãm đã giải tán. Nhìn qua khe cửa thấy bên trong các gian hàng đã biến đi gần hết.

Một vài giáo sư khác cũng đến đấy để đợi xe bus. lúc bấy giờ chúng tôi mới biết rằng xe bus cũng bắt đầu nghỉ ngày cuối cùng. Đây là những chuyến xe bus đặc biệt của hội, bắt đầu từ phòng triển lãm chạy vòng quanh tất cả các tòa nhà có nhóm họp suốt ngày cho các giáo sư di chuyển từ tòa nhà này sang tòa nhà khác được nhanh chóng. Không có xe chúng tôi đành đi bộ vậy.

Trên đường tha hồ mà hái trái cây lè táo mận mơ, và ngắm những tòa nhà kiến trúc theo kiểu cổ rất đẹp.

Ông bạn cắt nghĩa:

— Đây là kiểu kiến trúc «Thuộc địa Anh» thế kỷ thứ 17, 18. Thời ấy những

người giầu, gia đình lớn lại có nhiều tôi tớ, nô lệ, mới xây nhà vững chắc đồ sộ thế. Những tòa nhà xưa này có thể đứng vững hàng mấy trăm năm chứ nhà bây giờ cho dân chúng ở trung bình đứng vững được vài chục năm là nhiều.

Tôi hỏi:

— Nhưng bây giờ người ta ở như thế nào? Ở một tòa nhà như thế chỉ quét dọn cũng đủ ngất ngư.

— Phần nhiều họ chia ra làm nhiều căn nhỏ bên trong cho thuê bớt.

Vừa đi vừa nói chuyện vừa ăn quả xanh hái bên đường nên tôi cũng không phàn nàn về chuyện xe cộ tổ chức thiếu sót, và đường cũng bớt thấy dài.

Suốt ngày ông bạn chỉ có một buổi thuyết trình về Cá Voi nên chúng tôi được rỗi chạy đi chạy lại các nhà họp để nghe người khác giảng vui đáo để.

Buổi tối vì là tối cuối cùng nên một nhóm «mad scientists» rủ nhau đi ăn tiệm một bữa cho ra hồn. Các ông lại dở vấn đề nghiên cứu ra bàn cãi suốt bữa ăn. Lúc ra về hình như câu chuyện đang đến chỗ quyết liệt nên các ông lại rủ nhau đến phòng khách của túc xá cãi nốt.

Đã hơn 11 giờ, tôi buồn ngủ và sốt ruột muốn về ngủ sớm để còn dậy sớm bắt đầu chương trình lang thang ngày mai; nhưng các ông vẫn có vẻ không chán tí nào. Tôi lắng tai nghe thấy đại khái họ đang nói về nạn nhân mãn, vật mãn, thuyết di truyền, các loại hạch và máu v.v...

Tôi ngồi cố mở to mắt làm bộ tỉnh táo, thỉnh thoảng mỉm cười gật gù tỏ ra đang theo dõi câu chuyện, thực ra thì buồn ngủ gần chết và trong trí chỉ mong được chóng về ngủ một giấc mê man.

(Còn tiếp 1 kỳ)

LINH-BẢO

Sau khi bán hết từ hai tháng nay
và độc-giả sốt ruột tìm kiếm khắp nơi vô hiệu quả

đã tái phát hành tạp-chí **PHƯƠNG ĐÔNG số 1**

ở Saigon tại đường Lê Lợi và nhà sách Nguyễn bá Tòng 3, Bùi Chu. Vài ba tỉnh khác cũng sẽ có. Ở xa, gửi mua 70đ tại 161 Yên Đổ Saigon.

Số 4 sẽ phát hành ngày 6-10-1971.

Đón đọc trong các số sau những công trình nghiên cứu lâu năm của Phạm Duy, Hải Linh, Trần văn Khê, Hoàng mộng Lương (B.S.), và các tác giả đã quen : Kim Định, Nguyễn văn Thọ, Nguyễn văn Ba, Hồ Hữu Tường, Hoàng sỹ Quý, Hoàng văn Đức, Hùng Lân v.v.

Truyện ngắn của

TRẦN HOÀI THƯ

NGƯỜI THẦY TRẺ

(tặng các em Đệ Tam Trần Cao Vân Quảng Tín 63-64)

Tới ở giường số 6 thuộc khu trại sĩ quan trong Quân-y-viện. Chỗ Tới nằm sát vào cửa hông thông qua căn phòng bên cạnh. Ở đó, Tới không được biết rõ chứng bệnh hoặc thương tích của họ. Tới chỉ biết những gương mặt khốn khổ, vài ba con mắt bị mảnh đạn và những cái chân liệt. Tới đã thấy thế nào là nỗi đau đớn của những kẻ vừa rời bỏ chiến trường ở dãy Trường-sơn sôi-sục kia. Họ đã làm Tới ghê sợ khi nghĩ đến ngày phải rời khỏi Khu điều-trị. Hôm qua, Tới còn nằm giường số 10, bên cạnh giường của viên thiếu-úy thiết-giáp. Nhưng Tới không thể chịu nổi cái cảnh ái ân, vui đùa của đôi vợ chồng mới cưới. Người vợ thật trẻ, có hai cặp đùi thật căng dưới làn lụa mỏng, có đôi mắt thật gợi tình. Nàng rúc trong lòng chồng, cười khúc khích. Má nàng áp vào má chồng và họ đã ngủ chung với nhau, đắp chung cùng một mền. Nàng được y-sĩ trưởng ở đây cho phép ở lại trại để săn sóc chồng hữu-hiệu hơn. Đêm đầu tiên, Tới đã không ngủ được, bởi vì chiếc đùi nàng lộ ra khỏi mùng, căng đầy đã hấp dẫn Tới mãnh liệt. Mà Tới thì cô đơn. Tới như một kẻ trơ trọi hầm hiu, không có lấy một người thân đến cười với Tới một nụ cười an ủi. Hình ảnh quyến rũ, khi nàng kẹp đùi nàng vào đùi chồng, đã khiến máu Tới trở nên bừng nóng. Sự kích thích dục tình đột nhiên bừng dậy dù Tới cố gắng đắp chăn buông mùng, cố không nghĩ đến một mông, háng, đùi của đàn bà. Nhưng Tới không thể kiềm chế nổi. Tới là thanh niên chưa vợ. Xa đàn bà đã lâu, dục tính thì bén nhậy.

Bây giờ chỉ còn cách là tránh nhìn cảnh đó. Và Tới đã dọn sang giường số 6 này sáng hôm sau. Tới nghĩ Tới đã thoát nợ.

Những giường này lúc trước là của một ông chuẩn-úy già bị ho lao nặng. Lũ bệnh nhân cùng phòng đã tiết lộ như thế. Tới lại càng sợ hơn. Chứng bệnh Tới không liên quan gì đến hai lá phổi. Bây giờ Tới phải nằm trên tấm drap này, nơi mà ngày nào, lão chuẩn úy cũng đổ ra bao nhiêu là vi trùng Kock. Và cả chiếc mùng, chiếc mền, cả vách tường vôi cũ kia nữa. Chúng đã hứng chịu hàng triệu vi trùng mỗi khi lão ho. Chúng đã lúc nhúc nằm đợi một bệnh nhân mới. Nghĩ đến điều ấy, tự nhiên Tới đâm ra sợ hãi. Tới không dám buông mùng, đắp chăn. Tới không có can đảm nhìn bờ vách tường nhòe nhoẹt, hoặc nhìn xuống nền xi-măng nhơ nhớp kia.

Không khéo, mình lại bị lây thêm. Tới nghĩ thế.

Cuối cùng, tất cả cũng quen. Đời sống trong quân-y-viện đã giúp Tới dễ suy tưởng với chính mình hơn. Đó là khoảng thời gian nhàn rỗi nhất. Tới chỉ có mỗi công việc : nằm, đọc sách, ăn, ngủ và tán gẫu với bạn bè. Tới chỉ biết dành thì giờ để nhớ nhung một cánh chim xa, và mong ngóng từng lá thư đến. Tới chỉ biết nhìn lên trần mùng đã bạc màu và đốt thuốc, gậm nhấm nỗi buồn trơ trọi của một kẻ xa nhà. Đôi khi Tới mong nàng đến ghê gớm : Nàng sẽ ràn rụa cùng nỗi đau đớn của người yêu cùng lo âu cùng sợ hãi, và cùng chia xẻ cái định mệnh khe khắt đang đổ trên đầu chàng. Nhưng, đôi lúc, Tới lại không muốn có ai tham dự vào nỗi đau khổ của mình. Tới sợ những giọt lệ của tha nhân. Tới không dám nhìn kẻ khác vì chàng mà lo sợ. Hai ý tưởng ấy dằn vặt nhau, chống trả nhau, rốt cuộc Tới chỉ biết khóc thầm cho nỗi có đơn tội nghiệp của mình.

Mùa tháng 5, mưa thường đổ vào buổi chiều. Cơn mưa thật lớn, dầm dề cả một hoàng hôn trên quân-y-viện. Mùa mưa, nước đọng từng vũng trên sân bệnh viện ; nước ủ bùn đỏ quạch tứ phía, nước mênh mang vào tầm mắt xa xôi của những kẻ thua thiệt trong cuộc chiến. Màu vách vôi vàng, đã bạc thếch, như một màu da của kẻ phù thũng, trở nên sẫm trong bóng chiều sắp buông chết và những bóng người nhỏ nhoi, yếu ớt trong bộ đồ xanh, với gương mặt thật khắc khổ. Những bóng thương bệnh binh lướt thướt trên sân mờ, hay dưới những hành lang sẫm nhạt, mặt mày như một loài dã thú, khệnh khạng những chân tay đã cưa, chơi vơi như những bóng ma trở về từ một chiến trường. Ở đây, chiến trường không sôi động, nhưng âm ỉ với những cơn đau đớn tuyệt đỉnh. Không gì đau khổ, khi một thương binh ngồi nhìn một ống chân, và khúc chân đang buồn rầu bịt băng trắng hếu. Gia tài còn lại sau cuộc chém giết là đó. Và mỗi ngày trong quân y viện, Tới đã nhận ra điều đó. Một thế giới chết. Một lớp người đang rủ nhau như những loài ma dại thất thểu đi lang thang. Mỗi ngày Tới nghĩ đến cái định mệnh đang bủa vây mà chàng không thể dứt bỏ.

Ngày mai, ngày mai, sau khi rời khỏi đây, chàng biết có trở về với chiếc nạng gỗ kia không ?

Buổi chiều, mưa đột ngột đổ xuống, những chiếc hoa sứ rụng đầy mặt sân. Tới ngồi bất động đốt thuốc, miên man với những ý nghĩ vu vơ, thì một gã cụt chân, lếch thếch đến. Gương mặt gã trắng bệch, mái tóc phủ xuống tận gáy, chiếc cằm tua tủa râu. Tuy vậy, Tới cũng vẫn nhận ra hắn thật trẻ, khoảng chừng 20, 21 tuổi là cùng. Gã thương binh nhìn chăm vào mắt chàng và hỏi :

— Có phải ông là thầy Tới ? dạy T. C. V ngày trước.

Tới gật đầu.

Gã cụt chân cười hớn hở ;

— Em là Lê văn Dự. Thầy biết Dự không ?

Tới cầm chặt tay của tên thương binh trẻ :

— Tôi nhớ ra rồi. Phải Dự ngồi đầu lớp không ?

— Dạ đúng thế.

Hai người ôm choàng, cảm động nhìn nhau. Trước mắt Tới, người học trò ngày nào, với chiếc quần xanh và áo sơ mi trắng, với những lần giảng bài, những viên phấn, những giây phút buồn vui trong bốn bức tường lớp học... Người học trò của ngày xưa, trẻ trung và trong sáng, dệt bao nhiêu mộng mơ êm đềm nhất, bây giờ đã trở nên một tên thương binh già trước tuổi, với đôi mắt buồn bã, như đã thấy cái tương lai đen tối ở trước cửa đời : nhất là cái ống quần phất phơ trong gió. Tới lấy tờ giấy báo đặt trên vỉa thềm. Cơn mưa vẫn sụt sùi bất tận. Chàng nói :

— Dự ngồi xuống đây. Đứng thế mỏi chân.

Dự nở nụ cười mếu máo :

— Cám ơn thầy.

Cả hai ngồi xuống. Màu chiều đã đổi thành màu nhá nhem. Phía dãy trại bên kia, một tên thương binh già, đầu cạo trọc, đang ngồi nhìn xuống khúc chân của mình. Tới đốt thêm một điếu thuốc. Chàng nghe lòng xúc động vô biên. Hòa lẫn nỗi buồn bất hạnh ấy, một âm vang mưa buồn buồn gọi về ngoài sân, người học trò cũ thốt lên :

— Nom thầy già quá. Mấy năm rồi thầy.

Tới buông tiếng cười khô khan :

— Tôi cũng quên rồi. Để tôi thử nhớ lại xem.

Dự nói đều đều :

— Khi nhìn thấy thầy, em nghi. Em không ngờ thầy lại vào một nơi như nơi này...

— Dự bảo tôi vào nơi đâu ? Chiến tranh này không phân biệt ai cả.

— Thầy bị thương ở đâu ?

— Tôi phải mổ mảnh lựu đạn ở đùi.

Tới kéo cao ống quần xanh, lộ chiếc đùi khẳng khiu. Bàn tay người giáo sư trẻ tuổi mân mê những cục u đã ngả màu đen thẫm nổi trên lớp da non. Mắt Tới nhắm lại :

— Tôi muốn xem nó như kỷ niệm. Nhưng khi trời trở mùa, nó hành nhức chịu không nổi. Phải đành mổ... Tôi chỉ mong ngày về cởi áo, trình đám học trò xem con người tôi như thế... Còn Dự bị thương trong trận nào ?

— Phú Nhơn. Em bị vương mìn. Em nằm đây đã nửa năm rồi...

— Dự đi lính lúc nào ?

— Ra trường cách đây một năm, thưa thầy.

Dự lại hỏi :

— Còn thầy ?

— Tôi đã bốn năm.

— Bốn năm ở đơn vị tác chiến. Kể cũng may lắm, phải không thầy.

— Vâng, may mắn lắm.

Tới nói mơ hồ. Mưa vẫn trôi một cung đàn buồn hiu. Màu đỏ của đất đã ngả màu sẫm nhạt. Cả một quân-y-viện như một cỗ áo quan, dưới màu hoàng hôn ảm đạm. Lòng người thầy trẻ chợt run lên. Hình như có một cơn gió lạ đã thổi vào tâm hồn chàng, rồi nằm yên ở đấy.

— Vâng may mắn lắm :

Tới lập lại một lần nữa buồn bã. Hai bóng thầy trò hắt hiu in trên nền vách vôi rữa. Có những giọt nước mưa lạnh tê cóng tạt vào mặt Tới. Khói thuốc tan loãng, tâm trí người thầy trẻ đang vọng về một quãng thời gian nào xa xăm : Tới với chiếc kính trắng, Tới với những giờ vùi đầu trong sách, bảng, và những ấp ủ, hoài vọng của một người thầy trẻ. Chàng đã về tỉnh lị nhỏ bé ấy, để thấy lần đầu, những đàn chim sáo núi, trở về ngủ trên tàn cây cổ thụ. Chàng có bao giờ nghĩ đến một ngày như ngày hôm nay. Và trong đám học sinh của một thành phố hôm qua, chàng không ngờ lại có một đứa học trò trở thành một thương binh đang ngồi bên người thầy cũ. Tới cười, nghe nụ cười của chàng phảng phất chua xót.

— Bây giờ chúng ta đều là thương binh. Cả thầy lẫn trò. Dự có bao giờ nghĩ đến ngày tôi và Dự ngồi như thế này không ?

— Em không bao giờ nghĩ thế.

— Lâu thật là lâu, tôi không trở lại thành phố cũ ấy. Không biết còn những đàn sáo mỗi chiều trở về ngủ không ?

— Vẫn về, thầy ạ.

— Tôi thấy thành phố ấy là một nơi của chim chóc. Chim nhiều quá..

Người học trò đã đổi thế ngồi. Chiếc băng trắng bao gọn khúc thịt đùi lắc lư. Hắn bắt đầu kể :

— Lớp mình bây giờ, lũ con trai có đứa may mắn lên cao học, hoặc ra Kỹ-sư. Nhưng phần nhiều đều như em.. Còn con gái...

Tới hỏi khẽ :

— D. thế nào ?

NGÀY THÁNG NGAO DU

của Bùi Giáng

Cuốn sách chỉ dẫn phương pháp thiết thực chiêm bao, bài trừ viễn mộng.

AN TIÊM xuất bản, Giá **250đ**.

CCCLV

— D. bây giờ là vợ một Đại-tá. Ngày thầy rời trường, nàng làm vợ của một Đại úy..

— Ghê gớm quá nhỉ. Bây giờ là bà hết. Không khéo thầy phải đi trình diện bà..

— Chắc hẳn rồi.

Ngọn đèn trong phòng đã sáng một màu vàng vọt. Cơn mưa đã dứt. Vài thương binh đi lại trên hành lang nhẹ nhàng, chậm chạp. Đây là một thế giới hấp hối, Tới nghĩ thế. Một thế giới buồn đến ứa nước mắt. Và chàng liên tưởng đến một chiếc song mã gõ nhịp đều đều về nghĩa-trang dưới một hoàng hôn rũ chết.

Hai thầy trò bước vào phòng. Tới hỏi :

— Dự cần gì tôi giúp cho..

— Cám ơn thầy.

— Dự đừng nên nói thế. Dù sao tôi cũng còn đi lại được...

— Em cũng chẳng cần gì...

— Chẳng hạn xách một chai nước, mang một khay cơm Dự cứ thật tình. Ở chốn này, chúng ta là bạn, là thương binh...

Dự không nói. Người học trò đệ-tam năm xưa cúi đầu xuống, nhìn khúc đùi bịt băng của hắn, và đôi vai hắn chợt run lên. Những thương bệnh binh đang nằm bất động trên giường bệnh, coi sách báo. Ngày hôm nay, có thêm vài người nữa được xe cứu thương tải đến. Một tên thiếu úy bị đạn lủng ruột không co cựa thân hình đang rên rỉ, mặt áp vào vách.

Dưới chân giường là một chai đựng nước tiểu. Tới nghĩ đến một kẻ bị bỏ rơi. Tới muốn nói điều đó với người học trò của mình, nhưng chàng biết trong thâm tâm Dự, Dự cũng ý thức được điều đó. Dự cũng nếm những giọt nước mắt, không phải đau đớn, nhưng còn ràn rụa bởi nỗi cô đơn. Tới liên tưởng đến một thế giới ngoài kia hàng rào. Họ vẫn vui đùa, vẫn cồ võ, vẫn sống phè phỡn với chiến tranh. Họ vẫn đưa mắt xót thương về đám người bất hạnh, nhưng với những con mắt vờ vĩnh. Tới từ giã Dự, trở về giường cũ của chàng. Chàng nghĩ thêm một nỗi chua chát mới : chiến tranh rồi sẽ kéo dài đến một người lính cuối cùng .

oOo

Chàng mỏi mệt trăn trở trên giường. Cả phòng điều trị bây giờ như một nhà xác. Màu điện vàng, không soi nổi mặt người. Có tiếng rên khe khẽ của một tên chuẩn-uý cuối phòng. Anh ta đã dùng súng tự sát, nhưng viên đạn thay vì vào tim, đã lệch sang bả vai. Tới đã cố gắng tìm hiểu tâm trạng của người chuẩn-uý vừa tự sát ấy. Chàng, đôi lúc, cố đặt mình vào người chuẩn-uý ấy, để tự hỏi, phân-tích, để lý-luận, để đưa ra một kết-luận cho cuộc tự sát âm thầm kia, nhưng Tới vẫn không hiểu nổi. Làm sao một người, với gương mặt trắng trẻo, đẹp trai ấy, lại chọn lối thoát cuối cùng như thế.

— Có một định mệnh bi thảm đang theo đuổi tôi.

Định mệnh. Danh từ ấy được phát biểu từ một thanh niên trẻ — trẻ hơn số tuổi của anh ta — đã ám ảnh hoài tâm trí chàng. Chàng đã cố xô đuổi cơn mê muội khốn khổ, để tự bảo mình đang nằm trong một quân-y-viện, để nghỉ ngơi, dưỡng sức, và nhất là được an ổn một thời gian trong cõi điêu linh, nhưng chàng đã không thể dứt bỏ hai tiếng ấy. Có lẽ tâm hồn chàng đã bén nhậy, có lẽ những giờ phút dài dặc rỗng tuếnh dễ bắt chàng chìm đắm trong thế giới của tự thân và tha nhân, hay có lẽ, ở bên bờ bệnh hoạn con người chàng trở nên dễ dàng xúc động chăng ?

Định mệnh. Phải rồi — mỗi người trẻ tuổi đã gắn liền với định mệnh bi thảm — họ đang cố thoát, vùng vẫy khỏi vòm trời đen tối đầy giông bão Như chàng chuẩn úy vừa tự sát, anh ta là một kẻ cô đơn nhất trong quân y viện. Anh không cười, không nói. suốt ngày chỉ nằm ngồi trêngiường bệnh trong lúc các thương bệnh binh khác quây quần bên bàn cờ tướng, hoặc kể lại những chiến trường mà họ vừa từ giã Suốt ngày, anh chỉ mở mắt nhìn ra ngoài ô cửa lưới. Phải rồi, Tới chợt nhận ra, ở phía bên ngoài hàng rào dây kẽm, là bãi cỏ xanh mượt, có những hàng cây trâm cao lớn xum xuê bóng mát. Thế giới đó xanh và êm đềm quá đỗi. Êm đềm như cái chết của anh ta.

Suốt đêm Tới trằn trọc. Chàng phải uống thêm một viên thuốc ngủ và cố nhắm mắt, xô đuổi những hình ảnh chàng đã bắt gặp trong quân-y-viện. Vẫn cái giường, mà ngày nào, một kẻ ho lao vừa nằm đợi giờ phút cuối, vẫn ngọn đèn điện quá lu mờ như tô điểm thêm vẻ bệnh hoạn của căn phòng, vẫn tiếng rên cất lên thống thiết của một kẻ vừa bị vết thương hành hạ, Tới đã nghe rõ tiếng lòng mình đang nói : Định mệnh. Định mệnh đã bắt chàng trở lại chốn này, mà khóc thêm một lần thứ hai, bên cạnh người học trò cũ với chiếc đùi lắc lư, và nhận rõ ràng một ám ảnh từ lâu đã chôn kín : định mệnh bi thảm đang đồ trên vai chàng, các bạn bè chàng. Chính người chuẩn-úy vừa tự sát, đã giúp cho chàng cái lối thoát ấy. Lối thoát khi đôi mắt anh nhìn ra ngoài ô cửa lưới, mỗi buổi chiều, về phía bãi cỏ xanh rờn, êm dịu dưới những hàng cây cổ thụ kia.

Tới mò bao thuốc, bước xuống giường. Chàng nghĩ phải ra ngoài để thở một lát. Chàng lại nhận ra người học trò cũ, đang ngồi âm thầm trên hiên đốt thuốc. Dưới nền gạch, hai chiếc nạng đang ngủ yên Tới đến thật nhẹ.

— Dự chưa ngủ à ?

Người học trò cũ quay lại, chừng như nhận ra Tới.

— Vết thương hành hạ nhức quá, thầy.

— Dự nên uống thuốc ngủ.

Dự trả lời, buồn bã :

— Thức cũng quen rồi, thầy. Nhiều đêm em phải thức trắng, ôm đùi mà khóc.

Tới ngồi bên cạnh Dự, cảm thấy gần gũi Dự hơn bao giờ. Hai người yên lặng một đỗi rất lâu. Quân-y-viện đang chìm trong giấc ngủ, như một thương binh vừa bị chụp thuốc mê. Hai người lại bắt đầu nói về những cánh chim núi, buổi chiều trở về, ngủ trên thành phố. Tới nói, muốn khóc :

— Khi tôi vào lính, tôi cứ ngỡ, tôi là một kẻ cuối cùng cầm súng, không ngờ đến Dự còn phải cầm súng nữa.

— Em cũng không phải là một kẻ cuối cùng đâu. Có lẽ đến con cháu chúng ta cũng chưa chấm dứt cuộc chiến này... à, em quên, thầy biết Khánh không ? Khánh ngồi bàn cuối đấy ?

Tới nhắm mắt, cố hồi tưởng. Một lát, chàng reo lên.

— Tôi nhớ ra rồi..

Giọng Dự yếu và lạc đi : — Khánh đang nằm ở trại tù binh thuộc quân-y-viện này. Tội nghiệp, nó cũng bị cưa đùi, và gương mặt phải vá chằng chịt..

Tới hớt hải :

— Sao, Khánh theo bên kia ?

— Dạ.

— Tôi đâu có ngờ..

— Ngày mai, khoảng 8 giờ sáng, trại tù binh mở cửa, thầy có thể nhìn nó... Có lẽ nó cũng không biết thầy đâu...

Tới cúi đầu. Tự dưng Tới muốn rưng nước mắt. Đêm thật lạnh, có tiếng khóc nức nở của một người đàn bà ở phía bên nhà xác...

Quân-y-viện Ban-mê-thuột.
tháng 6-71.

TRẦN-HOÀI-THƯ

Trên giải đất của chia rẽ và căm thù,
Giữa thế giới hỗn mang vì xung đột tư tưởng,
hãy đọc

NHẤT NGUYÊN THẾ GIỚI

của Swami Vivekânanda

Một dòng phân tích triền miên từ vũ trụ đến nội tâm để tìm thấy Nhất nguyên.

Phân tích cả mọi tôn giáo triết hệ để cùng thấy Nhất nguyên như trăm sông đổ về biển cả.

bản dịch của Thạch Trung Giả
Thái Bình Dương xuất bản

SÁCH LÁ BỐI

Đã bày bán khắp nơi:

— NHƯ CÁNH CHIM BAY *truyện dài của* VÕ HỒNG

- *Ai đã tham dự kháng chiến chống Pháp 45-47 nên đọc « Như Cánh Chim Bay » để thấy lại hình bóng mình ở đó.*
- Bạn chưa hân hạnh dự cuộc kháng chiến thần thánh nên đọc « Như Cánh Chim Bay » để thấy đàn anh đàn chị mình đã làm gì.

— GÓP NHẶT CÁT ĐÁ *của* Thiền-sư Muju, Đỗ-đình-Đồng dịch

- *Tác phẩm viết vào thế kỷ thứ 13. Những suy niệm về Zen.*

— ẢO TƯỞNG *tuyển tập truyện ngắn của 7 tác giả* : Sơn Nam, Hồ-hữu-Tường, Chinh-Ba, Thiều-Chi, Nhất-Hạnh, Võ-Phiến, Tuệ-Uyên. (*Tái bản lần I.*)

— BÔNG HỒNG CÀI ÁO *của* Nhất-Hạnh *tái bản lần thứ năm 1971.*

— ÁO EM CÀI HOA TRẮNG *của* Võ-Hồng
Tái bản lần thứ ba 1971.

Giữa tháng 9-1971 sẽ phát hành :

— LỊCH SỬ VĂN-MINH ẤN-ĐỘ *của* Will Durant, Nguyễn-Hiến-ê *dịch.*

Sách dày khoảng 600 trang, số lượng in ít vì vốn in quá nặng, bạn nên dặn trước ở hiệu sách quen, đừng để mua không kịp như Sử-Ký Tư-Mã-Thiên và Chiến-Tranh và Hòa-Bình (*Tái bản giá tiền tăng hơn gấp đôi*).

— CHIẾN TRANH VÀ HÒA BÌNH I (*tái bản*) *của* Léon Tolstoï Nguyễn-Hiến-Lê *dịch.*

Nhà sách LÁ-BỐI lot O số 121 Chúng-cư Minh-Mạng SAIGON 10

Mua sách tại LÁ-BỐI được trừ nhiều hoa hồng. Bày bán các sách của các nhà xuất-bản uy tín.

Truyện của
NGUYỄN - MỘNG - GIÁC

C/ *Xin xem BK. từ số 350*

DƯ - SINH 2

(tiếp theo BK số 354)

6-

Rồi ngày hôm sau, mặt trời vẫn mọc. Trừ khu xóm ven núi, cây lá sườn đồi vẫn xanh. Chỉ có tiếng be be của đàn dê là không còn. Nhưng gia đình tôi còn hơi sức nào chú ý chuyện loài vật. Ai đến xin thịt, cha mẹ tôi cũng cho. Cả nhà ngồi tnừ bên xác anh Hai, co quắp đen đủi chẳng khác gì một xác dê. Lại thêm một chiếc chiếu cũ. Lại thêm hai đàn dây dừa. Anh Hai cũng chết bất đắc kỳ tử, nhưng mặt mũi tay chân đã đen cháy rồi, có cần quẹt mực làm dấu nữa không ? Đó là tôi tự hỏi vậy, chứ cha mẹ tôi, và cả bác hàng xóm cũng không có thì giờ nghĩ vậy, nhà nào bây giờ cũng có một hai cái tang riêng, khỏi phải đi phân ưu như hôm qua. Rồi người chết cũng yên phận. Sự khổ, hận là phần người còn lại, nhà nào cũng bị cháy, nhưng xong cuộc, thì ai nấy lo đào hầm trốn bom trước khi trồng vài cái cột cháy, gác cây táo nhơn, lợp một lớp mái lá trên nền cũ. Nghe tiếng chuồn chuồn từ xa, dân làng đã chạy núp hết dưới hầm. Sau cuộc oanh tạc, chuồn chuồn kim trở lại, tung bươm bướm xuống khu Tân An đen đúa. Truyền đơn bảo:

« Đồng bào chú ý.

Làng đồng bào bị oanh tạc vì đồng bào đã chứa chấp bọn Việt Cộng. Làng đồng bào bị oanh tạc vì đồng bào đã giúp đỡ, cung cấp lương thực cho Việt Cộng.

Làng đồng bào bị oanh tạc vì đồng bào đã a-tòng với bọn Việt Cộng, lập căn cứ bắn vào quân đội hay trực thăng Hoa kỳ.

Làng của đồng bào sẽ bị oanh tạc trở lại nếu đồng bào tiếp tục cộng tác với Việt Cộng dưới bất cứ hình thức nào.

Đồng bào có thể tự bảo vệ xóm làng bằng cách cộng tác với quân đội Việt nam Cộng hòa và đồng minh.

Hãy báo cho quân đội VNCH hay quân đội Hoa kỳ biết chỗ ẩn núp của Việt Cộng, để chính phủ và đồng minh bảo vệ đồng bào.

Quân đội VNCH và đồng minh sẽ đuổi Việt Cộng khỏi xóm làng của đồng bào, giúp đồng bào sống no ấm và tự do.

Ngày sau, chuồn chuồn kim lại tung truyền đơn khác, chỉ vẽ cách đun sôi nước uống và dặn dò treo mùng cẩn thận để ngừa sốt rét. Không ai hiểu truyền đơn này muốn nói gì. Nhiều người đa nghi đoán đấy là ám hiệu liên lạc, làm cho cả làng hồi hộp chờ đợi. Dự đoán ấy hoàn toàn sai lạc, vì mãi một tháng sau, tức khoảng đầu tháng sáu, quân đội Mỹ mới đổ quân chiếm Tân An.

Chưa bao giờ tôi nghe đạn nổ rền và thấy chuồn chuồn nhiều như vậy. Năm sáu chục chiếc bay từ phía biển lên, hạ ngay giữa làng để quân lính nhảy xuống rồi cất lên nhường chỗ cho chiếc khác. Trong lúc đó, đại bác bắn nát dọc sườn đồi, từ rẫy sắn của cha tôi đến tận bờ đầm. Mấy chiếc chuồn chuồn lớn hơn bay quanh dọc theo bờ sông, bắn từng hồi vào các cụm dừa nước và bụi dứa dại. Tân An đã bị lưới đạn lớn nhỏ vây chặt, rào kín. Chuồn chuồn kim bay thật thấp, vòng quanh làng, loa lớn :

— Đồng bào hãy bình tĩnh. Ai ở yên trong nhà nấy. Người nào chạy trốn sẽ bị trực thăng bắn chết. Đồng bào hãy yên tâm. Chúng tôi đến đây tiêu diệt bọn Việt Cộng, bảo vệ an ninh cho đồng bào. Đồng bào hãy bình tĩnh tuân theo các lời chỉ dẫn của chúng tôi.

Lúc tiếng máy bay bớt ồn ào, lính Mỹ đã tràn ngập khắp làng. Một lớp từ bờ sông, đầu núi lăm lăm khẩu súng tiến vào ; một lớp từ giữa làng chia thánh toán nhỏ tiến ra.

Hai người lính Mỹ cao lớn, một da trắng một da đen, chĩa súng xuống miệng hầm bắt buộc cả gia đình tôi lên mặt đất. Mẹ tôi chui ra trước, người lính đen ra hiệu bảo để hai tay lên đầu. Chị Mương bắt chước y vậy, ra đứng núp sau lưng mẹ. Cha tôi vừa ra khỏi, người lính trắng đã chụp hai tay bẻ ngoặt ra sau lưng và rờ khám khắp mình. Không thấy gì, ông ta ra dấu cho phép cha tôi đứng gần chỗ mẹ. Tôi ra sau cùng, cũng bị khám xét rồi đứng sau cha. Người lính trắng nói gì với người lính đen rồi vào cái lều tạm dựng trên nền cũ lục lạo. Ông ta lấy được bộ quần áo của anh Hai, đem ra hỏi mẹ. Vi Xi, Vi Xi ?

Mẹ không hiểu gì hết, trả lời đại :

— Thưa ông Mỹ, đó là áo quần thằng con trai của tôi. Nó chết cháy rồi, còn đâu nữa. Cha nó thấy bộ đồ còn tốt, giữ lại để mặc. Cha tôi nghĩ mẹ nói như vậy chưa rõ, quay ra giải thích với người lính da đen:

— Thưa ông Mỹ đen, gia đình tôi có ba đứa con trai, một đứa con gái đang ở đây. Hai đứa lớn chết rồi, một đứa bị đạn nát mặt, một đứa bị bom đốt cháy. Nhà cửa tiêu tan hết, nay chỉ còn hai đứa nhỏ này thôi.

Cả hai người lính không hiểu gì, đứng ngẩn ngơ, không biết phải xử trí ra sao. Lúc bấy giờ, chuồn chuồn kim loan báo:

— Ngay bây giờ, tất cả đồng bào phải tập trung trước sân trường học để ban sưu tra làm việc.

Nói tiếng Việt xong, loa nói bằng tiếng ngoại quốc. Hai người lính đẩy chúng tôi về phía trường, sau khi nhìn lại miệng hầm.

Đến sân tập trung, mọi người trong làng đã lục tục, thất thểu về đủ. Một toán lính Việt chờ sẵn ở đó, bắt nam nữ ngồi riêng ra hai bên theo hàng ngũ. Mọi người ngồi bệch xuống đất mắt nhìn xuống bàn chân. Không khí im lặng nặng nề đến khó chịu. Một lính Mỹ lấy máy ảnh chụp hình khẩu hiệu

treo trước trường, cẩn thận quan sát, rồi leo lên gỡ xuống. Người lính Mỹ xì xồ hỏi người lính Việt đứng cạnh. Anh ta trả lời, xong quay lại nói với đồng đội:

— Đ. M dân gì đâu mà thứ gì cũng để dành kỷ niệm. Hèn gì ở Chu Lai họ mav cờ, nhúng máu gà, giả làm cờ trận của Việt Cộng. bán đắt như tôm tươi.

Chiếc máy bay chuồn chuồn thân nhỏ như cái hột vịt lúc ấy hạ cánh ngay sau trường. Một người lính Mỹ bước xuống, nói tiếng Việt với một người có vẻ như là sĩ quan của toán sưu tra.

— Các ông đã sẵn sàng làm việc chưa?

Giọng nói tiếng Việt ồm ồm lạ tai làm một vài người tò mò ngước nhìn. Người sĩ quan Việt trả lời:

— Đã. Như thường lệ. Chúng tôi chỉ có nhiệm vụ phân loại, căn cứ theo các lời sơ vấn. Muốn xác định kỹ hơn, phải có tài liệu của Ty Công an đối chiếu.

—Chúng tôi đã bao vây làng, và gom dân về đây. Bây giờ, công việc các ông làm mới là phần quan trọng nhất: phân biệt Việt Cộng với thường dân, để sau đó tiêu diệt trọn trạm liên lạc quan trọng này.

Người sĩ quan Việt hốt hoảng hỏi:

— Tiêu diệt? Các ông định phá hủy làng Tân An sao?

— Vậy anh cho biết thử trong làng này, trong mấy cái chòi này, có gì đáng giá nào? Theo tôi, dường như họ sống dưới hầm chứ đâu có sống trong nhà. Làng này chẳng khác nào một chiến lũy, như chiến lũy Maginot. Trên mặt đất, chỉ có vài cây cột với mái lá.

— Phần lớn hầm hố là để tránh bom đạn, đâu phải là hào chiến đấu !

Người Mỹ lắc đầu, vững tin ở mình :

— Tôi không nghĩ vậy. Dù sao, sống chui rúc ở dưới hầm hố nay, sợ bom đạn, sợ Việt Cộng, đâu phải đúng nghĩa của đời sống.

— Vậy các ông định làm gì?

— Chúng tôi sẽ thiêu hủy cả làng, cho Việt Cộng không thể dùng làm căn cứ được nữa, rồi chở tất cả đồng bào về trại định cư.

— Theo tôi biết, hiện hai trại trên quận đã quá đông người tị nạn. Chỗ đâu để số đồng bào này về ở?

— Việc đó là trách nhiệm của thiếu tá quận trưởng. Chúng tôi đã điện thoại cho ông ấy biết là sắp có một số dân tị nạn về quận. Đây là xứ sở các ông, đây là dân của các ông. Chúng tôi muốn các ông đảm nhiệm các trách vụ này.

Viên sĩ quan Việt có vẻ tức giận:

— Đã đành vậy rồi, nhưng vì sao các ông dấu kế hoạch hành quân cho đến phút chót, rồi đột ngột câu chúng tôi bỏ xuống đây, bảo : Đấy, làm việc đi ?

Người Mỹ trả lời:

— Rất tiếc, không thể trả lời cho trung úy trước mặc dân chúng được. Tôi sẽ trình lại thiếu tá, để thiếu tá giải thích cho trung úy rõ. Nói xong, người Mỹ trở lại máy bay rồi bay đi. Viên trung úy có vẻ tức giận, chửi thề liên hồi. Ông ta quay lại nói với mấy người lính.

— Thôi, tụi bay lần lượt cho đồng bào về đem đồ đạc của cải ra đây. Tụi nó sắp đốt cháy hết.

Chúng tôi nghe vậy, hết sức hoang mang. Bên phía nam, vài người định bỏ hàng về lại nhà. Mấy người lính lên đạn dọa :

— Phía nam ngồi yên đó. Chỉ có đàn bà mới được về nhà đem đồ đạc ra đây. Hàng này đi trước, rồi tới hàng này. Từ bên này nhìn sang, tôi thấy các bà lần lượt mang ra hoặc bọc quần áo, hoặc thúng gạo, hoặc cái rổ đựng chén bát. Có người dắt cả heo hay xách lồng gà vịt. Có người ôm cứng cái bài vị. Mẹ tôi và chị Mương mang ra được một bọc quần áo chưa cháy và cái thạp gạo. Chúng tôi bị lùa lên trực thăng trước nên không hiểu các bà xoay xở ra sao để đem cái gia tài tồi tàn cồng kềnh ấy lên máy bay. Tất cả đàn ông từ lứa tuổi tôi đến già đều bị cột tay ra sau lưng, một cái bao cát màu xanh trùm kín đầu. Chúng tôi sờ soạng vịn nhau leo lên máy bay chuồn chuồn. Thôi xa rồi cây cỏ và núi đồi. Thôi, xa rồi dòng sông và con suối. Xa rồi cái chuồng dê cháy đen vắng tiếng be-be, và cây ổi cây xoài..... Từ lúc sinh ra, đây là lần đầu tôi xa quê hương, xa mà mắt mù lòa, không được nhìn lại nó lần cuối cùng.

7.

Lúc chiếc xe phanh gấp, và người lính gác ra lệnh bỏ cái bao cát xuống, tôi mới thấy cha tôi ngồi sâu phía trong, và xe dừng trước một khoảng ruộng đã cắt xong trơ toàn gốc rạ. Đám đàn bà trẻ con nheo nhóc chạy ùa ra, bao vây chúng tôi, tíu tít hỏi thăm. Mẹ chạy lại nắm tay cha tôi sùi sụt, còn chị Mương thì cầm tay tôi lắc lắc không tìm ra lời. Cuối cùng chị bảo :

— Từ hai ngày nay, hai mẹ con cứ sợ họ đem cha với em nhốt trong tù để bắt khai này nọ. Nằm khơi khơi giữa sương gió và nắng nôi, mẹ chưa đau là may đó.

Mẹ và chị Mương dắt về « nhà ». Chiếc chiếu sờn mép được cột vào hai cây cọc thấp, giăng nghiêng bằng hai sợi dây dừa nối xuống hai cọc tre. Một lớp rạ trải ngang trên đất ruộng. Cha hỏi :

—Sau không ở trong trại định cư ?

Chị Mương trả lời thay mẹ :

— Thôi cha ơi ! Hai cái trại nhỏ xíu chứa dân Tuy An, Đại An, Vinh An còn chưa đủ, chỗ đâu mình ở. Nghe ông quận bảo ở tạm đây, mai mốt sẽ lập thêm trại nữa.

Người đàn bà cùng xóm đến hỏi tại sao chồng chưa được thả về. Trên tay, đứa nhỏ mặt đỏ gay, mũi chảy thòng lên môi. Đứa lớn nắm ống

quần mẹ, nheo mắt ti hí vì chói nắng. Ngang trả lời :

— Thưa thím, Cháu không biết, vì vào trại hỏi cung, họ chia ra thành từng toán nhỏ. Hơn nữa, đầu luôn luôn bị chụp bao cát, không ai thấy ai hết.

Người đàn bà thất vọng trở về lều, đồ đạc tồi tàn nào nồi niêu, giẻ rách, bao gạo dàn bừa bãi. Sau đống mền chiếu, một bà già đang nằm trên đất rên khừ khừ.

Vừa lúc ấy, một chiếc xe nhà binh loại bốn bánh từ đường cái đổ dốc chạy đến giữa đám ruộng, kéo theo một xi-tẹt nước. Cả trại náo loạn. Đàn bà con nít đem gàu, son, nồi đất, thùng thiếc chạy đến, chen lấn nhau, bu quanh chỗ vòi nước. Người lái xe mở cửa bước xuống, can ngăn :

— Đồng bào cứ từ từ, đừng chen lấn nhau. Mấy bác này này, để cho các em nhỏ lấy nước trước rồi hãy chen vào.

Tôi nhận ra viên trung úy hôm trước. Nhiều người cũng nhận ra như tôi. Mấy người đàn ông mon men đến cạnh :

— Thưa trung úy, nhờ trung úy can thiệp giùm với quận. Mỹ nó giục quá, chúng tôi đem được chút ít gạo, nay đã cạn rồi. Hôm qua ty xã hội phát thẻ lãnh gạo cứu trợ, đến nay không thấy gì hết.

—Thưa trung úy can thiệp giùm em. Gia đình em ở Hiếu Bình, qua Tân An mài bột sắn chưa kịp về đã bị bắt lên đây. Có mấy bác đây làm chứng.

— Thưa ông, tôi già cả giữ từ đường. Lúc ra đi, rối quá xách được nửa bao gạo, quên đem bài vị của cha với ông nội đi theo. Tôi sợ bỏ lại, Mỹ họ đốt, mang tội với ông bà.

Viên trung úy lúng túng không biết trả lời thế nào. Đồng bào kéo đến mỗi lúc một đông. Quanh xe nước, bây giờ bùn nhão ngập đến cổ chân, nhưng người ta vẫn chen vào. Trung úy leo lên thềm xe, nói :

— Bà con cô bác hiểu cho, tôi không có quyền gì ở đây hết. Hôm trước tôi cãi với ông cố vấn, về bị đại tá rầy quá cỡ. Nhưng ngay ông quận cũng không biết làm sao giúp đỡ đồng bào. Ngay buổi sáng hành quân chiếm Tân An, Mỹ mới gọi điện thoại cho thiếu tá : « Sắp có khoảng 500 dân tị nạn về quận. Thiếu tá lo liệu đón tiếp họ.» Ông quận bức đầu bức tai, không biết lấy tôn lấy gạo đâu cứu trợ cho đồng bào. Thấy ông rối quá, tôi mới chạy liên lạc trường học, các cơ quan từ thiện. Mai học sinh sẽ lên xây lều cho đồng bào tạm trú. Gạo thì mượn tạm ở kho an toàn. Cái xe nước tôi mượn bên pháo binh.

Mẹ chen vào hứng được một thùng nước, rồi cùng với chị Mương khiêng về lều. Đám người vây quanh trung úy thấy không thể nhờ được gì khác đã bỏ đi. Tôi đến gần ông. Ông nhìn lại, đôi mắt đầy nỗi trìu mến và thương xót, khiến tôi bạo dạn hơn.

— Thưa Trung úy, khi họ chở hết đồng bào về quận rồi, làng bị đốt hay bị bỏ bom.

— Họ cho xe cày san bằng các hầm hố và nhà cửa. Một ít đồ đạc của đồng bào, tôi cho lính thu dọn lại, để trên sườn đồi chỗ đất bằng, để nếu được, đem về đây cho đồng bào.

— Thưa Trung úy, nhà em sắp hết gạo. Nhiều nhà khác cũng vậy. Trung úy can thiệp cho máy bay chở đồng bào về lấy đồ lấy gạo được không?

Viên trung úy nhìn tôi, bối rối không trả lời. Một lúc, ông hỏi:

— Gia đình em có mấy người?

— Trước kia có sáu tất cả. Nhưng anh Cả anh Hai chết nên còn lại bốn.

Ông ta vội hỏi:

— Sao hai anh đó chết?

— Một anh bị chuồn chuồn bắn, một anh bị bom cháy.

— Nếu vậy, tôi có thể giúp gia đình em làm giấy tờ xin tiền trợ cấp. Cha mẹ em đâu, cho tôi hỏi ý kiến.

Tôi dẫn ông trung úy về phía lều. Cha mẹ đều có vẻ vừa sợ hãi vừa kinh ngạc, Trung úy nói trước:

— Tôi nghe em này bảo hai bác có hai người con bị bom đạn chết?

Mẹ cướp lời cha:

— Dạ đâu có. Hai đứa nó bị bệnh, chết lâu rồi mà!

Trung úy vội trấn an:

— Bác đừng sợ. Người chết là hết, là yên phận, dù là chết vì lý do gì. Tôi chỉ hỏi để làm giùm giấy tờ xin trợ cấp cho hai bác mà thôi. Ở đây có lệ: nếu một người trên 18 tuổi bị Việt Cộng giết, gia đình vào trại định cư được trợ cấp 4 ooođ. Nếu người đó bị chết trong các cuộc hành quân tảo thanh của quân đội Mỹ, gia đình chỉ được lãnh 3oođ. Nếu hai bác đồng ý, tôi sẽ làm tờ khai để lãnh 8ooođ.

Cha tôi băn khoăn:

— Thằng Cả vì đi lừa dê mà chết. Thằng Hai bị chú Đành rũ rê mà chết. Bây giờ khai sao đây; chết vì mặt trận hay chết vì nguỵ?

Tôi hốt hoảng kéo tay áo cha, xin lỗi Trung úy:

— Trung úy hiểu cho cha của em lớn tuổi nghễnh ngãng, ít nhanh nhẹn ứng biến. Tụi em thì quen miệng rồi, nói với mỗi bên theo mỗi cách. Nhưng cha em thì nói lộn nói liệu luôn. Có lần ông gọi chú Đành là «Việt Cộng». Vào đây, ổng lại kêu lính gác là «lính nguỵ».

Trung úy cười, làm mẹ và tôi yên lòng:

—Không sao. Tại mỗi bên dùng một thứ từ ngữ khác nhau. Cho nên chọn một bên, là phải chọn luôn cách ăn nói. Bác già cả, đâu có thạo trò đu dây. Nhưng thôi, bây giờ hai bác khai thế nào?

Mẹ tôi chưa hết lo âu:

— Khai để nhận 8ooođ, lỡ hôm nào về làng mấy ổng làm khó dễ làm sao? Mình đâu có ăn đời ở kiếp đâu được.

Cha tôi lại bảo:

— Khai nhận 6ooođ, lỡ Mỹ họ

ghét không cấp tiền thì sao?

Ông Trung úy cười ồ, giải hòa:

— Thôi để tôi khai lãnh 7000, khỏi sợ bên nào cả, rồi lấy giấy ghi tên anh Cả, anh Hai và tên cha mẹ tôi.

8-

Sáng hôm sau, ông trung úy lái xe nước tới trại, đưa cho cha mẹ ký một xấp giấy tờ. Cha ký bằng chữ hán, còn mẹ thì vụng về cầm cây viết nguyên tử gạch chữ thập vào chỗ trung úy chỉ. Trung úy bảo khoảng hai tuần lễ nữa hy vọng có tiền trợ cấp. Chị Mương hỏi có xin trực thăng về Tân An được không. Ông trả lời là xin không được, và học sinh dưới thành phố bận làm văn nghệ chưa lêu cứu trợ kịp. Lúc trung úy ra về, mẹ nhìn bao gạo xẹp gần hết ngần ngơ xuất thần Vài gia đình đã lén xuống phố quận xin gạo. Mấy đứa nhỏ ra đầu đường chờ xe Mỹ chạy qua xin kẹo và thuốc lá. Nhiều hôm chúng đem về cả bia hộp nữa. Tuy nhiên cái nghề đi xin cũng lắm tai nạn nghề nghiệp. Có đứa lỗ đầu vì bị lon bia ném từ trên xe đang chạy va vào trán. Có đứa họ sù sụ vì tập hút thử thứ điếu thuốc to bằng ngón tay cái.

Tình trạng nguy ngập, nên có nhiều người liều lĩnh lén về Tân An vào ban đêm. Họ đã thành công. Người đem lên được giỏ khoai. Người đem lên được bao lúa giống. Người thị khệ nệ vác cả bộ ngũ sự. Người ta cho biết làng hoàn toàn hoang vắng, như một gò đất mới. Những tin vui ấy khuyến khích, nên tôi lén cha mẹ và chị Mương, vào giữa khuya, lẻn trốn về.

Vừa lội qua sông, bước qua khóm dừa dại, đã có tiếng súng lên cò lách cách và tiếng hô: Ai, đứng lại.

Giọng hô rõ mồn một trong đêm, nghe lại quen quen. Lúc bóng đen đến gần, tôi mới nhận ra anh Đành. Lố nhố bên bờ sông, có mấy người nữa. Anh Đành hỏi:

— Ngang đó phải không? Về đây làm gì?

— Em về lấy lúa với quần áo.

— Mấy hôm trước có mấy người xóm trên lẻn về, anh biết, nhưng không ra mặt, để cho họ đem lương thực đi. Đáng lẽ số lúa khoai bỏ lại đã được chuyển vào khu rồi. Lên quận đã có Mỹ nuôi, sao lại về lấy thêm lương thực? Đàn bà con gái ốm yếu lên trại định cư được rồi, nhưng em, con trai, phải ở lại chiến đấu.

Tội sợ sệt, trả lời:

— Nhà bây giờ chỉ còn có Ngang là con trai. Anh Cả anh Hai chết hết ...

Anh Đành ngắt lời:

— Chính vì hai anh ấy chết mà bây giờ em phải ở lại đây, gia nhập du kích.

Cả toán người đưa tôi qua phía đầm, theo đường mòn đi sâu vào mấy rặng núi cao bên kia Đại An. Tôi lặng lẽ bước không thể xóa được hình ảnh cha mẹ và chị Mương sáng hôm sau hớt hải đi tìm tôi,

để buổi trưa buổi chiều ngồi húp cháo lỏng qua ngày. Chắc anh đã rõ đời sống trong trại huấn luyện như thế nào rồi. Họ tập cho tôi bắn AK, rút chốt lựu đạn, tập cho tôi cách trộn dầu với bồ hóng để bôi đen thân thể, tập cho tôi cách bò, cách trườn, cách núp. Tôi có được một khẩu súng riêng. Tay chạm vào thép lạnh, ngón trỏ để trên lẩy cò, tôi sung sướng đến ngây ngất. Tôi muốn được bắn vào cái gì đó, muốn rút thử cái vòng khuyên này rồi ném quả lựu đạn để nghe tiếng nổ xé trời. Không biết anh có cảm giác ấy không, nhưng cầm được khẩu súng, tôi sung sướng như được đứng trên đỉnh đồi nhìn cánh đồng bao la tiếp nối dưới kia. Cho nên tuy tập tành chưa nhiều, sử dụng vũ khí còn lật bật, tôi là người đầu tiên xung phong vào trung đội du kích tấn công đồn nghĩa quân Vĩnh An.

Người nào người nấy chỉ mặc độc cái quần đùi, toàn thân bôi đen để dễ nhập vào bóng tối. Tôi thuộc toán đầu, nhẹ nhàng trườn đến cắt hàng rào dây thép gai. Trong đồn chưa có phản ứng gì, có lẽ họ đang ngủ say. Đến lúc trung đội trưởng bắn phát hiệu và chúng tôi ào ào tràn vào vòng phòng thủ thứ nhì thì cả đồn mới thức giấc. Tôi với một người nữa bắn đã tay, chĩa họng súng về phía lô cốt. Bắn một lúc, chợt nhớ mình chưa ném lựu đạn. Tôi để mặc anh bạn nhào tới, rút chốt một trái lựu đạn ném vào bên trong bờ thành đắp bằng bao cát. Tôi chờ, nhưng không nghe tiếng nổ. Đến lúc hết hy vọng, chợt có tiếng nổ lớn ngay phía trước xác anh bạn nằm đen trước mặt. Anh chết vì dẫm phải mìn phòng thủ. Tôi ngẩn ngơ mất hồn. Bấy giờ, nghĩa quân bắn hỏa châu sáng trời, và đạn từ bên trong bắt đầu bay ra. Nhiều du kích ngã xuống. Tiếng nổ khác lạ của súng địch kích thích tôi, làm tôi quên hết, liều lĩnh bước lên xác bạn nhảy vào vòng thành thứ nhì. Nhiều du kích cũng đã vào đó trước tôi. Chỉ còn một vòng kẽm gai, một thành bao cát nữa là chúng tôi vào được đồn. Tôi tháo chốt một trái lựu đạn, ra sức quăng mạnh vào trong. Lần này, lựu đạn nổ. Tôi sung sướng. Vừa lúc ấy, chuồn chuồn từ phía thành phố bay lên. Đèn sáng trưng trên trời, đạn khạt xuống liên miên. Các bạn tôi lần lượt ngã. Tôi say máu nhào đến phía trước, chợt thấy chân tê lạnh và bụi bốc ngay trước mặt. Sau tiếng nổ, tôi quị xuống, đầu óc mê muội dần. Chuồn chuồn lại hiện ra, đúng lúc chúng tôi sắp thắng, và hình như cũng chính chuồn chuồn đã chở tôi về quân y viện cưa chân.

Ngang nhìn chăm chăm vào mặt Điền, để dò ý tứ người nghe, rồi bảo :

— Đó, anh thấy không, rõ ràng hồn loài chuồn chuồn đã nhập vào xác máy bay chuồn chuồn để báo oán, như hồn con cọp thật nhập vào con cọp đá để giết cậu học trò. Cọp báo oán một lần là xong kiếp cậu học trò. Nhưng chuồn chuồn thì không. Nó cứ vờn qua vờn lại, như trêu như giỡn với gia đình tôi. Mấy tháng nằm trong

nhà thương, tôi cứ nhìn cái chân cụt mà bồi hồi, hối hận. Chỉ vì tôi muốn mau biết bơi, muon tự nhiên nổi bập bềnh trên mặt nước, mà cả nhà tôi chìm nghỉm. Bây giờ thân tàn ma dại rồi, chuồn chuồn đã vừa lòng chưa ? Tôi tự hỏi vậy. Lúc được chở lên đây nhập trại, tôi lạnh mình khi thấy bên kia đầm lầy, lại có bóng mấy chiếc chuồn chuồn.

Anh Điền có vẻ chế diễu trước sự sợ hãi của Ngang. Nhưng anh vẫn tìm lời an ủi :

— Ngang, không còn gì đáng sợ nữa. Chuồn chuồn bên kia đã gãy cánh rồi. Nó đuổi cho em chạy đến gãy chân, thì nó cũng sứt cánh, sứt đuôi. Còn lâu, năm cái xác đó mới lếch được sang đây !

— Chúng tê liệt, nhưng mắt vẫn còn trong. Khi nào nhìn qua bên kia, tôi cũng thấy mấy cặp mắt lộ đó, chăm chăm nhìn mình :

Anh Điền hỏi:

— Ngang bị nó ám ảnh đến độ đó, sao lần trước không xin về?

Ngang nhìn anh Điền, ngờ ngợ không hiểu anh hỏi chơi hay hỏi thật. Nhìn qua bên kia đầm, chỉ thấy bóng tối mông lung. Gần hơn là mấy chồng giường ẩn hiện dưới ánh sáng vàng lắt lay. Ngang trả lời:

—Về? Về làm gì? Lần trước tôi cũng tự hỏi: Sao không xin về? Tôi cũng muốn lắm chớ. Nhiều hôm nhìn qua lớp rào lẽm gai, sườn núi, cây cỏ xanh tươi hùng vĩ làm sao !

Tôi cứ tưởng mấy tảng đá trắng đá xám là bầy dê của tôi. Anh Điền có chú ý trên chỏm núi có một viên đá nhọn hay không ? Tôi cứ nghĩ đó là con dê đốm của tôi đang leo lên đỉnh cao, lạc loài, không về, đứng đó mà ngó lung. Tôi cũng ao ước tự do chạy nhảy ca hát trên sườn đồi, bơi sải trên dòng sông, hái bông súng trên mặt đầm. . .

Nhưng tôi không quên là chân mình đã cụt rồi, không còn có thể chạy theo đàn dê tưởng tượng nữa. Tôi chỉ có thể lê lết giữa chợ quận, hay trong tiệm cơm thành phố, rên rên vài tiếng, rồi ngửa mũi ra...

Vả lại, ra khỏi đây ? Những con chuồn chuồn voi hãy còn đầy trời. Thỉnh thoảng Ngang còn thấy chúng bay từng đàn về phía có khói lửa dâng cao. Ngay chiều nay, nó vừa hạ cánh xuống sân vớt ông trung úy y sĩ. . .

Thôi, anh Điền ạ, thà Ngang nằm mãi đây, đủ hai bữa cơm, và đủ bình an đẫy giấc, để lâu lâu lấy bạo «nghinh» mấy con chuồn chuồn què quặt gãy cánh bên kia đầm, còn hơn cà thọt mà chạy trốn.

Tôi đã bắt đầu thấy thương chúng rồi. Nằm ụ bên kia, mấy con chuồn chuồn đó cũng què quặt như nạn nhân của nó, có khác gì đâu !

NGUYỄN MỘNG GIÁC

Qui Nhơn 29 tháng 7-1971

Khói cơm chiều

Thơ LUÂN HOÁN

bếp đã nhúm gạo đã vo sạch sẽ
tôi dặn lòng thổi yêu dấu vào cơm
tay từng ngón chắt chiu từng ngọn củi
lửa chiều vui tôi đốt hết căm hờn

này khói biếc tự do bay đi nhé
tóc tôi dài đâu buộc nổi phiêu du
tình tôi ghé đậu nặng lòng cánh mỏng
xin bay cao thăm thẳm đến nghìn thu

tôi sẽ hát dù mắt vàng những lệ
tôi sẽ cười dù phổi muốn cạn hơi
khói bát ngát hãy chiu lòng gió đợi
cho tôi theo dù góc bể chân trời

vui như thế sao chưa ai về đến
cửa trông chờ tôi mở rộng van lơn
nắng càng lúc càng vàng trên hiên vắng
ngày từng giây từng phút nặng thân chiều

cha có mỏi gót trời con xin cõng
anh rã rời tay xách em xin mang
hãy vội bước trên lối chiều trải lụa
trên lòng người chờ đợi những hân hoan

hãy vội vã phải không anh hàng xóm
đã ra đi mà không biết tôi sầu
đã ra đi mà không hề hò hẹn
sẽ quay về khuya sớm liếc trông nhau

hãy vội vã hỡi những người yêu dấu
tôi không tin ngựa quỵ vó bên trời
tôi không tin những trái tim tôi thở
như lá vàng trong cơn gió buồn rơi

và đoan chắc hỡi những người yêu dấu
phải về đây cho tôi thấy tôi cười
trong mắt nhớ tôi giăng ngàn bẫy mộng
xin hân hoan như giọt bụi vai người

chắc phải có người về đây so đũa
trên mâm đồng san sẻ nỗi tình xưa
cha bạc tóc anh trán nhăn vừa đủ
cho tôi hùn trời rộng những hạt mưa

vui đấy chứ phải không cha yêu dấu
mo cau vàng con làm quạt hầu cha
sung sướng phải không anh thương mến
dậu trưa hồng áo ướt ngủ bên hoa

khói bát ngát hãy chìu lòng gió đợi
triệu hạt sầu tôi đã chín như cơm
ngày hết nắng tôi bao giờ hết đợi
những người về trong một cõi cô đơn ...

Ra về giữa tiệc

Thơ TRẦN THỊ TUỆ-MAI

Áo tha thướt rủ vạt dài
tơ mềm thêm óng dáng người đài trang
hơi thu êm trong nhạc vàng
chênh song bóng nguyệt huy hoàng tiệc thơm
kiêu kỳ từng mái tóc hương
khói ngô từng nét quyền sang kinh thành
lầu cao hương sắc đa tình
hồn nhung kiều diễm sáng bình pha lê
tươi trên trí thức bạn bè
chen men cẩm thạch ánh ly rượu đào
lời vui duyên dáng mời chào
nâng ly, mình chợt nôn nao lạ kỳ.

Sóng đâu cuộn réo bốn bề
ngập tràn đất Bắc — vỡ đê sông Hồng!!!

Giọt đau thầm khóc Thăng-Long
giọt đau thầm khóc căn phần Việt-Nam.

Saigon tháng 9-1971

Rẽ sóng đăng quang

Thơ TRẦN HUIỀN ÂN

(Tặng Khánh-Linh, Nhã-Nam, Phan Long-Côn)

- *Mũi thuyền rẽ đỉnh trời cao*
  Mạn thuyền rẽ sóng đường vào biển xanh
  Về đây chim bỗ nhớ cành
  Chút lòng nội địa cuối gành chia xa

- *Cù lao trăng sáng nhạt nhòa*
  Bóng dừa che khuất xóm nhà chen chân
  Bờ sâu giếng đá xây tầng
  Tiếng gàu gieo động tâm thần ấu thơ

- *Đêm về cỏ nhuốm sương tơ*
  Bát chè không thoảng giấc mơ ngày nào
  Quây quần tiếng góp lời trao
  Nụ cười ấm lặng ba đào từ khơi

- *Chùng khuya gió đổi chào mời*
  Nửa vành trăng nhỏ chân trời rưng rưng
  Ồ ! Xin giây phút hãy ngừng
  Nghìn sau... Tràng lặn đảo rừng còn đâu ?!

- *Hồng mai núi đá thay mầu*
  Trèo lên dẫm lại cơ cầu bước xưa
  Trời mây nửa với như vừa
  Trùng trùng biển biếc lưa thưa bóng thuyền

- *Nơi này vốn nước non tiên*
  Ván cờ xóa sạch ưu phiền trần gian
  Ngẩng đầu nhắm mắt đăng quang
  Nghe dòng máu dẫn niết bàn vào tim...

Cù-lao xanh
Hè 1971

Sách báo mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— **Khí-hậu học** (*Đại cương và các khí hậu nóng*) *của Nguyễn Thế Anh, do Lửa Thiêng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 190 trang gồm 2 phần lớn : Các yếu tố khí hậu và các loại khí-hậu nóng với rất nhiều hình vẽ rõ ràng. Giá 280đ.*

— **Quốc văn** (Luận văn và văn phạm) lớp bảy (*Chương trình mới*) *của Nguyễn Tăng Chương do Trí Đăng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 130 trang gồm 7 chương ở phần Luận văn và 18 bài văn phạm và chánh tả. giá 140đ.*

— Sách Nhi đồng giải trí Giáo dục Hoa Tim : **Căn cứ không gian Mũi gió** *của Lê Trường Ly* ; **Bức họa Hoa hồng** *của Nguyên Lan* ; **Bầy chim hoang trong vườn cao su** *của Dương Trữ La. Mỗi cuốn 32 trang, nội dung thích hợp với nhi đồng. Giá 20đ*

— **Hiến lễ mùa Thơ** *tập thơ của Phương Đài do Nhân Chứng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 56 trang gồm 27 bài thơ, bìa của Hoàng Thụy Kha, tựa của Sơn Nam, Phổ Đức trình bày. Giá 120đ.*

— **Thơ của người tình** *tập thơ của Lê Phổ Đức do Nhân Chứng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 60 trang, gồm 25 bài thơ, bạt của Hồ Trường An, 2 phụ bản của Hồ Hữu Thủ và Duy Thanh. Giá 120đ*

— **Ngày tháng ngao du** *của Bùi Giáng do An Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 230 trang gồm nhiều bài văn và thơ rất vui và độc đáo của nhà thơ Bùi Giáng. Giá 250đ*

— **Bí mật của các ngân hàng ở Việt Nam bị bật mí** *loạt bài điều tra của ký giả Nguyễn Khương, đăng trên Dân Chủ Mới do nhật báo Dân Chủ Mới ấn hành và* **Tài phiệt ngoại quốc và vong bổn Việt-nam thao túng ngành ngân hàng** *loạt bài đặc biệt của nhật báo Đồng Nai, do Đồng nai ấn hành. cả hai tập sách đều nhằm vạch mặt trái của ngành ngân hàng và tuyên chiến với nhóm tài phiệt ngân hàng.*

— **Nghĩ vì về quê hương** *của Trần Đình Thái do Thân Hữu xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 62 trang gồm 5 bài tham luận của một cây bút trẻ ở Qui Nhơn. Giá 200đ*

— **Tuổi quê hương trên giòng máu đá** *tập thơ của Hoàng Khanh Huyền Linh do Niềm Tin xuất bản và gửi tặng. Sách dày 80 trang gồm 36 bài thơ in trên giấy màu hồng. Giá 150đ*

— **Trong cơn thao thức** *tập thơ của Thiếu Khanh do Da vàng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 84 trang gồm 25 bài thơ, tranh bìa của Võ Đình. Bản đặc biệt.*

— **Tuổi trẻ vào chiến tranh** (*1965-1971*) *tập thơ của Bùi văn Mùi, do tác giả ấn hành và gửi tặng Sách dày 60 trang, in ronéo, khổ 17×27 gồm 32 bài thơ.*

— **Vận-Động** *số 2 tập san in ronéo dày 84 trang, khổ 20×27 do Văn hóa vận động chủ trương gồm phần biên khảo về văn hóa giáo dục và các phần Thơ và Truyện ngắn.*

PHÁT HÀNH TRONG THÁNG 9-1971 :

Muốn hiểu rõ các **danh từ mới,** như bồ xung, môi trường, mỹ hóa, cốt cán, thiên địa chiến, du kích chiến v.v...

Các chánh khách, sinh viên, học sinh, giáo sư, ký giả....

tìm đọc :

NÓI CÓ SÁCH

do VŨ BẰNG biên soạn

Trong Tủ sách Nghiên cứu

V

NGUYỄN-ĐÌNH VƯỢNG

xuất bản

Sách mới phát hành :

- NHỮNG CÁNH DIỀU
  của Linh Bảo
- KHÚC CA ÁI TÌNH CHIẾN THẮNG
  (tuyển truyện quốc tế)
  Vi Huyền Đắc, Chương Ngọc dịch
- BẢY NGÀY TRONG ĐỒNG-THÁP-MƯỜI
  của Nguyễn Hiến Lê
- VIỆT KIỀU Ở KAMPUCHÉA
  của Lê Hương

TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành
21, *Nguyễn Thiện Thuật Sàigòn* — *Đ.T.* 92.017

Siêu đẳng thượng hảo hạng

BASTOS *Luxe*

巴士多金牌煙
貴地超等
名大方

Ngon nhất về loại thuốc đen

F. NIETZSCHE

ZARATHUSTRA ĐÃ NÓI NHƯ THẾ

«Đây là cuốn Phúc Âm thứ năm, theo lời Nietzsche, — là một quà tặng vĩ đại từ trước đến giờ gửi cho nhân loại. «Tác phẩm kết tinh tuyệt đỉnh thiên tài của Nietzsche.

SÁCH PHÁT HÀNH ĐÚNG HẠ TUẦN THÁNG 9 NĂM 1971

AN TIÊM XUẤT BẢN

ASPRO

trị:

CẢM CÚM
ĐAU NHỨC

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

PUC-TÂN-TRÍ

KN 226.BYT

Truyện của
HỒ NGHY TRIỀU

Thi hài số 95

Mặt trận phía tây thành phố Huế tạm yên thì gia đình tôi dồn về Thành-nội. Qua khỏi cửa Thượng-tứ, mẹ tôi òa lên khóc. Cảnh vật đã thay đổi hết. Trước mặt chúng tôi toàn là đổ nát Từng cơn rét buốt còn đuổi theo sau lưng. Mây chì nặng trĩu bao phủ xuống nội - thành tang tóc. Chúng tôi trở về như đi trên một vùng sau cơn địa-chấn.

Ngôi nhà tôi ở trên Thượng thành, bước lên những bậc tam cấp bằng đá xanh. Tôi sung sướng vô cùng khi được nhìn lại mái nhà thân yêu đầy ắp kỷ niệm êm đềm. Mẹ tôi mừng mừng tủi tủi khi đặt chân lên mảnh vườn nhà. Chị Phượng thì không dấu nổi sự xót xa khi nghĩ tới anh Ngữ, sự vắng bóng của một người chồng mới hôm nào còn đoàn tụ. Tôi nhìn quanh, những bức tường đã bị đục khoét cây cối ngã gục đầy vườn. Nơi hàng hiên, cái lồng chim vẫn còn treo đu đưa trong gió, nhưng con sáo của tôi nuôi đã chết, nó chỉ còn lại túm lông khô mắc cứng trên những song sắt rỉ rét.

Hơn một tháng trời trôi qua, lúc nào trí óc tôi cũng bị căng thẳng. Các tế bào trong cơ thể tôi như đã vỡ ra. Tôi bị ám ảnh bởi những kinh hoàng mà lần thứ nhất trong đời tôi bắt gặp. Cũng như chị Phượng, nhưng chị tôi nhờ khóc được, chính nước mắt đã giúp cho chị khuây khỏa được phần nào. Tôi thương chị Phượng hơn bao giờ hết vì chị là người trực tiếp chịu đau khổ hơn hết. Tôi đốt ánh sáng hy vọng cho chị tôi thấy thế nào rồi anh Ngữ cũng về. Anh là người làm ăn lương thiện, anh phải trở về. Nhưng ngày tháng vẫn lạnh lùng trôi qua. Hình ảnh anh tôi mỗi ngày một xa dần. Khi chúng tôi cuốn theo lớp người đi tản-cư thì chị Phượng coi như đã chịu nhường chồng lại cho hoàn cảnh. Chúng tôi tạm trú dưới hành lang trường Kiểu-mẫu hữu-ngạn sông Hương. Cùng với những người khác, chúng tôi sống trong những ngày dài giữa một thành phố cô kính gầm-thét lửa đạn. Ở bên nầy sông, nhìn về, trong màn mưa dày ảm đạm, những tia chớp lóe lên, những tiếng nổ chát chúa, những đám cháy và lúc nào cũng lộ ra một khoảng trời tối sầm sau bức tường cổ. Mẹ tôi không chiều nào khỏi nhìn qua sông, nhìn về hướng nhà cửa, mẹ tôi muốn về nhà ngay khi những cuộc giao tranh còn xảy ra ác-liệt dưới những cửa thành. Rồi mẹ tôi khóc khi thấy những xác chết trôi sông, khi thấy những người bị thương máu chảy đầm đìa được cõng qua ngoài đường. Đến khi trở về, công việc đầu tiên của mẹ tôi là đốt nhang cúng vái trước bức ảnh của cha tôi, làm được điều đó, mẹ tôi trở lại tĩnh táo hơn. Như lúc nầy chị tôi lại tỏ ra đau khổ hơn bao giờ, chị thường thức dậy nửa khuya khóc tức tưởi âm thầm một mình. Trong vườn tôi, độ nầy có một loài chim lạ thường hót về khuya, khi những giọt sương mùa xuân rơi

thánh thót trong vườn. Chị tôi nói, chắc loài chim ấy đến báo anh Ngữ đi không về. Tôi thì không muốn tin, cãi lời chị : không phải đâu, nó hót nghe êm tai lắm mà, nó không phải là loại q ạ, nó là chim của mùa xuân. Dù nói thế, nhưng tôi không làm sao khỏi nghe ớn lạnh, bởi vì tiếng hót ấy nổi lên ngay trong góc vườn, nơi có một nấm mồ vùi chôn kẻ vô-danh đã chết trong biến-cố. Trên trời có những vì sao lấp lánh ở thật xa. Đêm khuya sao không có một tiếng côn trùng nào kêu. Ban ngày, những cơn mưa đã tạnh hẳn. Thỉnh thoảng có những cơn nắng chợt đến, nhưng chỉ là những giọt nắng gầy và le-lói thôi.

Chị Phượng đêm nào cũng đốt đèn cầy, ngồi viết nhật ký :

« Ngày... Tháng... Năm...

« Anh Ngữ thân yêu,

« Thế là em đã trở về ngôi nhà cũ. Mẹ và các em đều còn sống để trở về đông đủ. Hôm nay trong nhà chỉ vắng mặt anh thôi. Vắng anh trong nhà thấy buồn bã vô cùng. Cho đến bây giờ, em mới thấy anh như mặt trời phải mọc trong niềm ẩm ướt, ánh sáng anh phải chiếu dọi trong căn nhà này.

« Em lúc nào cũng nhớ anh. Nhớ đôi mắt anh ngày bị bắt ra khỏi nhà. Đôi mắt đó cũng như hơi ấm anh lúc nào cũng ở lại với đời sống em. Ôi, suốt đời em làm sao quên được cái chiều mưa gió tả tơi ấy, em làm sao quên được cái giây phút bàn tay anh nắm lấy bàn tay em trước giờ ra đi. Hơi thở anh còn ở lại đây, quyện lấy cơ thể em, ở lại trong nhà này và trên những trang giấy giầy nữa. Anh ơi, người ta nói anh đi họp, đi học tập, sao đi mãi hôm nay chưa thấy về. Bây giờ anh ở đâu. Anh có còn mang chiếc áo len màu xanh nước biển của em đan cho anh hồi trước không? Trời rét căm căm càng làm cho em nhớ anh, nhớ anh đáo để. Đêm nào giấc ngủ cũng có mộng thấy anh trở về. Cầu Trời, Phật cho anh được bình-yên. Hôn anh».

« Ngày... Tháng... Năm...

« Anh yêu thương,

« Mai là ngày giỗ ba Năm nay mẹ lo đơn sơ trà nước. Mẹ nói hôm nào anh về sẽ lo cúng tổ-tiên một lần luôn. Hôm qua, em thức suốt đêm. Phần thì nhớ anh, nhớ chuỗi ngày êm đẹp đã đi qua. Phần thì lối xóm khóc nhiều quá, họ khóc suốt đêm. Họ nuối tiếc ngôi nhà đã sập đổ, họ đau đớn khi trở về nhìn thấy vườn tược tan hoang. Không có gia đình nào không có cảnh chia lìa. Họ không ngủ, khóc đầm đìa cho tới sáng. Em cùng thức với họ, cùng chịu chung số phận như họ. Hơi thở anh ở đâu đây nghe gần quá, như ngày nào anh và em ngồi dưới giàn hoa giấy, trên đầu chúng ta hoa nở đỏ ối và bầu trời xanh ngắt. Thôi em ngừng bút...»

« Ngày... Tháng... Năm...

« Hôm nay có nắng rồi. Nắng như một niềm vui đến. Nắng rực rỡ. Thiên hạ tấp nập dọn dẹp đường xá. Em cũng chờ một ngày đẹp trời để đề-nghị với anh một điều. Đó là đặt tên cho con

tương lai chúng tà. Chính lúc viết cho anh đây, nó cựa dữ dằn trong bụng em. Em đoán chắc là con trai vì nó thường cựa bên hông trái. Nếu anh không về kịp ngày em sinh con, thì em đặt tên cho nó là Vọng. Vọng là trông, nhớ. Tưởng nhớ đến anh lúc ở xa. Nó nhớ anh, em nhớ anh, cả gia đình nhớ anh. Nói vậy chứ em tin thế nào anh cũng trở về trước ngày em sinh, anh sẽ là người đem em đến nhà hộ-sinh nữa chứ. Thằng Vọng sẽ có khuôn mặt giống anh, anh phải là tấm gương trong-suốt cho nó soi. Phút chào đời của nó phải có anh, hơi thở anh, hình ảnh anh phải lùa vào mắt nó, phải tràn ngập đời sống nó Anh là nguồn sống của con. Anh phải trở về trước ngày con chào đời.

« Anh yêu,

« Suốt ngày hôm nay nắng đùa giỡn ngoài mái hiên, nắng lọt vào vách bị đạn đục thủng, nắng chiếu dọi khắp nơi trong nhà. Nắng đầy ngoài auròn Nắng làm cho em nhớ anh thêm. Nhớ những ngày chúng ta còn là đôi tình nhân với những chiều dìu nhau đi bên bờ sông tràn ngập ánh sáng. Nhớ những giọt nắng vang trên công viên lá xanh, bên những ghế đá, bên những cổ tích ngàn năm. Kỷ niệm đó mới hôm nào đây mà đã xa cách. Bây giờ anh ở đâu. Ở cõi nào ?»

« Ngày... Tháng... Năm...

« Anh,

« Chị Hoàng-Hoa đến thăm em mới về thì em viết cho anh đây Suốt buổi nói chuyện chỉ nhắc đến anh. Chị ấy bữa nay thật ốm-o tội nghiệp. Bác Xướng đã chết rồi. Bác bị kẻ lạ bắn hai phát đạn trúng ngay phổi. Xác bác chôn ngay giữa hai gốc vú sữa mà ngày trước thường hay vun xới. Bác là một người phu xe suốt đời tần tảo nuôi con. Tại sao người ta lại giết chết một người dân vô tội, hở anh ?

« Chị Hoa kể cho em nghe nhiều chuyện lắm. Chị được đi xem tất cả phố phường đổ nát. Chị còn đi lên cửa Chánh-tây, cửa An-hòa, chị còn thấy những xác chết nằm rải rác khắp nơi. Em thì ở nhà không dám đi đâu hết. Em sợ lắm, bước chân tới đâu cũng đụng phải cảnh hoang tàn, cũng dẫm lên thương đau. Lòng em bây giờ chẳng khác nào những cửa thành, dù đã sập đổ, lỡ lở cũng còn vương lên, vọng trông ngày người về. Mẹ bệnh mấy hôm nay, đêm nào mẹ cũng mê-sảng gọi tên anh. Còn em hễ chợp mắt là nhìn thấy anh, nhìn thấy rõ ràng hôm anh bị áp giải ra khỏi sân nhà, nhìn thấy đôi mắt anh ngoái lại.

« Thím Thượng đi Đạt đã chết. Bác Lụa, Bác Chung, anh Mẫu, anh Thi cũng đã chết. Trong liên gia mình cũng đã có 10 người chết. Trong phường thì nhiều lắm. Đa số là đàn bà con nít. Mới cách đây mấy tuần lại có thêm mấy người chết vì bị hỏa tiễn pháo kích. Có người lại chết vì lúc đi lộ đội giải phóng còn gài mìn, lực đạn lại trong vườn, trong nhà nữa. Em chưa bao giờ nghĩ tới một ngày phải chứng kiến sự tàn bạo như thế. Em thấy bị lạc loài giữa một cõi sa mạc hơn bao giờ hết. Em chỉ còn một chiếc phao, đó là anh. Ngọn hải đăng cuối cùng em phải bơi tới. Anh phải trở về. Đừng để cho em phải ở trong chiếc lồng cô độc, có ngày em sẽ như con sáo kia, nghe anh ...»

Ngày . . . Tháng . . . Năm . . .

« *Anh thân yêu,*

« *Sáng nay em hái một bình hoa cắm trên bàn gần tấm hình của anh. Các trường học đã mở cửa. Thế là anh không về kịp. Bọn học trò của anh chắc là trông anh lắm . . .* »

Viết đến đây thì chị tôi nghe mọi người xôn xao về vụ đào được xác chết ở trường trung học Gia-hội, chùa Sư-áo-vàng và Bãi-dâu. Chị tôi bỏ viết xuống, ngồi bất động như một pho tượng. Đôi mắt ràn rụa, nhìn đăm đăm chân trời phía trước. Mẹ tôi buông lời :

— Thôi rồi, họ chôn hết có chừa ai đâu.

Tôi cầm tay mẹ tôi cố an ủi :

— Nhưng anh Ngữ không chết đâu mẹ ạ.

Chị Phượng bỗng vui mừng cầm lấy tay tôi, bàn tay chị mồ hôi ướt đẫm :

— Phải, em của chị nói đúng. Anh Ngữ phải về để bồng thằng Vọng, anh Ngữ sẽ sống mãi . . .

Chúng tôi nhìn nhau. Nguồn hy-vọng như ngọn đèn loé lên giữa trời bão tấp. Và năm tháng thì trôi qua. Mặt trời mỗi ngày le lói trên đầu. Có những cánh chim bay về ngủ đậu trong vườn tôi. Mùa hè đã đến. Mấy cành phượng ven thành đã đơm bông đỏ thắm. Thời gian mãi hoài trôi qua. Anh tôi chỉ còn là một điểm sáng trong cõi ước mơ.

oOo

Trời nắng như thiêu đốt. Bầu trời không có một đám mây. Từng cơn gió Nam quét qua bỏ lại sự trống trải trên cánh đồng hoang. Bên kia chân trời bị nong rộng thêm ra, xa tắp, làm mờ nhạt những cụm núi đá. Xa xa dòng sông nước rút cạn. Lúc nào nó cũng đơn độc, như bị tách rời ra khỏi khối đất liền, lúc nào nó cũng mang một nỗi bơ vơ như lạc loài từ đâu đến. Đoàn xe nhà binh sáu chiếc chở đầy người, chạy qua con đường đá bụi bặm. Khởi hành từ chi-khu Phú-vang lúc sáng sớm qua khỏi trạng cát Diên đại mặt trời mới nhú lên. Mẹ tôi, chị Phượng và tôi cùng ngồi trên một chiếc xe chạy trước hết. Ngồi cạnh chúng tôi có cả bác Hải, chú Phúc, dì Thọ, con Thu-Hồng và con Tuyết nữa. Chung quanh tôi, hiện ra những khuôn

Người Phú-yên không thể không đến :

Quán báo ĐỒNG-DAO

284, Trần Hưng Đạo — Tuy Hòa

☐ đầy đủ các loại báo xuất bản tại Việt Nam

☐ văn phòng đại diện nhiều nhật báo, tuần báo, tạp chí tại Thủ đô.

☐ được chăm sóc bởi : TRẦN HUIỀN ÂN, NGÔ THẠCH ỦNG, PHẠM CAO HOÀNG, PHAN LONG CÔN, HOÀNG ĐÌNH HUY QUAN.

mặt ngơ ngác, họ như đi trên cõi hoang-vu hay đi trên một vùng tro-than đỏ n.t. Họ là những người đi tìm kiếm những gì đã mất. Từng cuống bụi lớn cuốn theo phả lên một bức tường bụi dày.

Đoàn xe dừng lại, đổ người xuống trên một bãi cát rộng. Ở đây đã có những người lính nghĩa-quân cầm súng ngồi rải rác. Ủy ban-tìm-kiếm thi-hài nạn-nhân-biến-cố-Mậu-thân đã làm việc từ sáng tinh sương. Họ đã khai-quật và cắm dùi trên những vùng đất có chôn người.

Đây là bãi cát Lương-viện, nơi cuộc hành quân Lê-Lợi của Tiểu-khu đã khám phá ra những hầm chôn tập thể. Những xác chết được đào lên từ những hầm chỉ phủ bởi một lớp cát mỏng. Có nơi cỏ đã mọc từng cụm cao.

Tôi chen vào giữa đám đông để xem người ta đào xác lên. Những xác chết thối mục, hôi hám được nhận dạng tỉ-mỉ và gói vào từng bọc ny lông có ghi số thứ tự. Những bàn tay bọc găng của người đàn xác lúc nào cũng lục lọi tìm kiếm di-vật trong đống thịt xương rã rời của nạn nhân. Mùi hôi nồng nặc xỏa ngập cả trạng cát, mặc dầu trong tay chúng tôi lúc nào cũng có ve dầu-nhị-thiên-đường nhưng vẫn không sao khỏi thấy nôn mửa. Chi Phượng không dám nhìn những xác chết một cách kỳ dị ấy. Tâm trạng chị rối bời, đi tìm xác chồng nhưng không muốn phải tìm ra xác chồng.

Cuộc khai quật diễn tiến cho đến chiều tối. Hết hầm này đến hầm khác. Có hầm, từng chuỗi người bị cột chặt với nhau trước khi chôn, có người bị đập vỡ sọ, gãy tay chân hay chặt cụt đầu. Tôi cố nhìn, mở trừng đôi mắt cố nhìn. Nhưng tôi không thấy gì được cả. Chung quanh tôi chỉ toàn là ảo-ảnh. Tôi bị choáng ngợp trước những bi-thảm của cuộc đời. Tôi làm sao tìm được hình-hài anh tôi trong đám đầu lâu, xác thịt rữa nát ấy. Tôi làm sao nhận ra được anh tôi khi tay chân bủn rủn, mồ hôi ướt vã. Anh Ngữ ơi! Em không thể gặp anh ở chốn nầy. Đây là địa-ngục, đây là hố thẳm làm sao em gặp anh ở đây. Lời nói tôi nhạt nhòa trong tiếng khóc của người khác. Thím Xuân tìm ra xác chú nhờ bộ răng vàng. Dì Thọ thì ôm mãi bọc xương anh Tâm khóc than: « Con ơi, họ nói con đi học tập, đi cải huấn... Sao hôm nay con nằm đây, con ơi con ơi! » Chị Phượng mồ hôi trán chảy đầm đìa. Chị lắng tai nghe tiếng người như từ lòng đất xa thẳm vọng lên. Chi lắng tai nghe những trái tim người đang đập, từng nhịp đập rã rời. Đâu đây, giữa cõi sa mạc lầm-than, tôi vẳng nghe tiếng nói của một loài sinh vật khác, tiếng kêu gào của thế giới khác. Không, anh tôi không chết. Anh tôi là người dân làm ăn lương thiện. Sớm muộn gì anh cũng phải trở về. Anh phải trở về trước ngày chị Phượng sinh con đầu lòng.

Khi sắp sửa lên xe trở về, bác Hải vuốt cát trên mặt:

— Cái điệu nầy khó mà tìm cho được.

Mẹ tôi thất vọng:

— Thiên hạ đi thì mình cũng đi cho hết tình với con.

Chị Phượng không nói gì, khi xe chạy đã xa, chị còn nhìn lại bãi cát

Lương-viện trắng phau. Ở đó, bây giờ có những cánh chim nhỏ bay vút lên cao và chìm trong bóng nắng.

Suốt trên đường trở lại đoàn xe chạy chậm chạp hơn lúc đi, trên xe chở chở theo hàng chục bọc xương người. Tôi ngồi nhìn ra cánh đồng cỏ hoang cao, dòng sông trắng và những cụm núi tím ở xa. Trong trí tôi lúc đó hiện ra những ngày xuân tàn tạ, những con đường phố lở lói với những đám mây chì nặng chĩu trên bầu trời. Tôi nghĩ tới những chặn đường đầy người đi theo đám tang tập thể với những bà mẹ đu theo những chiếc xe chở đầy quan tài, những người góa bụa ngồi trên sàn xe ôm cứng từng bọc ny-lông đựng xương người. Tôi nghĩ tới trường Nam-ngọc, nơi trú ngụ đầu tiên của hàng trăm xác người mới khai quật, nghĩ tới đến Nam. giao, dốc Ba-vành và những huyệt nằm song song trên đồi thông cằn-cỗi

Bóng chiều đi qua. Chúng tôi trở về khi hoàng hôn đã ngập những những con đường trong nội-thành. Khi bước chân lên những bậc tam cấp, tôi chợt thấy vườn nhà tôi hoa thọ nở vàng ối. Chiếc lồng chim trống còn treo lủng lẳng bên hiên nhà.

oOo

Vào một ngày mùa đông. Trong gia đình tôi ngồi bên bếp sưởi, lắng tai nghe bản tin do ty Thông tin đọc trên đài vô tuyến :

« Huế đau thương Huế ngậm ngùi thương tiếc hàng ngàn đồng bào thân yêu, vô tội phút chốc phải chết oan uổng do sự phỉnh gạt, hiếu sát dã man của bọn Cộng sản.

« Huế nghẹn ngào tức tưởi khi phải chứng kiến hàng trăm thi thể rã mục được tìm thấy trong những ngày qua tại Vân-thê, Đông sơn, Vĩnh-lưu, Lương-viện và mới đây tại khe Đá-mài vùng thâm sơn Nam hòa, giữa chốn Sơn lâm heo hút.

« Nỗi kinh hoàng thảm khốc chưa nguôi trong lòng người Cố đô thì có dịp dấy lên, khơi động niềm thương, tuyến tiếc một lần nữa khi lại hứng kiến hàng trăm thi thể bị Cộng quân chém đầu, đánh đập rồi chôn sống vội vàng ở động cát Vĩnh-lưu.

Nước mắt mẹ tôi đoanh tròng. Chị tôi trong những ngày chờ sinh nở, mệt mỏi ngồi một mình nơi cửa sổ. nhìn bức tường thành rêu phủ, nét mặt chị xanh xao, thảm đạm. Bên ngoài hàng cây sấu đông trơ trọi. Nơi đây, ngày xưa anh Ngữ thường ngồi với chị, hai người cùng nhìn bầu trời bát ngát và dòng sông Hương xanh dâng lên như niềm ước vọng cho một tương lai đẹp đẽ. Ngày đó những cây sấu đông nầy hòa đầy hoa trắng xóa.

Sáng hôm sau, bản tin đặc biệt lại được đài phát thanh truyền đi một lần nữa. Lúc ấy chị Phượng đã sinh một đứa bé trai. Tiếng khóc của nó o-oe trộn lẫn với tiếng xướng - ngôn - viên trong máy :

« Thi hài số 3 : Đàn ông. hai hàm răng trắng đều, quàng foular kiểu lông cừu, trong túi có chuỗi hạt Công giáo.

« Thi hài số 5 : Đán ông, hai hàm răng trắng đều, mặc áo len màu nâu, tay ngắn

« Thi hài số 14 : Đàn ông, áo pyjama màu mỡ gà, viền xanh, không có đầu.

« Thi hài số 23 : Đàn bà, hai hàm răng đen, hàm dưới bị đập vỡ. Mặc áo dài màu vàng, quần Mỹ-á, xương cánh tay gãy.

«Thi hài số 47 : Đàn ông, tóc bạc hoa râm, trong cổ có đeo tượng Phật quan-âm, trong túi áo có giấy nhòa đọc không rõ.

Tiếng đứa bé khóc thét lên cùng tiếng ru à-ời của mẹ tôi trong buồng. Xướng ngôn viên đọc tiếp :

« Thi hài số 70 : Đàn ông, kiểm tra tên Phan-Phúc, nghề nghiệp làm ruộng. Có người nhận xác.

«Thi hài số 84 : Phan văn Bé. 14 tuổi học sinh trường Bán công. Có thân nhân nhận.

« Thi hài số 95 : Đàn ông, sọ vỡ, mặc áo len mà u xanh nước biển. Quần tergal đen. Trong túi có cây viết khắc chữ N.P.

Tiếng chị tôi ở trong vọng ra t ản thốt : Thôi rồi, mẹ ơ , con ơi ! Thi hài số 95... số 95...

Tiếng mẹ tôi uất nghẹn : không phải thằng Ngữ đâu con ơi, chán chi người mặc áo len, có cây viết. Trí óc tôi bỗng tối sầm lại. Tôi không thấy gì nữa nhưng tai tôi nghe hết. Âm thanh từ đâu vọng lại rộn rã trong cõi trống không. Tiếng chi Phượng thở. Tiếng đứa bé cháu tôi khóc và sau đó tiếng cửa mở và tiếng bước chân mẹ tôi tới gần. Mẹ tôi sập lạy trước bàn thờ, khấn v i những gì tôi không nghe rõ. Tôi lảo đảo đứng dậy. Mặt đất quây tròn. Tôi cố vịn từng cột nhà để vô buồng chị Ph rợng nằm, lúc đó chị tôi nằm rũ rượi bên đứa bé mới sinh đã hết thở. Tôi đặt tay lên tấm ngực nhỏ bé của nó rồi bưng mặt chạy ra ngoài.

oOo

Thi hài số 95. Đúng là anh tôi. Cho đến lúc đứng trước gói ny-long bọc nắm xương đơn độc đó, tôi mới tin là anh tôi không bao giờ trở về nữa. Chị tôi đã sinh con, mặc dù đứa bé chỉ một khoảnh khắc gởi chút sống phù du trên cõi đời nầy, nhưng tôi yêu nó, như đã từng ẵm nó trên tay. Tôi gào thét lên, ngoài trời mây vẫn trôi lênh đênh trên những cây sầu đông chưa mọc lá:

Cháu ơi ! Cháu ơi ! Cháu Hy-Vọng ơi !

HỒ NGHY TRIỀU

1971

Tìm đọc :

TRÁI TIM CÒN LẠI

thi phẩm đầu tay của HOÀNG LỘC

(giải Thi-Ca Văn-Bút Việt-Nam 1970)

— Tập thơ của tuổi trẻ thiếu vắng tình người
— Kỷ niệm mơ hồ về một quê hương đã cháy.

mẫu bìa : Trịnh-Cung, phụ bản : Lê-Chánh

QUẾ - LINH xuất - bản

HIỆU THUỐC THƠM
VIRGINIA NỔI TIẾNG
NHỜ...
ĐẬU LỌC

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — Sài-gòn
Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG

có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette) màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện
Số : 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

Thời sự thế giới

TƯ TRÍ

Trong những tuần vừa qua thế giới đã có nhiều biến chuyển dồn dập. Dư luận thế giới đã được nhiều dịp bàn tán sôi nổi :

Tại Liên-Hiệp-Quốc, Đại Hội-đồng đã nhóm họp kỳ thứ 26 và đang vật lộn với vấn đề gia nhập của Trung Cộng. Tại Hoa-thịnh-đốn trước hội-nghị Quĩ Tiền-tệ Thế-giới, qui tụ 118 quốc gia, Hoa-kỳ đã ngồi ghế bị cáo về tội phá hoại nền thương-mại quốc-tế. Trong khi đó Nhật bắt đầu mở cuộc tấn công kinh tế sang Âu-châu và Trung-Cộng đóng cửa phòng ngừa chính-biến.

Đại Hội-đồng Liên-Hiệp-Quốc kỳ thứ 26 :

Đại Hội-đồng Liên-Hiệp-Quốc thứ 26 đã được triệu tập trong một bầu không-khí mới mẻ hơn thường lệ. Người ta thấy rằng năm nay Đại Hội-đồng sẽ phải giải quyết nhiều vấn-đề quan trọng. Nếu các vấn-đề này được giải quyết thỏa đáng thì khóa 26 của Đại Hội-đồng sẽ đánh dấu lịch sử thế-giới bằng một công-trình đáng kể cho nhân loại.

Thật vậy, năm 1971 Đại Hội-đồng phải giải-quyết hai vấn-đề quan trọng nhất là cho Trung-Cộng gia nhập Liên-Hiệp-Quốc và cử người thay thế Tổng Thư-ký U Thant.

Ngay trong bài diễn-văn khai-mạc, ông Thant đã loan báo ý định không ra ứng cử Tổng Thư-ký Liên-Hiệp-Quốc thêm một nhiệm kỳ nữa. Trong gần 10 năm giữ nhiệm vụ quan trọng này, ông Thant đã thấy tổ-chức hoàn toàn tỏ ra bất-lực không giải-quyết được các cuộc chiến-tranh địa-phương cũng như không tiến thêm được một bước nào trên con đường hợp tác quốc-tế. Ông Thant muốn rằng sự rút lui của ông sẽ như tiếng chuông cảnh tỉnh các đại-cường có trách nhiệm điều khiển Tổ-chức để họ tỏ thiện-chí hơn lên.

Việc thay ông Thant sẽ gặp nhiều khó-khăn. Vì trong tình trạng hiện thời của Liên-Hiệp-Quốc người ta khó có thể tìm thấy được một nhân vật có thiện cảm của toàn thể các quốc-gia hội-viên hay ít nhất của đa số các quốc-gia này mà vẫn giữ được một thái-độ vô-tư. Chính ông Thant, trong những năm qua, đã không có một thái-độ hoàn-toàn độc-lập đối với phe Đệ-tam thế-giới thiên-tả. Là công dân của một Miến-điện thiên Cộng ông Thant không thoát khỏi sự chi phối của đường lối chính trị của nước ông.

Vấn đề trọng đại thứ hai là việc Trung-Cộng gia nhập Liên-Hiệp-Quốc. Sau hơn 20 năm cố gắng chặn đường Trung-Cộng, Hoa-kỳ đột nhiên đổi thái độ để cùng với Phi-luật-tân, Úc, Tân-tây-lan và Nhật bảo trợ một quyết nghị cho Trung-Cộng được gia nhập Liên-Hiệp-Quốc, với tư cách là một cường-quốc. Như thế có nghĩa là Trung-Cộng sẽ có chân không những tại Đại Hội-đồng mà còn tại Hội-đồng Bảo-an. Quyết nghị của Mỹ còn đòi cho Đài-loan tiếp-tục là hội-viên, nhưng không có chân trong Hội-đồng Bảo-an.

Quan-điểm của Mỹ đã bị nhiều phe chống đối. Trước hết là Trung-Cộng không chấp-nhận chính sách « Hai nước Trung-hoa. au Trung-Cộng là Đài-loan cũng phản đối không chịu ở lại Liên-Hiệp-Quốc với điều kiện nhục nhã

như vậy. Ngay cả Anh, một đồng-minh trung thành của Mỹ, cũng tuyên bố không ủng hộ Mỹ vì như vậy « trái với hiến-chương Liên-Hiệp Quốc. »

Đồng thời phe ủng-hộ Trung-Cộng cũng phản công lại sáng-kiến của Mỹ bằng cách đưa ra quyết-nghị, do Albanie bảo trợ, đòi trục xuất Đài-loan. Đại Hội đồng Liên Hiệp-Quốc đã quyết-định ghi cả hai quyết-nghị vào chương-trình nghị sự. Vấn-đề đại-diện của Trung-hoa, nếu được giải quyết trong khóa này, thì người ta sẽ có thể đi tới giải pháp cho gia nhập Liên-Hiệp-Quốc các quốc gia bị chia cắt như Đức, Triều-tiên và Việt-nam. Cả ông Thant lẫn ông Adam Malik, Tân Chủ tịch Đại Hội đồng đã cùng chủ-trương để tất cả các quốc-gia bị chia cắt gia-nhập Liên-Hiệp-Quốc. Khóa 26 của Đại Hội-đồng Liên-Hiệp-Quốc có nhiều hy vọng đưa mọi quốc gia đến sự sống chung hòa bình trong khuôn khổ tổ chức thế giới.

Hội-nghị Quĩ Tiền-tệ Thế-giới

Các khó khăn tiền-tệ của Hoa-kỳ đã được chia ra bàn cãi sâu rộng trước hội-nghị của Quĩ Tiền-tệ thế giới. Kế-hoạch ổn định do ông Nixon ban hành ngày 15-8 đã bị các nước Âu-châu và Nhật đua nhau đả kích. Trước hội-nghị này, đồng Mỹ-kim đã không còn được coi là một loại tiền-tệ quốc-tế.

Ông John Connally, Bộ-trưởng Tài-chánh của Hoa-kỳ yêu cầu các nước Âu-châu và Nhật yểm trợ những nỗ lực ổn định của Hoa-kỳ bằng cách để cho hàng Mỹ nhập cảng dễ dãi vào nước họ, tăng giá tiền tệ của họ, và chia sẻ gánh nặng quân sự với Hoa-kỳ trên thế-giới. Nhưng đồng thời Ông Connally tuyên bố là khoản thuế phụ thu 10% đánh vào hàng nhập - cảng vào Hoa-kỳ sẽ không bị hủy bỏ. Lập trường của Hoa-kỳ khiến cho các quốc gia Âu-châu và Nhật hết sức phẫn nộ, Nhưng dù phẫn nộ, các quốc-gia này vẫn bắt buộc phải tìm cách giúp đỡ Hoa-kỳ vì khủng hoảng tại Hoa- kỳ nếu không ngăn chặn được kịp thời sẽ đưa tới sự sụp đổ của cả hệ thống tư-bản trên thế-giới.

Trong khi chờ đợi một giải pháp quốc-tế cho việc thanh toán những món nợ giữa các quốc-gia bằng cách ấn-hành một loại tiền chung cho thế-giới, nhóm 10 quốc gia lớn nhất của Quĩ Tiền-tệ Quốc-tế đã tuyên-bố sẵn-sàng ủng-hộ Hoa-kỳ bằng cách tăng giá tiền-tệ của họ với điều-kiện là Hoa-kỳ phải tăng giá vàng (tính bằng Mỹ-kim) từ 5 đến 10%. Nhóm 10 quốc-gia cường thịnh nhất đã đi tới thỏa thuận duy nhất là tiếp-tục thương - thuyết tại Paris vào giữa tháng 10.

Cuộc du hành Âu-châu của Nhật-hoàng

Nhật-hoàng Hiro Hito và Nhật hậu Nagako viếng thăm 7 quốc gia Âu châu đã là một sự kiện không-tiền khoáng-hậu trong lịch-sử Nhật. Thật vậy, từ xưa tới nay người ta chưa từng thấy một vị vua Nhật nào ra khỏi lãnh-thổ nước này. Năm 1901 Hiro Hito đã sang Âu châu, nhưng lúc đó ông chỉ mới là Đông-cung Thái-tử và vì cuộc du hành năm 1901 mà nhiều vị đại-thần trong triều-đình Đông-kinh đã mổ bụng để phản-đối.

Tuy trước khi sang Âu-châu, Nhật hoàng có ghé tiểu-bang Alaska của Hoa-kỳ và gặp Tổng-thống Nixon nhưng cuộc ghé thăm Alaska chỉ được thêm vào phút chót để giải-tỏa những bất hòa hiện thời giữa Hoa-kỳ và Nhật mà thôi. Mục-tiêu chính của cuộc du-hành này là Âu-châu. Chuyến đi của Nhật-hoàng Hiro Hito mở đầu cho chính-sách tấn-công kinh-tế của Nhật về phía Âu-châu. Thật vậy, chính-sách kinh-tế của Tổng-thống Nixon đã đe dọa thị-trường của Nhật ở Hoa-kỳ. Mất thị-trường Mỹ, Nhật muốn lấy thị-trường Âu-châu.

Tuy hiện-thời Âu-châu chỉ mới tiêu-thụ khoảng 17% số hàng nhập-cảng của Nhật (trong khi Hoa-kỳ tiêu-thụ tới 30%), và mỗi người Âu-châu trung-bình mỗi năm bỏ ra từ 2,5 tới 9 Mỹ-kim để mua hàng Nhật (người Hoa-kỳ tiêu tới 29 Mỹ-kim) nhưng Nhật vẫn hy vọng xâm nhập vào thị-trường Âu-châu. Tuy chưa được Âu-châu vui vẻ đón nhận, hàng Nhật đã cạnh tranh gắt gao với hàng Âu-châu tại Nam-Mỹ, Úc, Tân-tây-lan và Gia-nã-đại. Tuy thuộc Liên-Hiệp-Anh, nhưng Úc, Gia-nã-đại và Tàn-tây-lan đã bỏ Anh và trở thành khách hàng lớn của Nhật.

Vì vậy mà Nhật-hoàng Hiro-Hito, tuy được đón tiếp trọng thể, nhưng chưa chắc chuyến đi này đã mang lại nhiều kết quả mong muốn hơn chuyến đi của Thái-tử Hiro-Hito cách đây 50 năm. Thật vậy, năm 1901, Triều-đình Đông-kinh gửi Hiro-Hito sang để xin Anh tiếp-tục duy-trì minh-ước Nhật-Anh, nhưng Thái-tử đã thất-bại vì quá nhút nhát và Anh đã từ chối không chịu duy-trì hiệp-ước. Lần này Nhật-hoàng chắc cũng lại khó thành công vì Âu-châu đang muốn bảo-vệ quyền-lợi của mình.

Những biến chuyển tại Trung-Cộng

Trong những ngày qua, Trung-Cộng lại được mọi người đặc biệt chú ý. Thật vậy, chính-phủ Bắc-kinh đột nhiên hủy bỏ cuộc diễn-hành vĩ-đại tại Thiên-an-môn được dự-trù để kỷ-niệm ngày Cách-mạng thành-công thứ 22. Bữa tiệc do Thủ-tướng Chu-Ân-Lai khoản đãi các nhân-vật cao cấp Trung-hoa và ngoại-quốc cũng được thay thế bằng một cuộc tiếp tân nhỏ ở Bộ Ngoại-giao. Tới ngày Quốc-khánh người ta thấy các nhân-vật của Trung-ương Đảng cũng biến mất. Và sau cùng các phi-cơ bị cấm không được cất cánh.

Dư-luận thế-giới đã xôn xao bàn tán. Hãng Thông-tấn Pháp loan tin rằng Mao-Trạch-Đông bị đau tim nặng gần chết và Mỹ đã gửi 2 bác-sĩ chuyên môn về tim sang Bắc-kinh.

Sự thật thì Mao vẫn còn sống. Hoàng-đế Hailé Sélassié xứ Ethiopie đã được Mao-Trạch-Đông vui vẻ, « khỏe mạnh » tiếp kiến. Nhưng dư-luận thế-giới vẫn không ngớt đưa ra các giả-thuyết. Người ta cho rằng có lẽ phong-trào lật đổ họ Mao đang bùng nổ khiến cho chính-quyền Bắc-kinh phải lo ngại và chuẩn bị đối phó. Tin này lại càng được lưu ý khi người ta được biết có tin Lưu-Thiếu-Kỳ đã trốn sang Mạc-tư-khoa.

Những dự đoán này đã không làm nản lòng nhà cầm quyền Mỹ. Tổng-thống Nixón tiếp-tục tính chuyện đi Bắc-kinh và đi sớm hơn dự-định. Cố vấn Kissinger sẽ trở lại Bắc-kinh vào cuối tháng 10 để chuẩn bị cho cuộc du hành nầy.

TỪ TRÌ

Một phương pháp ngừa thai mới :

Tòa thánh La-mã chỉ cho phép tín đồ Thiên-Chúa giáo được xử dụng phương-pháp Ogino-Knaus trong việc ngừa thai. Các phương pháp khác như thuốc viên, đặt vòng xoắn, màng ngăn đều bị Giáo-hội ngăn cấm. Lẽ dĩ nhiên sự phá thai, một hình thức tích cực nhất của sự ngăn ngừa sanh đẻ, mà hiện nay tại một vài tiểu bang ở Hoa-kỳ đã được hợp thức hóa, bị tuyệt đối cấm đoán. Như thế những gia đình Công giáo sẽ gặp phải một vài khó khăn trong cuộc sống của họ ở thời buổi này.

Ogino-Knaus là phương pháp ngừa thai gần tự nhiên nhất. Không có một cản trở nhân tạo nào xen vào giữa sự gần gũi thiêng liêng giữa người đàn ông và đàn bà. Tất nhiên nó cũng được phát minh ra từ những hiểu biết của khoa-học về sinh-lý của con người : Người đàn bà chỉ có thể thụ thai nếu gần người đàn ông vào những thời kỳ gần ngày trứng rụng. Ngoài khoảng thời gian đó ra, đời sống tình dục sẽ được «an toàn». Ogino - Knaus là phương pháp chỉ cách tính ra những ngày cấm kỵ đó.

Nhưng Ogino-Knaus không phải là một phương pháp bảo đảm. Theo các bản thống kê thì trong 10 người dùng phương-pháp này chỉ có 6 người được kết-quả như ý muốn. Như thế kết-quả được 60%. Hai nhà bác học Hoa kỳ ở Viện Khảo cứu Weston, thuộc Ottawa, tiểu bang Illinois, là bác sĩ Raymond O. Foster và William F. Busse đã phát minh ra cách hoàn-hảo-hóa phương-pháp này. Theo đó thì họ cho rằng số lượng phân-hóa-tố phốt-phát-kiềm (phosphatase alkaline) sẽ đột ngột tăng lên trong nước miếng người đàn bà trong một thời gian ngắn trước kỳ trứng rụng. Một tờ giấy mỏng có tẩm rượu quỳ sẽ được dùng để thử nồng độ của chất phốt-phát-kiềm trong nước miếng. Đặt tờ giấy vào miệng chừng vài phút, nếu nồng-độ chất này tăng lên đủ mạnh sẽ biến màu rượu quỳ thành màu xanh. Màu xanh chứng tỏ người đàn bà đang ở thời-kỳ tiền-kinh nguyệt và mọi sự gần gũi đều nên tránh. Theo cuộc thí nghiệm của nhà sản-phụ-khoa Lorincz trên 700 người đàn bà, thì kết quả lên tới 80%. Thông thường tờ giấy thử sẽ có màu xanh chừng 2 tới 3 ngày trước ngày trứng rụng và tiếp tục giữ màu trong những ngày còn lại của kinh kỳ. Bác-sĩ Lorincz khuyên muốn ngừa thai thì sự tiếp-xúc giữa vợ chồng phải bị gián-đoạn trong khoảng thời-gian từ 7 tới 10 ngày sau khi tờ giấy đổi màu lần đầu tiên.

Màu xanh ở đây có nghĩa là bật đèn... đỏ!

Mẫu đá quý

Việc thích-thú nhất của phi-hành-gia Scott trong chuyến bay Apollo 15 vừa qua là nhặt được một viên đá quý Nỗi vui mừng của Scott làm ông sững sờ khi mắt vừa chạm tới viên đá. Ông tâm sự là đã có cái cảm tưởng

cục đá được an-bài nằm ở đó để chờ ông. Trong lần đánh giá đầu tiên, ông đã đoán đúng đó là loại đá Anorthosite, một loại đá kết-tinh được tạo thành từ những lớp bụi đầu tiên của nguyệt-cầu. Như thế là nó cao tuổi ngang với Thái-dương-hệ. Ông đã gán cho nó cái danh-hiệu danh-dự là « Viên đá khai-nguyên ». Trong vòng vài tuần lễ nữa, tuổi của nó sẽ được xác-định và loài người sẽ biết được tuổi thọ thật sự của chị Hằng.

Những tài-liệu do Apollo 15 mang về không chỉ gồm có đất đá mà còn ở 1.400 bức hình chụp bề mặt Nguyệt cầu. Nhà chuyên-môn Leon Silver đã nhờ đó mà xác-định rằng rặng núi Apennine là do sự va-chạm của vẫn-thạch khi tạo nên vùng lõm Biển Mưa. Trước Apollo 15 đó là một giả-thuyết, sau Apollo 15 nó thành một sự thật.

Nhà bác-học Isidore Adler của Trung tâm Goddard cũng cố-gắng giải-thích sự thay-đổi của trọng tường Nguyệt-cầu. Theo ông sự thay đổi này bắt nguồn từ sự bất đồng nhất trong cách cấu-tạo các lớp đất ở phía dưới bề mặt Nguyệt-cầu.

Riêng Scott, ông đã tỏ ra rất thích-thú về những điều mình đã thâu-lượm được trong chuyến bay Apollo 15. Ông nói những khám phá của các chuyến bay như vậy là vô-giá, và không ngần-ngại đề-nghị nên tái-lập các chuyến bay Apollo 18 và 19 trước đó đã dự-định bãi bỏ. Ông tiếc rẻ vì ông không phải là một nhà địa-chất-học chuyên-môn, nếu không công cuộc sưu tầm đất đá sẽ có giá-trị hơn nhiều.

NASA đã để ý đến lời khuyên đó và vào năm 1972, trong chuyến bay Apollo 17, họ sẽ gởi nhà địa-chất-học Harrison Schmitt, một tiến-sĩ về ngành này, lên tận Nguyệt-cầu nghiên-cứu.

Một tia sáng về tuổi già

Mọi người đều chấp-nhận tuổi già như một cái gì tự nhiên, không tránh khỏi. Người ta sinh ra, lớn lên, rồi hoại dần để trở thành già cả. Già cả là giai đoạn chót của một đời người.

Nhưng khoa-học lại không chịu chấp nhận một quan-niệm giản-dị như vậy. Họ tự hỏi tuổi già thực sự là cái gì, có những biến đổi sinh-lý nào trong con người để đến nỗi phải đi dần đến cái chết. Các nhà bác-học muốn coi tuổi già như một bệnh tật và một bệnh tài phải có cách chữa trị. Họ không coi đó là lẽ tự nhiên, và họ tìm cách trị bệnh già.

Tuổi già bắt đầu với sự suy-yếu của thể-xác, và sự lú lẫn của trí óc. Sự lú lẫn này bắt nguồn từ sự hủy-hoại các tế-bào não do số-lượng máu nuôi dưỡng lên óc bị giảm đi. Bác sĩ Carl Eisdorfer, một nhà chuyênmôn về khoa tâm-linh-học đã làm một cuộc khảocứu đầu tiên về tuổi già. Trong số 202 người vừa đàn ông vừa đàn bà có tuổi từ 60—70, ông chia làm 3 nhóm : nhóm có huyết-áp bình thường, nhóm có huyết-áp cao và nhóm có huyết-áp hơi vượt quá mức bình thường một chút. Sau 10 năm, Eisdorfer

nhận thấy nhóm đầu tiên mức độ sáng suốt của trí óc vẫn như cũ, nhóm thứ hai bị giảm sút và trái lại nhóm thứ ba trở nên minh mẫn hơn Ông kết luận rằng người có tuổi, áp-suất máu phải tăng lên đôi chút để duy trì đầy đủ số lượng máu nuôi dưỡng lên não. Tuy nhiên áp suất này không được quá cao. Quá tuổi 75, mặt dầu cho huyết-áp lên cao, nó vẫn không đủ sức bù lại sự hư hao của sự biến dưỡng của bộ máy tuần hoàn và hô hấp..., nên lượng máu tới não vẫn bị giảm sút.

Trong hiện thời, bác sĩ Carl Eisdorfer chưa đưa ra một phương thuốc thần diệu nào để trị bệnh già, nhưng ông đã soi sáng phần nào cái tuổi già bí ẩn và đáng sợ. Chúng ta vẫn có quyền hy vọng một ngày nào đó con cháu chúng ta sẽ... lột da để sống đời như loài rắn.

TỬ DIỆP

Một cụ già bốn cô con gái

25 tháng 10 này, họa sĩ Picasso vừa chẵn 90 tuổi.

Nhân dịp kỷ niệm sinh nhật của nhà danh họa, hí viện, Open Space ở Luân-đôn trình diễn một vở kịch do chính Picasso viết ra từ 22 năm nay mà chưa được diễn lần nào.

Kịch nhan đề : *Bốn cô con gái*. Kịch cũng kỳ cục như tranh của tác giả : Bốn cô gái lớn lên thành ra bốn người đàn ông, rồi đến già lại hóa ra bốn bà lão !

Sách và ti-vi

Ở Âu-châu người ta vừa để ý đến sự phối hợp hốt bạc giữa ti-vi và xuất bản.

Một số nhà xuất bản nhận thấy có nhiều truyện khá xoàng, bình thường chẳng tiêu thụ được mấy, nhưng một khi được đưa lên màn ảnh ti-vi thì lập tức được quần chúng chiếu cố ào ào. Chiếu cố chẳng lâu mấy, trong vòng trên dưới một tháng thôi : nhưng chừng đó cũng đủ đem lại một mối lợi đáng kể. *Forsyte Saga* bán 450.000 cuốn, *Jacquère le croquant* 250.000 cuốn, *Sébastien parmi les hommes* 350.000 cuốn, *L'homme du Picardie* 100.000 cuốn v.v...

Các nhà xuất bản bèn cùng hãng truyền hình đặt một kế hoạch chung. Mỗi cuốn truyện được chọn, nhà xuất bản đem in, hãng truyền hình quay phim. Sách in xong trước bày bán sẵn lai rai ở các tiệm để chờ đợi. Khi phim bắt đầu được chiếu trên ti-vi, thế là sách bán ào ào.

Khách hàng phần đông là hạng chẳng bao giờ đọc sách. Nay xem ti-vi, thú quá, nên muốn kéo dài cái hứng thú nọ bằng cách mua cuốn truyện.

Tất nhiên, loại tác phẩm đi đôi với truyền hình ấy kh ông giá trị mấy về mặt nghệ thuật. Dầu sao, hiện tượng không có gì xấu.

Sách đến tận nhà

Ở Mỹ, lối bán sách tận nhà tiêu thụ được 33% tổng số thu của các nhà xuất bản. Ở Pháp, chỉ được 10%.

Ấy là nói chung chung đủ các loại sách. Còn riêng loại bách-khoa tự-điển thì 70% ở Pháp tiêu-thụ nhờ lối bán tận nhà. Đó là một truyền-thống bắt đầu từ năm 1900, khi nhà Quillet « lăng-xê » bộ bách-khoa của họ.

Mặc dù chưa theo kịp Mỹ, công-thức bán sách tận nhà ở Pháp cũng thành-công dữ lắm. Bởi vậy mà công việc của nhiều nhà xuất-bản phát-đạt trông thấy, trong vòng 8 năm, nhà *Le livre de Paris* từ 4 người bán sách tăng lên đến 1.300 người, nhà Bordas từ 3 người tăng lên 400 người, nhà Rombaldi từ 10 người tăng lên 500 người.

Những người này đến từng nhà, bấm chuông, xin gặp mặt chủ nhân, trổ khẩu tài giới thiệu một số tác phẩm, và mời... Có người chuyên về loại sách này, có người sở trường về loại sách kia, có người thông-thạo về loại

sách nọ... Không những kẻ bán sách phải am-hiểu, lắm khi cần có tí uy-tín nữa: nếu họ xuất-trình được một bức thư giới thiệu của một tác-giả, một nhân-vật danh vọng nào đó thì tốt quá.

Việc phát hành sách ở ta đang gặp khó khăn. Nhà phát hành Hàm thụ độ nào đang cố gắng huy-động nhiều sáng-kiến để mở một... con đường máu, tìm lối thoát. Liệu có thể nghiên cứu kinh nghiệm phát hành tận nhà của các nước Âu-Mỹ, canh cải cho thích hợp với thực tại nước nhà, rồi đem xài thử coi kết quả ra sao ?

Phát hành kiểu này ở đô-thị thường không gặp thuận lợi: dân đô thị đố kỵ khách lạ, không tín nhiệm hạng người bán dạo, thường vắng nhà vào giờ làm việc v.v.. Nhưng ta có một thị trường mênh mông ở thôn quê, nơi mà sách chưa bao giờ tự nó men tới, một miền Viễn-Tây của sách báo.

TRÀNG-THIÊN
10-1971

HỌC SINH 12 B
Cần mua ngay :
HÌNH HỌC và HÌNH HỌC GIẢI TÍCH
của G.S NGUYỄN VĂN KỶ CƯƠNG

Tăng cường sinh lực bằng
CETONIC
VITAMINE C 250mg
433-YTDP.Đ.